

NGƯỜI RA-GLAI

Nhóm địa phương : Rai (ở Hàm Tân - Bình Thuận), Hoang, La Oang (Đức Trọng - Lâm Đồng)...

Dân số : 96.931 người.

Ngôn ngữ : Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Malaiô - Pôlinêxia (ngữ hệ Nam Đảo). Do có sự tiếp xúc với các dân tộc khác quanh vùng nên ở người Ra-glai đã xuất hiện hiện tượng song ngữ và đa ngữ. Tiếng phổ thông hiện giữ một vai trò quan trọng, là ngôn ngữ giao tiếp của người dân nơi đây với những dân tộc cận cư khác.

Lịch sử : Người Ra-glai đã sinh sống lâu đời ở vùng Nam Trung Bộ.

Hoạt động sản xuất : Nghề làm rẫy luôn chi phối các hoạt động kinh tế khác. Trên rẫy đồng bào trỉa cỏ lúa, bắp, đậu, bầu bí và cây ăn trái. Rẫy được phát bằng chà gạc, rựa hoặc rìu. Cư dân sử dụng đoạn gỗ ngắn, nhọn đầu để trỉa giống, làm cỏ rẫy bằng chiếc cào nhỏ và thu hoạch lúa bằng tay... Rèn và đan lát là hai nghề thủ công khá phát đạt. Nghề dệt không phát triển... Chăn nuôi phổ biến với các đàn gia súc, gia cầm gồm trâu, lợn, gà, vịt... Ngày nay cư dân đã biết trồng cấy lúa nước.

Ăn : Sáng và chiều là hai bữa ăn chính. Cơm trưa thường được mang lên rẫy. Canh nấu lắn thịt, cá và các loại rau là món ăn được ưa thích. Đồ uống gồm nước lă đựng trong vỏ bầu khô và rượu cần. Thuốc lá tự thái, quấn trong vỏ bắp ngô được dùng phổ biến trong các gia đình.

Mặc : Rất khó tìm thấy y phục truyền thống của người Ra-glai. Ngày nay, đàn ông thì mặc quần âu và áo sơ mi, đàn bà mặc váy hoặc quần với áo bà ba. Thời xa xưa, đàn ông nơi đây ở trần, đóng một loại khổ đơn giản, không có hoa văn trang trí. Những ngày lễ hội truyền thống, phụ nữ mặc áo dài, phía trên được ghép thành những ô vuông màu đỏ, trắng xen kẽ nhau.

Có nhiều cách chế thóc thành gạo : Xay, cối giã gạo bằng chân, cối giã gạo bằng sức nước, cối giã gạo bằng chày tay... Người Ra-glai cũng như các dân tộc Tây Nguyên giã gạo phổ biến bằng chày tay.

Ảnh : Vũ Hồng Thuật



Ở : Người Ra-glai ở trong vùng núi và thung lũng có độ cao từ 500 - 1000m, tập trung ở các huyện Ninh Sơn (Ninh Thuận), Bắc Bình (Bình Thuận) và một số nơi thuộc các tỉnh : Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng. Trước đây, họ ở nhà sàn. Hiện nay, nhà đất đã khá phổ biến. Những căn nhà thường có dạng hình vuông, chỉ rộng chừng 12 - 14m². Một vài nhà lớn hơn, có hình chữ nhật. Kĩ thuật lắp ghép rất đơn sơ, chủ yếu sử dụng chạc cây và dây buộc. Mái lợp bằng tranh hoặc lá mây. Vách được che bằng phên đan hay sử dụng đất trát.

Phương tiện vận chuyển : Như các dân tộc khác trên Trường Sơn - Tây Nguyên, phương tiện vận chuyển của người Ra-glai là gùi. Gùi được đan đơn giản, không hoa văn trang trí. Gùi có các kích cỡ khác nhau, phù hợp với đôi vai của từng người và từng công việc cụ thể.

Quan hệ xã hội : Mỗi làng là nơi sinh sống của nhiều dòng họ. Trong những trường hợp cần thiết "Hội đồng già làng" hình thành dựa trên sự thừa nhận của mọi thành viên trong làng. Mỗi đơn vị cư trú đều có một người đứng đầu, là người có công tìm đất lập làng. Khi nhiều làng cùng sinh tụ trên một vùng rừng núi thì ở đó có một người là chủ núi bên cạnh các chủ làng. Tầng lớp thầy cúng cũng đã hình thành... Tuy nhiên, mọi quan hệ xã hội của người Ra-glai trước kia và hiện nay đều chịu sự chi phối của chế độ gia đình mẫu hệ.

Cưới xin : Tình yêu của trai gái trước hôn nhân được người Ra-glai tôn trọng. Việc cưới xin phải trải qua nhiều bước, nhiều thủ tục khá phức tạp. Lễ cưới được tiến hành cả ở hai bên gia đình : nhà gái trước, nhà trai sau. Quan trọng nhất trong lễ cưới là nghi thức trải chiếu cho cô dâu, chú rể. Cô dâu, chú rể ngồi trên chiếu này để hai ông cậu của hai bên cúng trình với tổ tiên, thần linh về việc cưới xin. Cũng chính trên chiếc chiếu này, họ ăn chung bữa cơm đầu tiên trước sự chứng kiến của hai họ. Sau lễ cưới, việc cư trú bên vợ đang còn phổ biến.

Sinh đẻ : Trước và sau sinh nở, phụ nữ Ra-glai kiêng một số thức ăn, không nói tên một vài loài thú và tránh làm những công việc nặng nhọc. Họ được chồng dựng cho một căn nhà nhỏ ở bìa rừng để sinh đẻ. Họ đẻ ngồi và tự mình giải quyết các công việc khi sinh. Có nơi, sản phụ được sự giúp đỡ của một người đàn bà giàu kinh nghiệm. Khi sinh xong, người mẹ bế con về nhà và khoảng 7 ngày sau họ tiếp tục làm các công việc như bình thường. Ngày nay, phụ nữ nơi đây đã đến sinh đẻ ở trạm xá, với sự giúp đỡ của các nữ hộ sinh.

Ma chay : Người chết được quấn trong vải hoặc quần áo cũ rồi đặt trong quan tài bằng thân cây rỗng hay quấn bằng vỏ cây là tùy theo mức giàu nghèo của gia đình. Người chết được chôn trên rẫy hoặc trong rừng, đầu hướng về phía tây. Khi có đủ điều kiện về kinh tế người ta làm lễ bỏ mả, dựng nhà mồ cho người chết. Quanh nhà mồ được trồng các loại cây như : chuối, mía, dứa và khoai môn. Trên đỉnh nhà mồ còn chạm khắc hình chiếc thuyền và những chú chim bông lau. Vật dụng thuộc về người chết được phá hỏng, đặt quanh và trong nhà mồ.

Thờ cúng : Người Ra-glai cho rằng có một thế giới thần linh bao quanh và vượt ra ngoài hiểu biết của họ. Các vị thần đều có thể bót gậy tai họa hay trợ giúp họ nếu được cúng tế và thỉnh cầu. Vong linh người chết là lực lượng siêu nhiên gây cho họ nhiều sợ hãi nhất. Cư dân còn tin vào sự linh hóa của các loại thú vật... Vì vậy, hàng năm thường xuyên diễn ra các nghi lễ cúng bái với việc hiến tế để mong thần linh giúp đỡ. Việc cúng tế này đã có sự tham gia của lớp thầy cúng, họ đang dần tách khỏi lao động và coi cúng bái như một nghề nghiệp chính thức.

Lễ tết : Theo chu kỳ sản xuất, người Ra-glai thường tiến hành các nghi lễ khi chọn rẫy, phát và đốt rẫy, gieo trỉa và thu hoạch lúa. Theo chu kỳ đời người, đó là các lễ tiết khi sinh nở, lúc ốm đau, rồi cưới xin, ma chay... Những nghi lễ lớn trong năm thường tập trung vào khoảng tháng 1 - 2 dương lịch, khi đã thu hoạch rẫy, gồm cả lễ mừng thu hoạch, cưới xin và lễ bỏ mả. Đây chính là những ngày tết của cư dân vùng này.

Văn nghệ : Đó là những truyện cổ tích, thần thoại, những làn điệu dân ca, những câu tục ngữ, ca dao... thể hiện tâm tư, tình cảm của cư dân. Đó cũng còn là bộ nhạc cụ khá phong phú của người Ra-glai. Bộ chiêng đồng đầy đủ với 12 chiếc. Tuy nhiên, có thể sử dụng 4, 6, 7 hay 9 chiếc. Khèn bầu, kèn môi, đàn ống tre khá phổ biến. Người Ra-glai cũng là cư dân biết sử dụng những thanh đá kêu, ghép thành bộ thường gọi là đàn đá, đánh thay chiêng, khá độc đáo và lí thú.



Cồng chiêng là nhạc cụ rất phổ biến ở Trường Sơn – Tây Nguyên. Nam, nữ, người già, người trẻ Ra-glai đều say sưa chơi và thưởng thức tiếng cồng chiêng trong các đêm hội.

Ảnh : Phạm Lợi



Kèn môi là một loại nhạc cụ truyền thống của người Ra-glai, các bộ phận của kèn được làm bằng chất liệu khác nhau : nhôm, lá đồng, tre, dây đàn, sáp ong. Khi thổi, tay phải giữ bệ kèn, thân kèn cho vào môi ngậm, ngón tay trỏ của tay trái gẩy vào đầu nốt nhạc.

Ảnh : Vũ Hồng Thuật

NGƯỜI RƠ MĂM

Tên tự gọi : Rơ Măm.

Dân số : 352 người.

Ngôn ngữ : Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer (ngữ hệ Nam Á), chịu ảnh hưởng nhiều yếu tố ngôn ngữ của dân tộc Khmer và gần gũi với tiếng nói của một số nhóm trong dân tộc Xơ-đăng. Người Rơ Măm hiện sử dụng thành thạo tiếng nói của nhiều dân tộc, trong đó có tiếng phổ thông.

Lịch sử : Những người già làng cho biết, họ là cư dân đã sinh sống ở khu vực này từ xa xưa. Đầu thế kỷ XX, dân số của tộc này còn khá đông, phân bố trong 12 làng, ở lân với người Gia-rai. Hiện nay, họ chỉ sống tập trung trong một làng ở tỉnh Kon Tum.

Hoạt động sản xuất : Người Rơ Măm sống bằng nghề làm rẫy, trồng lúa nếp là chính, thêm một ít lúa tẻ, ngô và sắn. Họ sử dụng dao phát, rìu để đốn hạ cây, dùng lửa để đốt dọn rẫy, khi gieo tria dùng hai gậy chọc lỗ và một ống đựng hạt. Đôi bàn tay vẫn là công cụ chính để tuốt lúa. Sắn bắt và hái lượm còn giữ vai trò kinh tế quan trọng. Việc bắt cá dưới suối khá hiệu quả với đôi tay, rõ, đó và lá độc. Trong số những nghề phụ gia đình, nghề trồng bông, dệt vải được chú ý phát triển nhất. Trước kia, vải họ dệt ra đủ cung cấp cho nhu cầu mặc của gia đình, ngoài ra, còn là hàng hóa trao đổi lấy dầu đốt, muối ăn và các công cụ lao động bằng sắt mà họ không làm ra được.

Ăn : Tập quán ăn bốc còn tồn tại khá phổ biến vào thời điểm hiện nay. Người dân thích cơm nếp đốt trong ống tre, nứa ăn với canh và muối ớt. Họ lấy nước từ các mạch ngầm, đựng trong những chiếc vỏ bầu khô để uống, không cần đun sôi. Những ngày lễ tết, hội hè, cư dân uống rượu cân ché từ các loại gạo, sắn, bắp...

Cho dù những ngôi nhà kiểu cũ không còn nữa, nhưng hằng năm, các cây nêu ngày lễ đâm trâu, cái nọ tiếp cái kia vẫn đang và sẽ còn mọc lên với hàng cột vượt lên trên chiều cao của những mái nhà, những hàng cây. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại ở làng Le của người Rơ Măm hôm nay.

Ảnh : Phạm Lợi



Mặc : Trong xã hội truyền thống, đàn ông Rơ Măm mặc khổ, phía trước thả túi đầu gối, phía sau buông đến ống chân. Phụ nữ quấn váy và ở trần, một số mặc áo cộc tay. Váy và khổ đều có màu trắng của vải mộc, không nhuộm. Phụ nữ ua đeo hoa tai làm bằng ngà voi, nứa hoặc gỗ. Nam nữ thanh niên đều cà 4 hoặc 6 chiếc răng cửa của hàm trên, khi bước vào tuổi trưởng thành.

Ở : Làng truyền thống của người Rơ Măm được dựng theo một trật tự cố định. Nhà ở là loại nhà sàn dài, cất kế tiếp, xung quanh ngôi nhà chung. Cửa chính của mọi ngôi nhà đều quay nhìn vào nhà rông. Khoảng cách giữa nhà rông và nhà ở của các gia đình là khu sân chơi. Quanh làng có hàng rào bảo vệ. Mỗi nóc nhà thường có nhiều bếp. Mỗi cặp vợ chồng ở trong một buồng có vách ngăn, với một bếp riêng. Gian chính giữa nhà là nơi tiếp khách...

Tại làng Le, xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, hiện nay mỗi gia đình sống trong một ngôi nhà cao to, rộng thoáng, vách gỗ, mái ngói, do Nhà nước xây dựng.

Phương tiện vận chuyển : Gùi là phương tiện vận chuyển chính của người Rơ Măm, sử dụng sức mạnh của đôi vai và lưng. Gùi được đan cải hoa văn bằng nan nhuộm đen. Có loại gùi dành riêng cho việc vận chuyển công cụ săn bắt, đi rừng, làm rẫy của đàn ông. Có loại gùi lại chỉ sử dụng để vận chuyển váy, áo, đồ trang sức phụ nữ đem theo khi đi dự lễ tết, hội hè...

Đây là một trong những dụng cụ gắn liền với cuộc sống hằng ngày của người Rơ Măm.

Ảnh : Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam



Quan hệ xã hội : Đầu làng là một già làng, người cao tuổi nhất trong làng, do dân tín nhiệm bầu ra. Làng truyền thống là một công xã láng giềng. Mọi thành viên quan hệ với nhau dựa trên cơ sở bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Họ không chỉ quan hệ với nhau trong khuôn khổ làng mà còn quan hệ với làng khác, dân tộc khác qua việc trao đổi hàng hóa và trao đổi hôn nhân. Quan hệ xã hội ở đây còn lưu giữ khá đậm các tàn dư của thời kì mẫu hệ vào giai đoạn đang chuyển nhanh sang chế độ phụ hệ.

Cưới xin : Việc cưới xin của người Rơ Măm thường phải qua hai bước chính : ăn hỏi và đám cưới. Lễ cưới được tổ chức đơn giản, chỉ là bữa ăn uống cộng cảm của dân làng để chứng kiến và chúc mừng bữa ăn chung đầu tiên của cô dâu, chú rể. Tính chất hôn nhân của họ đang ở giai đoạn tiến lên chế độ phụ hệ. Sau ngày cưới, đôi vợ chồng trẻ sống bên nhau 4 - 5 năm rồi về ở bên nhà chồng hoặc cư trú luân phiên cả hai bên. Việc lì dị rất ít xảy ra.

Sinh đẻ : Trước kia, phụ nữ Rơ Măm sinh đẻ trong ngôi nhà nhỏ ở ngoài rừng. Đứa trẻ ra đời được cắt rốn bằng nứa hoặc một loại lá cây sắc. Mỗi làng có một hay hai bà đỡ là những người phụ nữ đã có tuổi, nhiều kinh nghiệm trong việc sinh nở. Phụ nữ phải kiêng một số thức ăn có nhiều mỡ, từ khi có thai cho đến lúc đứa trẻ tròn 3 năm tuổi. Gần đây họ sinh con tại nhà. Ngày đó, người lạ không được vào, nếu ai vi phạm sẽ bị giữ lại trong nhà đến hết thời gian kiêng cữ và đứa trẻ sẽ được đặt tên trùng với tên người khách lạ.

Ma chay : Người Rơ Măm thường dùng trống để báo tin trong nhà có người chết. Xác chết được đặt ở mặt trước ngôi nhà, đầu hướng vào trong, mặt nhìn nghiêng. Việc chôn cất sẽ được tiến hành vào một hai hôm sau. Các ngôi mộ xếp theo hàng lối sao cho mặt người chết không nhìn hướng vào làng. Một số ít ngôi mộ chôn chung, từ 2 đến 3 người, thường là những người thân trong gia đình. Trong lễ bỏ mả có hai người đeo mặt nạ (một nam, một nữ) đánh trống nhảy múa. Mặt nạ nam có hai sừng trên đầu, mặt nạ nữ có hai chiếc răng nanh. Kết thúc lễ bỏ mả, hai chiếc mặt nạ được treo lại trên nhà mồ...



Nét tiêu biểu trong kiến trúc nhà mồ truyền thống của người Rơ Măm là hình tượng những cặp ngà voi, được đẽo gọt công phu, trên đỉnh 4 cột dựng ở các góc nhà mồ.

Ảnh : Phạm Lợi

Thờ cúng : Người Rơ Măm quan niệm "vạn vật hữu linh", cả linh hồn con người sau khi chết cũng là lực lượng siêu nhiên đầy quyền lực và bí ẩn. Đó là những đối tượng mà họ thờ cúng để cầu mong một cuộc sống tốt đẹp hơn. Một trong những lực lượng siêu nhiên được người dân thờ cúng nhiều nhất là Thần Lúa. Họ cúng Thần Lúa vào ngày bắt đầu tria giống, khi lúa lên đồng, trước ngày tuốt lúa... để cầu mong một mùa rẫy bội thu...

Lễ tết : Trong tất cả những nghi lễ được tiến hành theo chu kỳ sản xuất hay chu kỳ đời người đều có hiến tế các con vật như : gà, lợn, hoặc trâu. Ngày lễ lớn nhất thường được tổ chức sau thu hoạch mùa rẫy. Các gia đình trong làng làm lễ mừng kế tiếp nhau, có thể mỗi ngày một gia đình hay 4 - 5 ngày một chủ hộ giết lợn, gà, thậm chí tổ chức đám trâu mòi bà con trong làng tới dự. Sau lễ mừng lúa mới là thời điểm diễn ra hàng loạt đám cưới của nam nữ thanh niên và lễ bỏ mả cho người đã chết.

Văn nghệ : Những làn điệu dân ca, những bài hát giao duyên của nam nữ thanh niên, những câu chuyện kể của người già với bộ nhạc cụ gồm chiêng, trống và các loại đàn, sáo... được làm ra từ nguồn tre, nứa trong rừng là yếu tố chính tạo dựng nên nền văn nghệ dân gian của cư dân nơi đây.

NGƯỜI SÁN CHAY

Tên tự gọi : Sán Chay.

Tên gọi khác : Hòn Bán, Chùng, Trại...

Nhóm địa phương : Cao Lan và Sán Chỉ.

Dân số : 147.315 người.

Ngôn ngữ : Tiếng Cao Lan thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (ngữ hệ Thái - Ka Đai) còn tiếng Sán Chỉ thuộc nhóm ngôn ngữ Hán (ngữ hệ Hán - Tạng).

Lịch sử : Người Sán Chay từ Trung Quốc di cư sang cách đây khoảng 400 năm.

Hoạt động sản xuất : Là cư dân nông nghiệp, làm ruộng nước thành thạo nhưng nương rẫy vẫn có vai trò to lớn trong đời sống kinh tế và phương thức canh tác theo lối chọc lỗ, tra hạt vẫn tồn tại đến ngày nay. Đánh cá có vị trí quan trọng. Với chiếc vợt ôm và chiếc giỏ có hom, việc đánh cá đã cung cấp thêm nguồn thực phẩm giàu đạm, góp phần cải thiện bữa ăn.



Bộ nữ phục truyền thống của người Sán Chay bao gồm váy, áo, yếm, thắt lưng và khăn. Chiếc áo uyên ương mà họ gọi là *pù dǎn đinh* có trang trí hoa văn ở lưng áo và hò áo. Loại hoa văn thường thấy là ngôi sao 8 cánh.

Ảnh : La Công Ý

Ăn : Người Sán Chay ăn cơm tẻ là chính. Rượu cũng được dùng nhiều, nhất là trong ngày tết, ngày lễ. Đàn ông thường hút thuốc láo. Phụ nữ ăn trầu.

Mặc : Phụ nữ mặc váy chàm và áo dài có trang trí hoa văn ở hò áo và lưng áo. Thường ngày, chỉ dùng một thắt lưng chàm nhưng trong ngày tết, ngày lễ họ dùng 2, 3 chiếc thắt lưng bằng lụa hay nhiều với nhiều màu khác nhau.

Ở : Người Sán Chay cư trú ở các tỉnh vùng Đông Bắc nước ta, chủ yếu ở các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ... Họ sống trên nhà sàn giống nhà của người Tày cùng địa phương.

Phương tiện vận chuyển : Người Sán Chay thường đeo chiếc túi lười ở sau lưng theo kiểu đeo ba lô.

Quan hệ xã hội : Trước Cách mạng tháng Tám, ruộng đất dần dần trở thành tư hữu hóa và phân hóa giai cấp ngày càng rõ rệt. Trong xã hội đã xuất hiện địa chủ và phú nông. Tùy theo từng địa phương, chính quyền thực dân phong kiến đặt ra một số chức dịch như *quản mán*, *tài chạ*, *quan lanh*... Bên cạnh đó có tổ chức tự quản ở các bản do dân bầu ra gọi là *khán thủ*. Có nhiều dòng họ, trong đó có những dòng họ lớn, đông dân như Hoàng, Trần, La, Ninh. Các chi họ và nhóm hương hỏa giữ vị trí quan trọng trong sinh hoạt cộng đồng.

Cưới xin : Trước khi đón dâu, lễ vật và trang phục của những người đi đón được tập trung lại ở giữa nhà để quan lang làm phép. Khi xuất phát, quan lang đứng dưới giọt gianh giuong ô lên cho mọi người đi qua. Trên đường về nhà chồng, cô dâu phải đi chân đất. Sau khi cưới, cô dâu vẫn ở



Nhà sàn là ngôi nhà truyền thống của nhiều dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày – Thái. Nhà của người Sán Chay thường quay lưng lên đồi, phía trước nhìn ra ruộng và xung quanh là vườn cây lâu năm.

Ảnh : La Công Ý

nha bô me đẻ cho đến lúc sắp đẻ mới về ở nhà chồng. Ông mối được cõi dâu, chú rể quý trọng, coi như bố mẹ và khi ông mối chết phải để tang.

Bàn thờ của người Sán Chay khá đơn sơ, nhiều khi chỉ là một ống tre để cắm hương. Nhưng hàng năm đến trước Tết Nguyên đán các bàn thờ được quét dọn và dán lên một mảnh giấy đỏ.

Ảnh : La Công Ý



Sinh đẻ : Trong vòng 42 ngày sau khi đẻ cẩm người lạ vào nhà. Nếu ai đó lỡ vào mà sau đó trẻ sơ sinh bị ốm thì phải đem lễ vật đến làm lễ cúng vía. Sau khi đẻ 3 ngày tổ chức lễ *ba mai*.

Ma chay : Đám ma do thầy tào chủ trì gồm nhiều nghi lễ chịu ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo và Phật giáo. Đặc biệt ngôi nhà táng được làm rất công phu và đẹp.

Làm nhà mới : Việc chọn đất, chọn hướng và chọn ngày giờ để làm nhà mới rất được người Sán Chay coi trọng.

Thờ cúng : Trong nhà người Sán Chay có rất nhiều bàn thờ. Ngoài thờ cúng tổ tiên, họ còn thờ trời đất, Thổ Công, Bà Mụ, Thần Nông, Thần Chǎn nuôi... Phổ biến nhất là thờ Ngọc Hoàng, Phật Nam Hoa, Táo Quân.

Lễ tết : Họ ăn Tết như người Tày.

Lịch : Người Sán Chay theo âm lịch.

Học : Người Sán Chay sử dụng chữ Hán trong cúng bái và chép bài hát.

Văn nghệ : Ngoài kể chuyện cổ tích, đọc thơ, người Sán Chay còn yêu thích ca hát. Phổ biến hơn cả là *sinh ca*, lối hát giao duyên nam nữ gồm 2 loại : hát ở bản về ban đêm và hát trên đường đi hoặc ở chợ. Bên cạnh đó còn có ca đám cưới, hát ru...

Chơi : Đánh cầu lông, đánh quay là những trò chơi phổ biến của người Sán Chay. Trong ngày hội có nơi còn biểu diễn trò "trồng chuối", "vặt rau cải".

NGƯỜI SÁN DÌU

Tên tự gọi : San Déo Nhín (Sơn Dao Nhân).

Tên gọi khác : Trại, Trại Đất, Mán Quần cộc, Mán Váy xẻ...

Ngôn ngữ : Người Sán Dìu nói thổ ngữ Hán Quảng Đông (ngữ hệ Hán - Tạng).

Dân số : 126.237 người.

Lịch sử : Người Sán Dìu di cư đến Việt Nam khoảng 300 năm nay.

Hoạt động sản xuất : Người Sán Dìu có làm ruộng nước nhưng không nhiều, canh tác ruộng khô là chính. Ngoài các loại cây trồng thường thấy ở nhiều vùng như lúa, ngô, khoai, sắn,... họ còn trồng nhiều cây có củ.

Từ rất lâu họ đã biết dùng phân bón ruộng. Nhờ đắp thêm mũi phụ, lưỡi cày của họ trở nên bền, sắc và thích hợp hơn với việc cày ở nơi đất cứng, nhiều sỏi đá.

Ăn : Người Sán Dìu ăn cơm tẻ là chính, có độn thêm khoai, sắn. Sau bữa ăn, họ thường húp thêm bát cháo loãng như người Nùng.



Chiếc váy quấn gồm 2 mảnh cùng gắn vào một cạp là một nét đặc trưng văn hóa của người Sán Dìu.

Ảnh : La Công Ý

Mặc : Bộ y phục truyền thống của phụ nữ gồm khăn đen, áo dài (đơn hoặc kép), nếu là áo kép thì bao giờ chiếc bên trong cũng màu trắng còn chiếc bên ngoài màu chàm dài hơn một chút ; yếm màu đỏ ; thắt lưng màu trắng, hồng hay xanh lơ ; váy là hai mảnh rời cùng chung một cạp, chỉ dài quá đầu gối có màu chàm ; xà cạp màu trắng. Đồ trang trí gồm vòng cổ, vòng tay, hoa tai và dây xà titch bằng bạc.

Nam giới ăn mặc như người Việt : búi tóc vấn khăn hoặc đội khăn xếp, áo dài thảm, quần trắng.

Ở : Họ sống tập trung ở trung du Bắc Bộ, trong vùng từ tả ngạn sông Hồng đổ về phía đông vùng Đông Bắc nước ta. Chủ yếu ở các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Tuyên Quang... Làng xóm của họ tựa như làng người Việt, có lũy tre bao bọc và giữa các nhà thường có tường hay hàng rào. Ở nhà đất trình tường hay thung ván.

Phương tiện vận chuyển : Ngoài gánh còn sử dụng xe quèt như là một phương tiện vận chuyển chính. Xe làm bằng tre, gỗ do trâu kéo, dùng để vận chuyển tất cả mọi thứ, từ thóc lúa, củi đuốc cho đến phân bón. Do không có bánh nên xe quèt có thể sử dụng ở nhiều loại địa hình khác nhau.

Quan hệ xã hội : Trước Cách mạng tháng Tám, ruộng đất đã tư hữu hóa và xã hội đã có sự phân hóa giai cấp rõ rệt. Địa chủ và phú nông nắm giữ nhiều ruộng đất và bóc lột các tầng lớp nông dân lao động dưới hình thức phát canh thuê tő, thuê mướn nhân công và cho vay nặng lãi.

Bên cạnh bộ máy chính quyền, ở các làng còn có người đứng đầu làng do dân bầu ra để quản lí công việc chung.



Bộ đồ nghề của thầy cúng Sán Dìu gồm có án, lệnh bài, sách cúng, tù và và thẻ xin âm dương.

Ảnh : La Công Ý

Cưới xin : Nam nữ được tự do yêu đương nhưng họ có thành vợ thành chồng hay không lại tùy thuộc vào “số mệnh” và sự quyết định của bố mẹ.

Đám cưới gồm nhiều nghi lễ. Đáng chú ý nhất có lẽ khai hoa tửu diễn ra tại nhà gái, trước hôm cô dâu về nhà chồng. Người ta lấy một bình rượu và một cái đĩa, trên đĩa lót hai miếng giấy cắt hoa, miếng trắng để dưới, miếng đỏ để trên, đặt lên trên đĩa hai quả trứng luộc có xâu chỉ đỏ và buộc ở mỗi bên trứng hai đồng xu. Sau khi cúng thì bóc trứng lấy lòng đỏ hòa với rượu để mọi người uống mừng hạnh phúc của cô dâu, chú rể.

Ma chay : Khi hạ huyệt, con cái phải từ phía chân quan tài bò một vòng quanh miệng huyệt. Con trai bò từ trái sang phải còn con gái bò từ phải sang trái, vừa bò vừa xô đất lấp huyệt. Lúc đứng dậy, mỗi người vốc một nắm đất và chạy thật nhanh về nhà bỏ vào chuồng trâu, chuồng lợn,... với ý nghĩa cho gia súc sinh sôi, nảy nở. Tiếp đó chạy vào nhà và ngồi xuống thúng thóc với quan niệm ai dính nhiều thóc là may mắn. Cuối cùng, mỗi người tự xé lấy một miếng thịt gà luộc để ăn, ai đến trước nhất được mào gà, tiếp theo được đầu, cổ, cánh... Nhà mồ có mái bằng, lợp lá rừng. Khi cải táng, xương được xếp vào tiểu hoặc chum theo tư thế ngồi và nếu chưa chọn được ngày tốt thì chôn tạm ở chân đồi hay bờ ruộng.

Nhà mới : Mỗi khi có ai làm nhà thì mọi người trong họ, trong làng tự đến giúp đỡ, chủ nhân không cần phải mời giúp. Trong lễ lên nhà mới, chủ nhà mời người cao tuổi trong họ đem lửa, bình vôi, ít hạt giống vào nhà.

Thờ cúng : Trên bàn thờ thường đặt ba bát hương thờ tổ tiên, pháp sư và Táo quân. Nếu chủ nhà chưa được cấp sắc thì chỉ có hai bát hương. Những người mới chết chưa kịp làm ma cũng đặt bát hương lên bàn thờ nhưng để thấp hơn. Ngoài ra, người Sán Dìu còn thờ Thổ thần ở miếu, thờ Thành hoàng ở đình.

Lễ tết : Có những ngày tết như nhiều dân tộc khác ở trong vùng. Riêng tết Đông chí còn mang thêm ý nghĩa cầu mong có con đàn, cháu đống. Những người đã lấy nhau lâu mà vẫn chưa có con thì sau khi ăn Tết xong người vợ về nhà bố mẹ đẻ ở. Người chồng cho ông mối đến hỏi và sau đó tổ chức cưới lại như là cưới vợ mới.

Lịch : Người Sán Dìu theo âm lịch.

Học : Trước kia, thanh niên thường học chữ Hán để làm thầy cúng ; hiện nay, còn rất ít người biết chữ Hán.

Văn nghệ : Giống như ở nhiều dân tộc khác, người Sán Dìu cũng có hát giao duyên nam nữ mà họ gọi là *soọng cô*, thường được hát về đêm. Có những cuộc hát kéo dài suốt nhiều đêm.

NGƯỜI SI LA

Tên tự gọi : Cù Đề Sù.

Tên gọi khác : Kha Pè.

Dân số : 840 người.

Ngôn ngữ : Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, gần với Miến hơn.

Lịch sử : Người Si La có nguồn gốc di cư từ Lào sang.

Hoạt động sản xuất : Trước kia chuyên làm nương du canh, nay sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, ngô trên ruộng và nương. Hải lượm giữ vị trí quan trọng trong đời sống.

Ăn : Người Si La quen dùng cả cơm nếp và cơm tẻ với các loại canh rau rừng là chính. Đạm động vật chủ yếu là sản phẩm của săn bắn, đánh cá.

Mặc : Phụ nữ mặc váy, hở bụng. Áo cài khuy bên nách phải, nổi bật là vạt ngực gắn đầy những đồng xu bạc, xu nhôm ; cổ và tay áo được trang trí bằng cách gắn lên những đường vải màu khác nhau. Váy màu đen hay chàm, khi mặc giặt ra phía sau. Khăn đội đầu phân biệt theo lứa tuổi và tình trạng hôn nhân. Phụ nữ thường đeo túi đan bằng dây gai.

Tục nhuộm răng phổi biển, nam giới nhuộm đỏ, nữ nhuộm đen.

Ở : Người Si La quần tụ trong vài ba bản ở huyện Mường Tè, Lai Châu. Ở nhà đất, hai gian và hai chái nhỏ, có hiên và một cửa ra vào. Bàn thờ ở góc trái trong cùng, trên có một chén rượu nhỏ và một quả bầu. Bếp chính ở giữa nhà, kê ba ông đầu rau bằng đá, ông đầu rau quan trọng nhất, nơi mà tổ tiên thường ở, trông coi bếp lửa, quay lưng hướng về bàn thờ.

Thiếu nữ Si La khi chưa chồng thì vấn tóc quanh đầu và đội khăn trắng giản dị. Khi lấy chồng thì búi tóc lên đỉnh đầu và cuốn đội khăn chàm đen.

Ảnh : Mai Thanh Sơn



Người Si La thích dùng loại túi lưới được đan bằng tơ gai. Quai đeo ở túi, nữ còn can thêm chỉ màu. Đan túi là công việc của nữ.

Ảnh : Mai Thanh Sơn



Phương tiện vận chuyển : Người Si La phổ biến dùng gùi. Ngoài ra họ còn biết dùng thuyền, mảng đi lại trên sông.

Quan hệ xã hội : Làng bản Si La xưa kia chịu sự cai quản của hệ thống chức dịch người Thái, chưa có sự phân hóa giai cấp. Tinh cộng đồng trong công xã cao.

Quan hệ dòng họ khá chặt chẽ. Có nhiều tên họ khác nhau nhưng họ Hù và họ Pờ đông hơn cả. Do quan niệm cùng tên họ là cùng chung tổ tiên xa xưa do điều kiện cư trú xa cách, người ở chi họ này dễ dàng xin nhập sang chi họ khác, cùng thờ tổ tiên với nhau. Mỗi chi họ đều có người già nhất, không phân biệt dòng trưởng hay thứ, đứng đầu. Hằng năm vào hai kì, Tết năm mới và Côm mới, có lễ cúng tổ tiên chung ở nhà người trưởng họ với các lễ vật rất đặc trưng như thịt sóc, cua, cá bống, ống rượu cần tượng trưng, vài bông lúa, khoai sọ, bó lá hạt cuồng. Trên mâm cúng không dùng hương mà đốt nến bằng sáp ong. Những đồ thờ gia bảo của dòng họ bày ở bàn thờ là trống, nhạc ngựa, quả bầu, chén đựng rượu. Khi người trưởng họ mất, chỉ sau ba năm người lên thay mới được quyền chuyển những đồ thờ này sang bàn thờ nhà mình. Người trưởng họ có vai trò lớn trong việc điều chỉnh các quan hệ giữa các thành viên trong họ, cưới xin, ma chay, cho người ra khỏi họ hoặc kết nạp thành viên mới vào họ. Những người cùng họ không được lấy nhau.

Cưới xin : Trai gái yêu nhau được quan hệ với nhau, người con trai được ngủ qua đêm tại nhà người yêu của mình. Có tục cưới hai lần. Lần đầu đón cô dâu về nhà chồng. Lần thứ hai sau một năm, nhà trai trao tiền cưới cho nhà gái.

Sinh đẻ : Phụ nữ sinh con ở trong nhà, đẻ ngồi. Nhau đẻ đựng trong ống nứa, phủ một lớp tro bếp lên trên đựng ở góc bếp cho đến ngày đặt tên cho đứa trẻ. Họ thường mời bà già trong bản tới đặt tên cho con để mong con sống lâu. Sau khi đặt tên, bà già này bịt ống đựng nhau bằng lá chuối, nếu con trai buộc 9 lạt, con gái buộc 7 lạt, rồi đem treo hoặc chôn. Lễ cúng hồn cho trẻ sơ sinh được tiến hành 3 ngày sau khi đặt tên.

Ma chay : Nghĩa địa thường để dưới bản, mộ của những người cùng họ thường ở gần nhau. Kiêng đặt mộ xa giữa những người khác họ. Chọn được đất ưng ý để đặt mộ thì cuốc một nhát, đặt cục than vào nhát cuốc đó, coi như đất đã có chủ. Sáng hôm sau mới làm nhà táng và đào huyệt. Quan tài bằng khúc gỗ bỗ đôi khoét rỗng. Cúng đưa hồn người chết về quê hương cũ ở Mồ U. Sau khi chôn, gia đình tang chủ dội nước tắt bếp, mang hết than củi cũ ra ngoài nhà rồi mới đốt bếp. Không có tục cải táng và tảo mộ. Để tang bằng cách con trai buộc túm ít tóc trên đỉnh đầu, con gái tháo vòng tay, vòng cổ.

Thờ cúng : Con cái thờ bố mẹ đã mất. Mỗi bàn thờ phải có chén thờ lấy từ chén cúng cơm bố mẹ trong ngày làm ma. Nhà có bao nhiêu con trai thì có bấy nhiêu chén và tất cả để lên bàn thờ. Đến khi chia nhà thì mang chén đó ra lập bàn thờ riêng. Thờ tổ tiên từ đời ông trở lên do người trưởng họ đảm nhận. Lễ cúng bản là lễ cúng quan trọng nhất cầu mong cả bản không ốm đau, bệnh tật, lợn gà không bị thú rừng bắt trong năm. Cứ 7 năm lại làm lễ cúng hồn lúa, dùng vợt bắt cá, gạo đưa đường để đưa hồn lúa từ nương về bản, tới nhà rồi cất kĩ trên bồ thóc.

Học : Trước kia, họ không có chữ viết riêng, kinh nghiệm trao truyền bằng lời hoặc qua thực hành.

Văn nghệ : Người Si La hát giao duyên giữa nam nữ thanh niên, hát sử ca.

Tết lê : Ăn Tết năm mới vào đầu tháng 12 âm lịch. Ngoài ra họ còn ăn Tết Côm mới.

Chơi : Các em nhỏ Si La thường chơi các đồ chơi tự chế từ tre gỗ hay đất sét. Đồng thời, chúng cũng có các trò chơi tập thể rất vui nhộn.

NGƯỜI TÀY

Tên gọi khác : Thổ.

Nhóm địa phương : Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao và Pa Dí.

Dân số : 1.477.514 người.

Ngôn ngữ : Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (ngữ hệ Thái - Ka Đai).

Lịch sử : Người Tày có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, có thể từ nửa cuối thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên.

Hoạt động sản xuất : Người Tày là cư dân nông nghiệp có truyền thống làm ruộng nước, từ lâu đời đã biết thâm canh và áp dụng rộng rãi các biện pháp thủy lợi như đào mương, bắc máng, đắp phai, làm cọn lấy nước tưới ruộng. Họ có tập quán đập lúa ở ngoài đồng trên những máng gỗ mà họ gọi là *loóng* rồi mới dùng đậu rá gánh thóc về nhà. Ngoài lúa nước người Tày còn trồng lúa khô, hoa màu, cây ăn quả... Chăn nuôi phát triển với nhiều loại gia súc, gia cầm nhưng cách nuôi thả rông cho đến nay vẫn còn khá phổ biến. Các nghề thủ công gia đình được chú ý. Nổi tiếng nhất là nghề dệt thổ cẩm với nhiều loại hoa văn đẹp và độc đáo. Chợ là một hoạt động kinh tế quan trọng.

Người Tày (Pa Dí) có truyền thống làm các loại bánh bằng bột. Những ngày tết, phiên chợ, phụ nữ trong các gia đình thường rất bận rộn làm bánh.

Ảnh : Trọng Thanh



Lạng Sơn nổi tiếng thuốc lá sợi vàng. Thuốc ngon do đất, giống, sấy và cũng do cách phơi.

Ảnh : Trọng Thanh



Ăn : Trước kia, ở một số nơi, người Tày ăn nếp là chính và hầu như gia đình nào cũng có ninh và chõ đồ xôi. Trong các ngày tết, ngày lễ thường làm nhiều loại bánh trái như bánh chưng, bánh giầy, bánh gai, bánh dợm, bánh gio, bánh rán, bánh trôi, bánh khảo... Đặc biệt có loại bánh bột hấp nhân bằng trứng kiến và cốm được làm từ thóc nếp non hơ lửa, hoặc rang rồi đem giã.



Trang phục của người Tày hầu như không thêu hoa văn. Riêng áo phụ nữ nhóm Pa Dí có thêu hoa văn ở cổ và hò áo, ống tay áo được nối bởi những đoạn vải màu. Điểm nổi bật nhất trong bộ trang phục nữ Pa Dí là chiếc mũ hình mái nhà.

Ảnh : Mai Thanh Sơn

Mặc : Bộ y phục cổ truyền của người Tày làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm, hầu như không có thêu thùa, trang trí. Phụ nữ mặc váy hoặc quần, có áo cánh ngắn ở bên trong và áo dài ở bên ngoài. Nhóm Ngạn mặc áo ngắn hơn một chút, nhóm Phén mặc áo màu nâu, nhóm Thu Lao búi tóc, quần khăn thành chóp nhọn trên đỉnh đầu, nhóm Pa Dí đội mũ hình mái nhà còn nhóm Thổ mặc như người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình).

Ở : Người Tày cư trú ở vùng thung lũng các tỉnh Đông Bắc, từ Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang đến Lào Cai, Yên Bái. Họ thích sống thành bản làng đông đúc, nhiều bản có tới hàng trăm nóc nhà.

Ngôi nhà truyền thống của người Tày là nhà sàn có bộ sườn làm theo kiểu vỉ kèo 4, 5, 6 hoặc 7 hàng cột. Nhà có 2 hoặc 4 mái lợp ngói, tranh hay lá cọ. Xung quanh nhà thường ván gỗ hoặc che bằng liếp nữa.

Phương tiện vận chuyển : Với những thứ nhỏ, gọn, người Tày thường cho vào dậu để gánh hoặc cho vào túi vải để đeo trên vai ; còn đối với những thứ to, cồng kềnh thì dùng sức người khiêng vác hoặc dùng trâu kéo. Ngoài ra, họ còn dùng bè, mảng để chuyên chở trên sông suối.

Quan hệ xã hội : Chế độ *quǎng* là hình thức tổ chức xã hội đặc thù theo kiểu phong kiến sơ kì mang tính chất quý tộc, thế tập, cha truyền con nối.

Trong phạm vi thống trị của mình *quǎng* là người sở hữu toàn bộ ruộng đất, rừng núi, sông suối... vì thế có quyền chi phối những người sống trên mảnh đất đó và bóc lột họ bằng lao dịch, bắt phải đến lao động không công và tó hiên vật, buộc phải cống nạp. Chế độ *quǎng* xuất hiện từ rất sớm và tồn tại dai dẳng mãi đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Cưới xin : Nam nữ được tự do yêu đương, tìm hiểu nhung có thành vợ thành chồng hay không lại tùy thuộc vào bố mẹ hai bên và “số mệnh” của họ có hợp nhau hay không. Vì thế, trong quá trình đi tới hôn nhân, phải có bước nhà trai xin lá số của cô gái về so với lá số của con mình. Sau khi cưới, cô dâu ở nhà bố mẹ để cho đến khi có mang, sắp đến ngày sinh nở mới về ở hẳn bên nhà chồng.

Lễ lầu then (*lăuput*) là một nghi lễ để thầy cúng (bà Then) mang lề vật đi tiến cống Ngọc Hoàng nhằm xin những điều tốt lành hoặc để cấp sắc nhằm thăng quan tiến chức cho người làm Then. Trong ảnh là các bà Then đang hành lễ.

Ảnh : La Công Ý



Sinh đẻ : Khi có mang cũng như trong thời gian đầu sau khi đẻ, người phụ nữ và đôi khi cả chồng phải kiêng cữ nhiều thứ khác nhau với ước muốn được mẹ tròn, con vuông, đứa bé chóng lớn, khỏe mạnh và tránh được những vía độc làm hại.

Sau khi sinh được 3 ngày, cúng tẩy vía và lập bàn thờ bà mụ. Khi đầy tháng, tổ chức lễ ăn mừng và đặt tên cho trẻ.

Ma chay : Đám ma thường được tổ chức linh đình với nhiều nghi lễ nhằm mục đích báo hiếu và đưa hồn người chết về bên kia thế giới. Sau khi chôn cất ba năm làm lễ mãn tang, đưa hồn người chết lên bàn thờ tổ tiên. Hằng năm tổ chức cúng giỗ vào một ngày nhất định.

Nhà mới : Khi làm nhà phải chọn đất, xem hướng, xem tuổi, chọn ngày tốt. Trong ngày vào nhà mới, chủ gia đình phải nhóm lửa và giữ ngọn lửa cháy suốt đêm đến sáng hôm sau.

Thờ cúng : Người Tày chủ yếu thờ cúng tổ tiên. Ngoài ra còn thờ Thổ công, Vua Bếp, Bà Mụ.

Lễ tết : Hằng năm có nhiều ngày Tết với những ý nghĩa khác nhau. Tết Nguyên đán, mở đầu năm mới và rằm tháng 7, cúng các vong hồn là những tết lớn được tổ chức linh đình hơn cả. Tết gọi hồn trâu bò tổ chức vào mùng 6 tháng 6 âm lịch, sau vụ cấy và Tết Cơm mới, tổ chức trước khi thu hoạch là những cái tết rất đặc trưng cho cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Lịch : Người Tày theo âm lịch.

Học : Chữ Nôm Tày, xây dựng trên mẫu tự tượng hình, gần giống chữ Nôm Việt, ra đời khoảng thế kỷ XV, được dùng để ghi chép truyện thơ, bài hát, bài cúng... Chữ Tày - Nùng, dựa trên cơ sở chữ cái La-tinh, ra đời năm 1960 và tồn tại đến giữa những năm 80, được dùng trong các trường tiểu học vùng có người Tày, Nùng cư trú.

Văn nghệ : Người Tày có nhiều làn điệu dân ca như *lượn, phong slu, phuối pác, phuối rọi, vén eng...* Lượn gồm *lượn cọi, lượn sluong, lượn then, lượn nàng ói...* là lối hát giao duyên được phổ biến rộng rãi ở nhiều vùng. Người ta thường *lượn* trong hội *lồng tồng*, trong đám cưới, mừng nhà mới hay khi có khách đến bản. Ngoài múa trong nghi lễ, ở một số địa phương có múa rối với những con rối bằng gỗ khá độc đáo.

Chơi : Trong ngày hội *lồng tồng*, ở nhiều nơi tổ chức ném côn, đánh cầu lồng, kéo co, múa sư tử, đánh cờ tướng... Ngày nay thường, trẻ em đánh quay, đánh khăng, đánh chắt, chơi ô...



Đàn tính là nhạc cụ được sử dụng phổ biến ở người Tày. Đầu đàn làm bằng vỏ quả bầu khô, cần đàn bằng gỗ, dây đàn bằng tơ. Đàn có thể có 2 hoặc 3 dây. Đàn tính thường dùng để trong nghi lễ, đệm cho hát then. Ngày nay đàn tính còn dùng biểu diễn trên sân khấu.

Hiện vật Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Ảnh : Phạm Ngọc Long

NGƯỜI TÀ-ÔI

Tên gọi khác : Tôi Ôi, Pa-cô, Tà Uốt, Kan Tua, Pa Hi, v.v...

Nhóm địa phương : Tà-ôï, Pa-cô, Pa Hi.

Dân số : 34.960 người.

Ngôn ngữ : Thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer (ngữ hệ Nam Á), ít nhiều gần gũi với tiếng Cơ-tu và Bru - Vân Kiều. Giữa các nhóm có một số khác biệt nhỏ về từ vựng.

Lịch sử : Người Tà-ôï thuộc lớp cư dân sinh tụ lâu đời ở Trường Sơn.

Hoạt động kinh tế : Làm rẫy, trồng lúa rẫy là nguồn sống chính của người Tà-ôï. Cách thức canh tác tương tự như ở các tộc Cơ-tu, Bru - Vân Kiều. Ruộng nước đã phát triển ở nhiều nơi.

Săn bắn, đánh cá, hái lượm đem lại nguồn thức ăn đáng kể. Nghề dệt chỉ có ở một số nơi, sản phẩm được các dân tộc láng giềng ưa chuộng (nhất là y phục có đính hoa văn bằng chì và cườm trắng). Đồ đan mây tre chủ yếu đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp. Đồ sắt, đồ gốm, đồ đồng chủ yếu do trao đổi với người Việt và các dân tộc khác ; quan hệ hàng hóa với bên Lào cũng khá quan trọng. Ngày nay, người Tà-ôï đã sử dụng tiền, nhưng tập quán dùng vật đổi vật vẫn thông dụng.

Ăn : Cơm là lương thực chủ yếu ; ngô, sắn, khoai, củ mài, v.v... bổ sung khi thiếu gạo. Thức ăn thông thường là các loại rau, măng, nấm, ốc, cá, thịt chim muông. Người Tà-ôï ưa thích món băm trộn tiết gia súc với thịt luộc. Thức uống gồm nước lã, rượu, đặc biệt rượu chế từ nước thứ cây họ dừa được dùng phổ biến. Họ dùng tẩu tự tạo bằng gốc le hoặc bằng đất nung để hút thuốc lá.

Người Tà-ôï ở một số nơi giỏi nghề dệt vải sợi bông, hoa văn được tạo bằng sợi màu và bằng chì, cườm trắng. Loại vải có hoa văn chì, cườm được ưa thích.

Ảnh : Lưu Hùng



Mặc : Nữ mặc váy ống loại ngắn và áo, hoặc váy loại dài che luôn cả từ ngực trở xuống (ở nhóm Tà-ôï phía biên giới thuộc A Lưới), có nơi dùng thắt lưng sợi dệt ; nam quần khố mặc áo, thường hay ở trần. Ngoài vải do tự dệt, người Tà-ôï còn dùng vải mua ở Lào và y phục như người Việt đã thông dụng, nhất là với nam giới. Xưa kia, có những nơi phải dùng đồ mặc chế tác từ vỏ cây. Hình thức đeo trang sức cổ truyền là các loại vòng tay, vòng chân, vòng cổ, khuyên tai bằng đồng, bạc hay hạt cườm, mã não, v.v... Phụ nữ đeo cả loại vòng dây đồng quấn thành hình ống ôm quanh đoạn ống chân và cẳng tay. Tục cà răng, xăm trên da và đeo trang sức làm căng rộng lỗ xâu ở dáitai chỉ còn số ít ở các cụ già.

Ở : Người Tà-ôï cư trú trên một dải từ tây Quảng Trị (huyện Hướng Hóa) đến tây Thừa Thiên - Huế (huyện A Lưới và Hương Trà). Họ ở quần tụ thành từng làng ; ở nhà sàn dài. Trước kia, nhà sàn dài có khi trên một trăm mét, là nơi ở của nhiều cặp vợ chồng cùng các con (gọi là các "bếp"). Giữa các "bếp" trong làng thường có quan hệ bà con thân thuộc với nhau. Mái nhà uốn tròn ở 2 đầu hồi, trên đỉnh dốc có *khau cút* nhô lên. Trong nhà, mỗi "bếp" (gia đình riêng) đều có buồng sinh hoạt riêng.

Phương tiện vận chuyển : Chủ yếu và thường nhật là đeo gùi sau lưng. Có các loại, các cỡ gùi khác nhau, đan bằng mây hoặc tre lồ ô. Đàn ông có riêng loại gùi 3 ngăn (gùi "cánh doi") như gùi của đàn ông Co-tu, dùng khi đi săn, đi rừng, đi sang làng khác.



Mỗi khi đi chơi xa hay đi dự lễ hội, phụ nữ Tà-ôï mặc đẹp, đúi cả váy, áo, thắt lưng và cũng thường đeo theo chiếc gùi sau lưng.

Ảnh : Lưu Hùng



Nhà sàn dài có mái uốn tròn ở đầu hồi là hình thức cư trú truyền thống của người Tà-ôï. Nay vẫn thấy ở đó đây một số ngôi nhà khá dài.

Ảnh : Phạm Lợi

Quan hệ xã hội : Người Tà-ôï sống theo tập tục cổ truyền, trọng người già, tin theo "già làng", quý trẻ em không phân biệt trai hay gái. Mỗi làng bao gồm người của các dòng họ khác nhau, từng dòng họ có người đứng đầu, có kiêng cữ riêng và tên gọi riêng. Xã hội đã phân hóa giàu - nghèo và có sự khác nhau nhất định về vị thế, nhưng nếp cộng đồng dân làng vẫn đậm nét. Làng là đơn vị tổ chức xã hội cơ bản và tự quản trong xã hội cổ truyền.

Cưới xin : Trai gái lớn lên sau khi đã cắt cụt 6 chiếc răng cửa hàm trên thì được tìm hiểu nhau và lấy vợ, lấy chồng. Việc cưới hỏi do nhà trai chủ động. Nhà gái cho con đi làm dâu và được nhận của cải dẫn cưới gồm cồng, chiêng, ché, nồi đồng, trâu, lợn, v.v... Cùng với đám cưới, cô dâu chú rể phải làm lễ "đạp bếp" tại nhà bố mẹ cô gái để đánh dấu từ đó cô ta sẽ thực sự là người nhà chồng ; ít năm sau phải tổ chức lễ tạ ơn "thần linh" đã cho hai người sống yên ổn với nhau. Người Tà-ôï thích cho con trai cô lấy con gái cậu. Một số người giàu có thể có hơn một vợ.

Sinh đẻ : Phụ nữ phải kiêng khem nhiều trong thời kì có thai và sau khi mới sinh, với ý muốn nhờ vậy sẽ dễ đẻ, con dễ nuôi, v.v... Việc sinh nở có người giúp đỡ. Con trai hay con gái đều được yêu quý và tâm lí chung thường muốn có cả hai. Sản phụ lao động cho tới khi ở cữ và cũng chỉ nghỉ ít ngày sau khi sinh con.

Ma chay : Bãi mộ chung của làng chỉ chôn những người chết bình thường. Quan tài đẽo độc mộc. Người giàu thì quan tài được làm cầu kì hơn ở 2 đầu. Có tục "chia của" cho người chết như các dân tộc khác. Việc mai táng sau khi chết là tạm thời. Vài năm sau khi chôn, tang gia tổ chức lễ cải táng, đưa hài cốt vào quan tài mới và chôn trong bãi mộ, bên cạnh những thân nhân quá cố từ trước. Khi đó, nhà mồ được trang trí đẹp bằng chạm khắc và vẽ trên gỗ.

Thờ cúng : Người Tà-ôï tin mọi vật đều có siêu linh, từ trời, đất, núi, rừng, suối nước, cây cối cho đến lúa gạo, con người, con vật đều có "thần" hoặc "hồn". Việc bói toán và cúng lễ là một phần quan trọng trong đời sống cá nhân cũng như cộng đồng dân làng. Mỗi dòng họ có một bàn thờ ở nhà trưởng họ, mọi gia đình đều có thể tới đó làm lễ cúng khi ốm yếu, rủi ro, cầu khẩn một điều gì đó. Nhiều làng còn thờ cúng chung vật "thiêng" là hòn đá, cái vòng đồng, chiếc ché, v.v... Chúng dị dạng hoặc có xuất xứ khác lạ, được coi là có quan hệ huyền bí đối với cuộc sống của làng.

Lễ tết : Có rất nhiều lễ cúng, liên quan đến sức khỏe, tài sản, việc ngăn chặn dịch bệnh, việc làm rẫy,... Những lễ lớn đều có đậm trâu tế thần và trở thành ngày hội trong làng. Gắn với chu kì canh tác có những lễ thức quan trọng nhằm cúng cầu Thần Lúa, mong bội thu, no đủ. Tết cổ truyền vào thời kì nghỉ ngơi sau khi tuốt lúa, trước mùa rẫy mới.

Lịch : Căn cứ vào quy luật tròn - khuyết của Mặt Trăng để xác định ngày trong tháng. Tháng có 30 ngày, năm có 12 tháng và có ngày tốt, ngày xấu cho các công việc khác nhau.

Học : Cách đây mấy chục năm, chữ viết ra đời trên cơ sở dùng chữ cái La-tinh để tạo ra bộ vần, lấy tiếng Pa-cô làm chuẩn.

Văn nghệ : Vốn tục ngữ, ca dao, câu đố, truyện cổ khá phong phú. Người già am hiểu thường kể cho con cháu các truyện đời xưa, có tác dụng vừa giải trí, vừa giáo dục. Dân ca có điệu *Caloi* đối đáp khi uống rượu, hội hè ; điệu *Ba boih* hát một mình khi lao động hoặc đi đường ; điệu *Roih* gửi gắm, dặn dò đối với bậc con cháu nhân các dịp vui vẻ ; điệu *Cha cháp* dành cho tình cảm trai gái của thanh niên,... Nhạc cụ gồm nhiều loại : cồng, chiêng, tù và sùng trâu hay sùng dê, khèn 14 ống nứa, sáo 6 lỗ, nhị vừa kéo vừa điều khiển âm thanh bằng miệng, đàn *Ta lu*,... Chúng được dùng vào những hoàn cảnh, tình huống khác nhau và theo các tập quán săn có của đồng bào. Ví dụ : Trong đám ma thì gõ một chiêng với một trống ; ở lễ hội vui lại có thêm một tù và, một khèn bè...

NGƯỜI THÁI

Tên tự gọi : Tay hoặc Thay.

Tên gọi khác : Tay Thanh, Man Thanh, Tay Mười, Tay Mường, Hàng Tổng, Tay Dọ, Thủ.

Nhóm địa phương :

- a) Ngành Đen (Tay Đăm).
- b) Ngành Trắng (Tay Đón hoặc Khao).

Dân số : 1.328.725 người.

Ngôn ngữ : Thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái (ngữ hệ Thái - Ka Đai).

Lịch sử : Người Thái có cội nguồn ở vùng Đông Nam Á lục địa, tổ tiên xa xưa của người Thái có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, định cư chủ yếu ở các tỉnh từ Tây Bắc đến khu IV cũ (Thanh Hoá, Nghệ An).

Hoạt động sản xuất : Người Thái sớm đi vào nghề trồng lúa nước trong hệ thống thủy lợi thích hợp được đúc kết như một thành ngữ - *Mương, phai, lái, lin* (khoi mương, đắp đập, dẫn nước qua chướng ngại vật, đặt máng) trên các cánh đồng thung lũng. Họ làm ruộng cấy một vụ lúa nếp, nay chuyển sang hai vụ lúa tẻ. Họ còn làm nương để trồng thêm lúa, ngô, hoa màu, cây thực phẩm và đặc biệt bông, cây thuốc nhuộm, dâu tằm để dệt vải.

Ăn : Ngày nay, gạo tẻ đã trở thành lương thực chính ; gạo nếp vẫn được coi là lương ăn truyền thống. Gạo nếp ngâm, bỏ vào chõ, đặt lên bếp, đồ thành xôi. Trên mâm ăn không thể thiếu được món ót giã hòa muối, tỏi, có rau thơm, mùi, lá hành... có thể thêm gan gà luộc chín, ruột cá, cá nướng... gọi chung là chéo. Hễ có thịt các con vật ăn cỏ thuộc loài nhai lại thì buộc phải có nước nhúng lấy từ lòng non - (*năm pịa*). Thịt cá ăn tươi thì làm món nộm, nhúng (*lap, cỏi*), ướp muối, thính làm mắm ; ăn chín, thích hợp nhất phải kể đến các món chế biến từ cách nướng, lùi, đồ, sấy, sau đó mới đến canh, xào, rang, luộc... Họ ưa thức ăn có các vị : cay, chua, đắng, chát, bùi, ít dùng các món ngọt, lợ, đậm, nồng...

thường uống rượu cần, rượu cất. Người Thái hút thuốc láo bằng điếu ống tre, nứa và châm lửa bằng mảnh đóm tre ngâm khô nở. Người Thái Trắng trước khi hút còn có lệ mời người xung quanh như trước khi ăn.

Người Thái Đen ở Mường Chanh (Sơn La) có nghề làm gốm với các sản phẩm quen thuộc như nồi đất, chõ đất, chum, vò...

Ảnh : Hoàng Bé

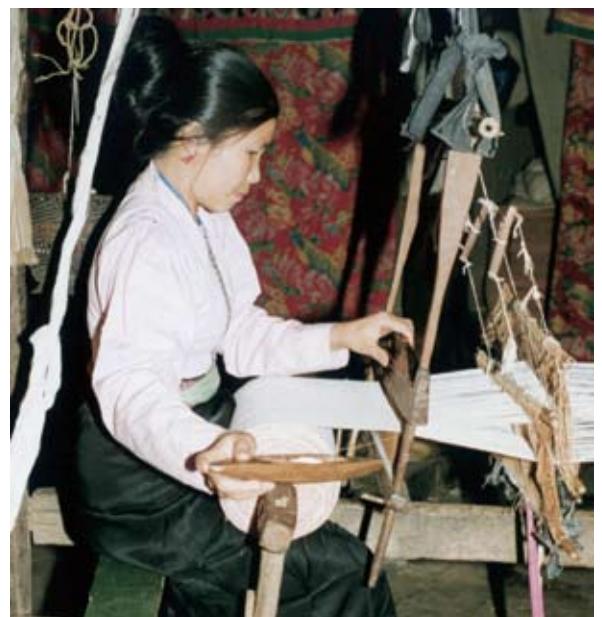




Cót (xát) rất phổ biến ở vùng người Thái, dùng để trải trên sàn trước khi xếp chiếu (*phục tay*) và các tấm đệm ngủ lèn trên. Cót được đan bằng cây *may loi*, một loại cây thuộc loài tre, nứa mọc trên núi đá vôi cao.

Ảnh : Tiến Dũng

Mặc : Cô gái Thái đẹp nhờ mặc áo cánh ngắn, đủ màu sắc, đính hàng khuy bạc hình bướm, nhện, ve sầu... chạy trên đường nẹp xẻ ngực, bó sát thân, ăn nhịp với chiếc váy vải màu thâm, hình ống ; thắt eo bằng dải lụa màu xanh lá cây ; đeo dây xà tích bạc ở bên hông. Ngày lễ có thể vận thêm áo dài đen, xẻ nách, hoặc kiểu chui đầu, hở ngực có hàng khuy bướm của áo cánh, chiết eo, vai phồng, đính vải trang trí ở nách và đối vai ở phía trước như của Thái Trắng. Nữ Thái Đen đội khăn piêu nổi tiếng với các hình hoa văn thêu nhiều màu sắc rực rỡ. Nam người Thái mặc quần cắt theo kiểu chân què có cạp để thắt lưng ; áo cánh xẻ ngực có túi ở hai bên gấu vạt. Áo người Thái Trắng có thêm một túi ở ngực trái ; cài khuy tết bằng dây vải. Màu quần áo phổ biến là đen, có thể màu gạch non, hoa kẻ sọc hoặc trắng. Ngày lễ mặc áo dài, xẻ nách,



Dệt vải là một nghề thủ công truyền thống lâu đời của người Thái. Hình ảnh cô gái Thái bên khung cửi là nét đẹp quen thuộc vẫn thường gặp ở mỗi nhà trong làng bản.

Ảnh : Mai Thanh Sơn

bên trong có một lằn áo trắng, tương tự để mặc lót. Bình thường cuốn khăn đen theo kiểu mỏ rùu. Khi vào lễ cuốn dài khăn dài một sải tay.

Ở : Ở nhà sàn, dáng vẻ khác nhau : nhà mái tròn khum hình mai rùa, hai đầu mái hồi có *khau cút* ; nhà 4 mái mặt bằng sàn hình chữ nhật gần vuông, hiên có lan can ; nhà sàn dài, cao, mỗi gian hồi làm tiền sảnh ; nhà mái thấp, hẹp lòng, gần giống nhà người Mường.

Phương tiện vận chuyển : Gánh là phổ biến, ngoài ra, gùi theo kiểu chằng dây đeo vắt qua trán, dùng ngựa cưỡi, thồ. Ở dọc các con sông lớn họ rất nổi tiếng trong việc xuôi ngược bằng thuyền đuôi én.

Quan hệ xã hội : Cơ cấu xã hội cổ truyền được gọi là bản mường hay theo chế độ phia tạo.

Tông tộc Thái gọi là *Đăm*. Mỗi người có 3 quan hệ dòng họ trọng yếu : *Ai Noong* (tất cả các thành viên nam sinh ra từ một ông tổ bốn đời). *Lung Ta* (tất cả các thành viên nam thuộc họ vợ của các thế hệ). *Nhinh Xao* (tất cả các thành viên nam thuộc họ người đến làm rể).

Cưới xin : Trước kia người Thái theo chế độ hôn nhân mua bán và ở rể nên việc lấy vợ và lấy chồng phải qua nhiều bước, trong đó có 2 bước cơ bản.

- Cưới lên (*đong khủn*) - đưa rể đến cư trú nhà vợ - là bước thử thách phẩm giá, lao động của chàng rể. Người Thái Đen có tục búi tóc ngược lên đỉnh đầu cho người vợ ngay sau lễ cưới này. Tục ở rể từ 8 đến 12 năm.

- Cưới xuống (*đong lồng*) đưa gia đình trở về với họ cha.

Đưa tiến bộ kĩ thuật vào cuộc sống đảm bảo sự phát triển bền vững của các dân tộc. Nuôi cá lồng trên sông, suối là một nghề mới mang lại thu nhập cao.

Ảnh : Tiến Dũng



Sinh đẻ : Phụ nữ đẻ theo tư thế ngồi, nhau bỏ vào ống tre đem treo trên cành cây ở rừng. Sản phụ được sưởi lửa, ăn cơm lam và kiêng khem một tháng ; ống lam bó đem treo trên cành cây. Có nghi thức dạy trẻ lao động theo giới và mời *Lung Ta* đến đặt tên cho cháu.

Cọn nước là cách vận chuyển nước từ chỗ thấp lên chỗ cao để lấy nước tưới ruộng. Đó là một phát minh quan trọng của các cư dân làm nông nghiệp vùng thung lũng.

Ảnh : Tiến Dũng



Ma chay : Lễ tang có 2 bước cơ bản.

Pông : phúng viếng tiễn đưa hồn người chết lên cõi hư vô, đưa thi thể ra rừng chôn (Thái Trắng), thiêu (Thái Đen).

Xổng : đưa đồ tang lẽ ra bãi tha ma và kết thúc bằng lễ gọi ma trở về ngụ tại gian thờ cúng tổ tiên ở trong nhà.

Nhà mới : Dẫn chủ nhân lên nhận nhà *Lung Ta* châm lửa đốt củi ở bếp mới. Người ta thực hiện tại nghi lễ, cúng đọc bài mo xua đuổi điều ác thu điểu lành, cúng tổ tiên, vui chơi.

Lễ tết : Cúng tổ tiên ở người Thái Đen vào tháng 7, 8 âm lịch. Người Thái Trắng ăn Tết theo âm lịch. Bản mường có cúng Thần Đất, Núi, Nước và linh hồn người làm trụ cột.

Lịch : Theo hệ can chi như âm lịch. Lịch của người Thái Đen chênh với âm lịch 6 tháng.

Học : Người Thái có mẫu tự theo hệ Sanscrit. Họ học theo lệ truyền khẩu. Người Thái có nhiều tác phẩm cổ viết về lịch sử, phong tục, luật tục và văn học.



Mỗi nhà người Thái thường có hai bếp, một để tiếp khách, sưởi ấm, một bếp khác để nấu cơm. Chõ đồ xôi (ninh đồng, chõ gỗ) được đặt trên 3 ông đầu rau bằng đá. Phía trên bếp có giàn để thức ăn cần sấy khô. Người Thái thường dùng ghế mây tròn để ngồi quanh bếp.

Ảnh : Tiến Dũng

Văn nghệ : Người Thái có các điệu xòe, các loại sáo lam và tiêu, có hát thơ, đối đáp giao duyên phong phú.

Chơi : Trò chơi của người Thái phổ biến là ném còn, kéo co, đua ngựa, dạo thuyền, bắn nỏ, múa xòe, chơi quay và quả *mák lẹ*. Họ có nhiều trò chơi cho trẻ em.

NGƯỜI THỔ

Tên tự gọi : Thổ.

Tên gọi khác : Người Nhà làng, Mường, Con Kha, Xá Lá Vàng.

Nhóm địa phương : Kéo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Li Hà, Tày Poọng.

Dân số : 68.394 người.

Ngôn ngữ : Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (ngữ hệ Nam Á).

Lịch sử : Địa bàn cư trú hiện nay của người Thổ vốn là giao điểm của các luồng di cư xuôi ngược. Do những biến động lịch sử ở những thế kỉ trước, những nhóm người Mường từ miền tây Thanh Hóa dịch chuyển vào phía nam gặp gỡ người Việt từ các huyện ven biển Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Thanh Chương ngược lên hòa nhập với cư dân địa phương ở đây. Những người tha hương cùng chung cảnh ngộ ấy ngày một hòa nhập vào nhau thành một cộng đồng chung - dân tộc Thổ.

Hoạt động sản xuất : Người Thổ sống chủ yếu dựa vào làm nương, rẫy và một số nhỏ làm ruộng nước. Dù làm ruộng hay làm nương, trình độ canh tác của đồng bào đã phát triển khá cao biểu hiện ở kỹ thuật làm đất (dùng cày nương “cày nộn” một cách thành thạo), thâm canh cây trồng. Cây lương thực được trồng chủ yếu là lúa, sau đó đến sắn và ngô. Ở các nhóm Kéo, Mọn, Cuối, gai là cây được trồng nhiều và giữ vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế của họ. Ở người Thổ, nghề đánh cá cũng rất phát triển ; săn bắn, hái lượm tuy chỉ phát triển ở một số vùng nhưng nó đã góp phần đáng kể vào việc giảm bớt những khó khăn trong cuộc sống của họ.

Ăn : Trước đây, người Thổ ăn gạo nếp là chính, nhưng hiện nay hầu hết đã chuyển sang ăn gạo tẻ. Những khi giáp hạt, đói kém, họ thường ăn các loại củ, các loại rau và các loại quả hái ở rừng.

Trong các ngày lễ, Tết, người Thổ thường làm các loại bánh chưng, bánh giầy, bánh gai.

Mặc : Đàn ông mặc tương tự người Việt với chiếc quần trắng cạp ván, áo dài lương đen và đầu đội khăn nhiều tím. Phụ nữ vùng Lâm La mặc váy vải sợi bông màu đen, có thêu hai đường chỉ màu từ cạp tới gấu váy. Một số mặc áo 5 thân màu nâu hoặc trắng. Ở vùng Quỳ Hợp, váy phụ nữ thường được mua hoặc đổi của người Thái. Váy bằng vải sợi bông nhuộm chàm, dệt kẻ sọc ngang, khi mặc những đường sọc đó tạo thành vòng tròn song song quanh thân. Áo cánh trắng cổ viền, tay hẹp như áo cánh người Việt. Phụ nữ đều đội khăn vuông trắng giống như người Mường và để tang bằng khăn dài trắng giống người Việt.

Ở : Người Thổ cư trú tập trung ở các huyện miền tây tỉnh Nghệ An. Họ sống thành những làng bản đông đúc, chủ yếu theo lối mật tập.

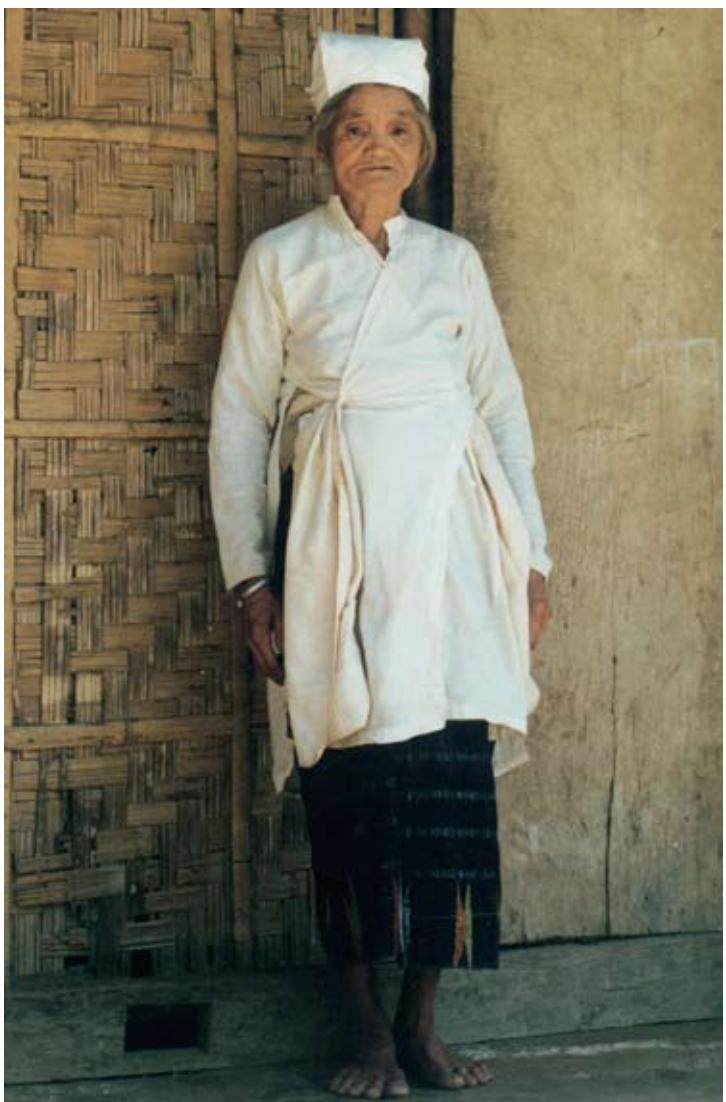
Nhà ở truyền thống là loại nhà sàn được che xung quanh bằng liếp nứa hoặc gỗ. Nhưng ở một số vùng, nhà lại được làm theo kiểu cột ngoãm. Ngày nay, nhà cửa của họ cũng đang trong quá trình chuyển từ nhà sàn sang nhà đất như kiểu nhà người Việt trong vùng.

Phương tiện vận chuyển : Người Thổ chủ yếu dùng hai phương thức vận chuyển : đối với những thứ nhỏ gọn thì có thể mang, xách hay cho vào sọt, bồ để gánh ; còn những vật nặng phải dùng đến sức trâu, bò để kéo xe (tất cả khung và bánh xe đều được làm bằng gỗ).

Quan hệ xã hội : Đơn vị hành chính nhỏ nhất trước kia của người Thổ là làng với một ông trùm làng đứng đầu. Trùm làng được bầu lại hàng năm và có nhiệm vụ đốc thúc công việc sưu dịch, thuế khóa, giải quyết các vụ việc xảy ra trong phạm vi của làng.

Phong tục rất đa dạng, nhiều khi trái ngược nhau. Ở nhiều dân tộc khác, khăn trắng là dấu hiệu nhà có tang, nhưng ở người Thổ và người Mường, khăn trắng được sử dụng hàng ngày để tôn vinh vẻ đẹp của trang phục.

Ảnh : La Công Ý



Gia đình nhỏ phụ quyền là chủ yếu. Mọi quan hệ trong gia đình cũng như làng xóm là tình tương trợ hữu ái.

Tuy sống xen cài giữa nhiều dân tộc, nhưng việc kết hôn giữa người Thổ với các dân tộc lân cận dường như không đáng kể, quan hệ hôn nhân giữa các nhóm Thổ với nhau không có sự phân biệt nào.

Cưới xin : Tục *ngủ mái* thịnh hành trong các nhóm Thổ vùng Nghĩa Đàm, Tân Kì, Quỳ Hợp nhưng lại vắng bóng ở các nhóm Thổ vùng Tương Dương, Con Cuông. Từ những đêm *ngủ mái*, các đôi nam nữ tìm hiểu nhau dẫn đến xây dựng gia đình. Hôn lễ của người Thổ phải qua nhiều bước. Thông thường khi cưới, nhà trai phải dẫn một con trâu, 100 đồng bạc trắng, 30 vuông vải, 6 thúng xôi, một con lợn. Nhiều vùng còn có tục ở rể.

Sinh đẻ : Khi sinh được 3 ngày thì cúng bà mụ để đặt tên cho con và người mẹ phải kiêng cữ trong vòng một tháng ; trong tháng đó, người lạ không được vào nhà.

Ma chay : Tổ chức khá linh đình và tốn kém. Trước đây, có nhà đã giết tới 12 con trâu. Người chết được quàn trong nhà hằng tuần. Quan tài của người Thổ là một cây gỗ nguyên, đục bụng, giống như cách làm thuyền, làm máng đậm lúa. Khi đặt quan tài, phía chân xuôi theo dòng nước chảy. Sau khi chôn cất, cúng người chết vào dịp 30 ngày, 50 ngày và 100 ngày.



Những vong hồn không được cúng trong nhà thì được lập miếu cúng ở ngoài trời. Nơi thờ các cô gái chết trước tuổi thành niên được biểu trưng bằng những cột gỗ.

Ảnh : La Công Ý

Nhiều dân tộc có tục làm nhà táng cho người chết ở thế giới bên kia, hiến nhà táng bằng cách đốt hay để nguyên. Người Thổ không đốt nhà mà đặt nhà táng ngay bên cạnh mộ.

Ảnh : La Công Ý



Lịch : Người Thổ theo âm lịch.

Thờ cúng : Người Thổ thờ rất nhiều loại thần, ma, đặc biệt là các vị thần có liên quan đến việc đánh giặc và khai khẩn đất đai. Trong phạm vi gia đình, ngoài việc thờ cúng tổ tiên, họ còn làm lễ cúng bà mụ mỗi khi trẻ em đau ốm và cúng vía cho người lớn vào các dịp lễ, tết, khi đau ốm.

Học : Người Thổ không có văn tự riêng, chỉ một số người biết chữ Hán. Ngày nay, tiếng Việt được phổ cập và sử dụng rộng rãi.

Văn nghệ : Vốn văn nghệ dân gian Thổ khá đa dạng ; các bài hát đồng dao vẫn được lưu truyền ; ca dao, tục ngữ rất phong phú.

Chơi : Trò chơi gồm kéo co, múa sư tử, chơi cờ tướng. Trẻ em thích chơi đá cầu và đánh cù.

NGƯỜI VIỆT

Tên gọi khác : Kinh.

Dân số : 65.795.718 người, chiếm 86,83% dân số toàn quốc.

Ngôn ngữ : Người Việt có tiếng nói và chữ viết riêng. Tiếng Việt nằm trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (ngữ hệ Nam Á).

Lịch sử : Tổ tiên người Việt từ rất xa xưa đã định cư ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam, người Việt định cư trên toàn dải lãnh thổ Việt Nam, là trung tâm thu hút và đoàn kết các dân tộc em xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động sản xuất : Nông nghiệp lúa nước đã được hình thành và phát triển ở người Việt từ rất sớm. Trải qua bao đời cày cấy, người Việt đã tổng kết kinh nghiệm làm ruộng thật sâu sắc : "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Hệ thống đê điều kì vĩ ngày nay là sự chứng minh hùng hồn tinh thần ngoan cường chế ngự tự nhiên để sống và sản xuất nông nghiệp của người Việt. Chăn nuôi lợn, gia súc, gia cầm, thả cá,... cũng rất phát triển. Đặc biệt con trâu trở thành "đầu cơ nghiệp" của nhà nông. Người Việt nổi tiếng "có hoa tay" về nghề thủ công, phát triển bách nghệ (trăm nghề) mà nghề nào dường như cũng đạt đến đỉnh cao của sự khéo léo tài hoa. Không ít làng thủ công đã tách khỏi nông nghiệp. Chợ làng, chợ phiên, chợ huyện,... rất sầm uất. Hiện nay, các đô thị và các khu công nghiệp đang ngày càng phát triển trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Ăn : "Cơm tẻ, nước chè" là đồ ăn, thức uống cơ bản hằng ngày của người Việt. Đồ nếp chỉ gặp trong những ngày lễ Tết. Trong bữa ăn thường có món canh rau hay canh cua, cá,... Đặc biệt, người Việt rất ưa dùng các loại mắm (mắm tôm, cá, tép, cáy...) và các loại dưa (cải, hành, cà, kiệu...). Tương và các loại gia vị như ớt, tỏi, gừng,... cũng thường thấy trong các bữa ăn. Rượu được dùng trong các dịp lễ Tết, liên hoan... Ăn trầu, hút thuốc láo trước kia chẳng những là nhu cầu, thói quen mà còn đi vào cả lễ nghi phong tục.

Mặc : Xưa kia, đàn ông thường mặc quần chân què, áo cánh nâu (Bắc Bộ), màu đen (Nam Bộ), đi chân đất ; ngày lễ Tết mặc quần trắng, áo chùng lương đen, đội khăn xếp, đi guốc mộc. Đàn bà mặc váy đen, yếm, áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ đen (Bắc Bộ). Phụ nữ ngày lễ, hội hè mặc áo dài. Mùa đông, cả nam và nữ thường mặc thêm áo kép bông. Y phục phân biệt giữa các lứa tuổi chỉ ở màu sắc và cỡ áo quần ; giữa kẻ giàu, người nghèo, y phục có sự phân biệt ở chất liệu vải lụa và chỉ có người giàu sang mới dùng đồ trang sức.

Từ đầu thế kỷ XX trở về trước, người ta còn thấy đàn ông thôn quê đóng khố, cởi trần.

Ở : Người Việt thường ở nhà trệt. Trong khuôn viên thường được bố trí liên hoàn nhà - sân - vườn - ao. Ngôi nhà chính thường có kết cấu ba gian hoặc năm gian và gian giữa là gian trang trọng nhất, đặt bàn thờ gia tiên. Những gian bên là nơi nghỉ ngơi, sinh hoạt của các thành viên trong gia đình ; gian buồng được bố trí ở chái nhà làm chỗ ở của phụ nữ và cũng là nơi cất trữ lương thực, của cải

của gia đình. Nhà bếp thường được làm liền với chuồng nuôi gia súc. Ở nhiều tỉnh Nam Bộ, nhà bếp thường được làm sát kề hay nối kề với ngôi nhà chính. Sân để phơi và để sinh hoạt gia đình và cũng để tạo không gian thoáng mát rất phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm.



Giếng làng, một biểu tượng văn hóa truyền thống của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

Ảnh : Nguyễn Văn Huy

Làng truyền thống có trật tự, kỉ cương. Đằng sau lũy tre xanh và cổng làng là một cộng đồng tương đối khép kín.

Ảnh : Nguyễn Văn Huy



Phương tiện vận chuyển : Phương tiện vận chuyển của người Việt rất phong phú và có thể phân biệt hai loại như sau :

+ Bằng đường bộ có : gánh (gánh quang, gánh cặp, đòn gánh, đòn sóc, đòn càn,...) vác, khiêng (đòn khiêng), cáng, đội, đeo (bị, tay nải...), cồng (ba lô, bao tải...). Thồ, chở bằng các loại xe : xe đạp, xe kéo, xe đẩy, xe ngựa, xe trâu, xe bò,...

+ Bằng đường thủy có : thuyền, bè, mảng, xuồng, tàu,... Mỗi loại này lại có nhiều kiểu dáng, to nhỏ, vật liệu chế tác và trang thiết bị khác nhau.

Quan hệ xã hội : Đại bộ phận người Việt sinh sống thành từng làng, dăm ba làng họp lại thành một xã.

Nhiều xã cũng chỉ bao gồm một làng lớn và một số xóm độc lập mới tách ra từ làng lớn. Trong làng thường có nhiều xóm, có xóm lớn tương đương với một thôn và thôn Bắc Bộ gần tương tự như một ấp của Nam Bộ. Trước Cách mạng tháng Tám, mỗi làng có một tổ chức hành chính - tự quản riêng khá chặt chẽ. Tổ chức Phe Giáp làm nơi quy tụ của dân làng để lo toan nhiều công việc của làng xã từ quản lí nhân đinh đến việc hiếu, việc tế lễ Thành hoàng. Những làng thủ công còn có tổ chức phường hội của những người cùng nghề nghiệp. Đặc biệt, trong làng, sự phân chia dân nội tịch và dân ngoại tịch (ngụ cư) được quy định rõ trong hương, khoán ước của làng. Lệ làng được quy định một cách tương đối toàn diện và chặt chẽ về các mặt hoạt động của làng buộc mọi người thừa nhận và tự giác thực hiện.

Gia đình : Gia đình của người Việt hầu hết là những gia đình nhỏ gồm hai thế hệ theo chế độ phụ quyền nhưng phụ nữ vẫn giữ vai trò quan trọng, thường là người quản lí kinh tế trong gia đình.

Người Việt có rất nhiều dòng họ, có những họ rất phổ biến như Nguyễn, Trần, Lê, Phạm, Vũ, v.v... đường như ở địa phương nào cũng có. Mỗi tộc họ, thường có nhà thờ tổ riêng, được chia ra làm nhiều chi phái và mỗi chi phái lại bao gồm nhiều nhánh. Mỗi nhánh lại bao gồm các anh em cùng bố mẹ, ông bà. Quan hệ họ nội được truyền giữ bền chắc qua nhiều đời. Anh em họ hàng (kể cả họ nội và họ ngoại, đều yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

Cưới xin : Người Việt rất coi trọng tình yêu trong trăng chung thủy. Dưới thời phong kiến thường là "Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy". Ngày nay, nam nữ tự tìm hiểu. Để đi đến hôn nhân - thành vợ thành chồng, nghi lễ cưới xin truyền thống ở người Việt phải qua mấy bước cơ bản sau :

- Dạm : nhờ một người làm mối đến nhà gái ướm hỏi trước.
- Hỏi : sắp lễ vật sang thưa chuyện chính thức với gia đình và họ hàng nhà gái.
- Cưới : tổ chức lễ trình tổ tiên, ra mắt họ hàng làng xóm, tổ chức rước dâu về nhà trai.
- Lại mặt : Cô dâu, chú rể về thăm lại nhà bố mẹ đẻ (nhà gái).

Qua các bước này và dĩ nhiên trước đó phải qua đăng ký kết hôn thì đôi trai gái chính thức trở thành cặp vợ chồng mới.

Ma chay : Việc tổ chức tang ma của người Việt rất trang nghiêm, chu tất và thường được thực hiện qua các bước cơ bản sau : liệm, nhập quan, đưa đám, hạ huyệt, cúng cơm, cúng tuần "tứ cửu", cúng "bách nhật", để tang, giỗ đầu, cải táng,... Và cứ mỗi độ Thanh minh, mỗi kì giỗ tết,

mỗi gia đình lại đi đắp lại mộ và tổ chức cúng lễ. Cải táng là một phong tục rất thiêng liêng của người Việt.

Nhà mới : Người Việt có câu : "Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng nam". Nhà hướng nam thì ấm về mùa đông và mát về mùa hè. Khi làm nhà, ngoài việc chọn hướng còn phải xem tuổi và định ngày tháng tốt để khởi công xây cất. Khi làm nhà xong thì chọn ngày tốt cúng rước tổ tiên về nhà mới và ăn mừng nhà mới.

Thờ cúng : Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng nhất của người Việt. Bàn thờ được đặt ở nơi trang trọng nhất trong nhà : được cúng lễ vào các ngày giỗ, tết và các dịp tuần tiết, v.v... trong năm. Tục thờ Thổ công, Táo quân, Ông địa phổ biến ở các nơi. Rất nhiều gia đình thờ Phật tại gia, thờ Thần tài, v.v... và hầu hết các làng người Việt đều có đình thờ Thành hoàng, chùa thờ Phật, nơi thờ Đức Khổng Tử hay đền thờ Phúc Thần, v.v... Một bộ phận cư dân ở nông thôn hay thành thị còn theo đạo Thiên Chúa. Tin Lành và các tôn giáo khác như Cao Đài, Hòa Hảo, v.v...

Lễ tết : Tết Nguyên đán là cái tết lớn nhất trong một năm. Sau tết âm lịch là các hội mùa xuân. Ngoài ra còn có nhiều lễ tết truyền thống khác trong một năm : Rằm tháng giêng, Tết Thanh minh, lễ Hạ điền, lễ Thượng điền, Tết Đoan ngọ, Lễ Vu lan, Tết Trung thu, lễ Cơm mới, v.v... Mỗi tết lễ đều có ý nghĩa riêng và lễ thức tiến hành cũng khác nhau.



Thờ cúng tổ tiên là một hoạt động tinh thần quan trọng bậc nhất của người Việt. Có nhiều cách bố trí của bàn thờ. Bàn thờ có thể kê trên giường cao, giường cầu hay bàn. Trên bàn thờ có khâm (ngai, ỷ hay ảnh), mâm triện (mâm bồng), mâm dài (dài rượu, dài trâu, kê trên tam sơn) cùng ngũ sự (đỉnh, hai cây nến, hai cây đèn), hay tam sự (đỉnh, hai cây nến), bát hương. Y môn có thể bằng gỗ hay vải.

Ảnh : Phạm Lan Hương

Lịch : Âm lịch từ lâu đã đi vào cuộc sống, vào phong tục tập quán và tín ngưỡng của người Việt. Người Việt dùng âm lịch để tính tuổi, tính ngày giỗ, tính thời vụ sản xuất, tính ngày tốt xấu để dùng cho các công việc lớn của cuộc đời như làm nhà, cưới hỏi, cải táng,... Dương lịch là lịch pháp chính thức hiện nay, ngày càng được dùng rộng rãi trong đời sống.

Học : Người Việt từ lâu đã sử dụng chữ Hán, chữ Nôm và ngày nay là chữ Quốc ngữ. Ở kinh thành Thăng Long xưa, ngay từ thời Lý, đã lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám để đào tạo các trí thức bậc cao, được coi là Trường Đại học đầu tiên của Việt Nam.

Văn nghệ : Văn học dân gian với nhiều thể loại phong phú : truyện cổ tích, ca dao, dân ca, tục ngữ, v.v... phản ánh mọi mặt cuộc sống của dân tộc. Văn học dân gian góp phần to lớn vào việc giữ gìn bản lĩnh, bản sắc dân tộc. Văn học viết cũng đã đạt được những thành tựu to lớn ở giai đoạn Lý - Trần và đặc biệt là từ thế kỷ XV về sau, với các cây bút thiên tài như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,... Các bộ môn nghệ thuật như mĩ thuật, âm nhạc, sân khấu,... phát triển cao, được chuyên nghiệp hóa.

Chơi : Người Việt có rất nhiều trò chơi cho mỗi lứa tuổi, mỗi giới, mỗi mùa, cho cá nhân và cho tập thể. Có những trò chơi thể hiện thú thường thức rất thanh cao như thả chim, thả diều, cờ tướng,... Lại có những trò chơi mang tính thể thao và cộng đồng mạnh mẽ như kéo co, đánh đu, đánh vật, đua thuyền. Rất nhiều trò chơi mang dấu ấn lịch sử và đậm đà bản sắc như vật, cù, nấu cơm thi, đánh pháo đất. Trò chơi trẻ em thì rất nhiều và mỗi địa phương mỗi sắc thái khác nhau. Lễ hội mùa xuân là nơi tập trung rất nhiều trò chơi dân tộc.



Hội làng.

Ảnh : Trọng Thanh

NGƯỜI XINH-MUN

Tên tự gọi : Xinh-mun.

Tên gọi khác : Puộc, Xá, Pnạ.

Nhóm địa phương : Xinh-mun Dạ, Xinh-mun Nghẹt.

Dân số : 18.018 người.

Ngôn ngữ : Thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (ngữ hệ Nam Á). Người Xinh-mun nói giỏi tiếng Thái.

Lịch sử : Người Xinh-mun đã từng sinh sống lâu đời ở miền Tây Bắc Việt Nam.

Hoạt động sản xuất : Họ chuyên trồng lúa trên nương, một số ít làm ruộng lúa nước.

Ăn : Người Xinh-mun ăn cơm nếp, cơm tẻ, thích gia vị cay, uống rượu cần, có tập quán ăn trầu, nhuộm răng đen.

Mặc : Y phục của họ giống người Thái.

Ở : Người Xinh-mun sống ở vùng biên giới Việt Lào thuộc tỉnh Lai Châu và Sơn La. Họ ở nhà sàn. Nhà có mái vòm hình mai rùa.

Phương tiện vận chuyển : Phổ biến dùng gùi đeo trên trán.

Quan hệ xã hội : Gia đình nhỏ, phụ quyền là chủ yếu, nhưng những đại gia đình gồm ba thế hệ hay các anh em trai đã có vợ vẫn sống chung trong một nhà còn tồn tại khá đậm nét. Số lượng thành viên trong nhà khoảng 10 - 15 người, cũng có nhà lên tới 20 - 30 người.

Người Xinh-mun có nhiều họ nhưng phổ biến nhất là hai họ : họ Vì và họ Lò.

Cưới xin : Phổ biến tục ở rể. Trước đây, con trai phải ở rể khoảng 8 đến 12 năm hoặc ở rể suốt đời nếu bên vợ không có con trai. Trong lễ cưới đi ở rể, cô dâu, chú rể phải đổi tên của mình để lấy một tên mới chung cho cả hai người. Tên chung này do bố mẹ vợ, ông cậu đặt cho, đôi khi lại phải bói xin âm dương để tìm tên chung. Cô dâu búi tóc ngược lên đỉnh đầu biểu hiện là người con gái đã có chồng. Ngay trong hôm cưới đi ở rể, đôi vợ chồng mới cưới trở về nhà trai 2, 3 ngày rồi mới sang ở hẳn nhà gái cho đến hết thời gian ở rể. Lễ cưới đưa dâu về nhà trai tổ chức sau khi hết thời gian ở rể, lúc đó đôi vợ chồng đã có một hoặc vài con. Lễ lại mặt tổ chức sau đó vài ngày, hay một năm.

Bộ nữ phục Xinh-mun tuy đã chịu ảnh hưởng của y phục Thái, nhưng vẫn giữ cách vấn khăn riêng của mình.



Ảnh : Mai Thanh Sơn

Cũng giống như nhiều dân tộc khác nói ngôn ngữ Môn - Khmer và cũng như người Thái Đen, người Xinh-mun thường kiến tạo mái hòi nhà theo kiểu hình khum tròn hình mai rùa.

Ảnh : Mai Thanh Sơn



Sinh đẻ : Phụ nữ có mang vẫn đi nương, đi rừng cho đến tận ngày sinh. Sản phụ đẻ ngồi, cạnh bếp nấu cơm, ngay trong nhà. Mẹ chồng, chồng hay một bà già láng giềng đỡ đẻ. Cắt rốn bằng cách : kéo rốn dài đến mắt cá chân đứa trẻ rồi buộc nút lại, từ đó lại kéo dài tiếp một đoạn như thế nữa rồi mới cắt. Nhau đẻ đựng trong ống tre, treo lên cây cao nơi có ít người qua lại. Trẻ gần một tuổi mới mòi thảy cúng về làm lễ đặt tên.

Nhà mới : Người Xinh-mun có tập quán ai dựng nhà thì cả bản đến giúp nên nhà chỉ làm vài ngày là xong. Họ thường làm nhà vào dịp sau vụ gặt và chọn đất dựng nhà bằng cách bói xem đất có hợp với các thành viên trong nhà không. Ngày nước (các ngày 2, 6, 8, 9 trong tháng) thích hợp với việc làm nhà. Kiêng ngày hỏa túc các ngày 1 và 7. Ông cậu là người dựng cột chính, trên treo nhiều vật tượng trưng cho sự phồn thực, đầy đủ của gia đình như bông lúa, con dao, cái thớt, các vật biểu tượng âm, dương vật. Ông cậu cũng là người đốt ngọn lửa đầu tiên trên bếp nấu cơm của căn nhà mới. Ngọn lửa ấy được giữ không tắt trong suốt đêm đầu tiên.

Ma chay : Tiếng súng trong nhà báo hiệu có người chết, cùng lúc đó người con trai ném ông đầu rau vào nơi thờ cúng tổ tiên bày tỏ một sự giận dữ truyền thống. Mọi điều kiêng kị hằng ngày của gia đình cũng như của người con rể nay được hủy bỏ, người ta nấu cơm trên bếp sưởi, đặt tai ninh theo chiều ngang nhà, con rể lo mọi việc cơm nước. Không dùng quan tài gỗ mà chỉ bó cốt. Chọn đất đào huyệt bằng cách ném trứng trên khu đất định sẵn, trứng vỡ ở đâu thì huyệt được đặt ở đó. Nhà mồ được làm cẩn thận, có đủ thứ cần thiết tượng trưng cho người chết. Người Xinh-mun không có tục cải táng và tảo mộ.

Thờ cúng : Thờ cúng tổ tiên hai đời, bố mẹ và ông bà. Biểu trưng cho nơi thờ tổ tiên là một chiếc xương hàm lợn, ít trầu đụng trên nắp giỏ cơm, ống tre đụng nước. Cúng vào các dịp cơm mới, đám cưới, nhà mới. Việc thờ cúng tổ tiên, tùy nơi, có thể chỉ do anh cả, cũng có thể do các anh em trai cùng đảm nhiệm. Bố mẹ vợ được thờ riêng ở một chiếc lán nhỏ, bên cạnh nhà, cơm nước cúng được nấu ở ngoài nhà. Lễ cúng bắn hǎng năm rất được coi trọng.

Học : Trước đây, một số người biết sử dụng chữ Thái, nay dùng chữ phổ thông.

Văn nghệ : Người Xinh-mun thích hát và múa vào các dịp tết lễ, ngay trên nhà. Trai gái, nam nữ hát đối với nhau rất tự nhiên.

NGƯỜI XƠ-ĐĂNG

Tên tự gọi : Tùy từng nhóm Xơ Teng (Hđang, Xđang, Xđeng), Tơ Đrá (Xđrá, Hđrá), Mnâm, Ca Dong, Ha Lăng (Xlang), Tà Trī (Tà Trẽ), Châu.

Tên gọi khác : Xê Đăng (Sê Đăng), Kmrâng, Con Lan, Brila.

Nhóm địa phương : Xơ Teng, Tơ Đrá, Mnâm, Ca Dong, Ha Lăng, Tà Trī, Châu.

Dân số : 127.148 người.

Ngôn ngữ : Tiếng Xơ-đăng thuộc ngôn ngữ Môn - Khmer (ngữ hệ Nam Á), ít nhiều gần gũi với tiếng Hrê, Ba-na, Gié-Triêng. Giữa các nhóm có một số từ vựng khác nhau. Chữ viết dùng hệ chữ cái La-tinh, mới hình thành cách đây mấy chục năm.

Lịch sử : Người Xơ-đăng thuộc số cư dân sinh tụ lâu đời ở vùng bắc Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum) và vùng lân cận thuộc miền núi của Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Hoạt động kinh tế : Một bộ phận trồng lúa nước, điển hình là nhóm Mnâm làm ruộng theo lối sơ khai : làm đất bằng cách lùa đòn trâu dẫm ruộng và dùng cuốc đeo từ gỗ để cuốc (nay đã có cuốc lưỡi sắt)... Còn lại, kinh tế rãy đóng vai trò chủ đạo, với công cụ và cách thức canh tác tương tự như những tộc người khác trong khu vực. Chặt phá cây bằng rìu và dao quắm hay xà gáy, đốt bằng lửa ; chọc lỗ để tra hạt giống thì dùng gậy đéo nhọn hay gậy có lưỡi sắt ; làm cỏ bằng loại cuốc con có cán lấy từ chạc cây và cái nạo có lưỡi bẻ cong về một bên ; thu hoạch thì dùng tay tuốt lúa. Ngoài lúa, người Xơ-đăng còn trồng kê, ngô, sắn, bầu, bí, thuốc lá, dưa, dứa, chuối, mía,... Vùng người Ca Dong có trồng quế. Vật nuôi truyền thống là trâu, dê, lợn, chó, gà. Việc hái lượm, săn bắn, kiếm cá có ý nghĩa kinh tế không nhỏ. Nghề dệt vải có ở nhiều vùng. Nghề rèn phát triển ở nhóm Tơ Đrá ; họ biết chế sắt từ quặng để rèn và lò rèn xưa có bể kéo bằng da hoẵng. Một số nơi, người Xơ-đăng đã biết依法追究 sa khoáng. Đan lát phát triển tinh xảo, cung cấp nhiều vật dụng. Họ ưa thích trao đổi vật trực tiếp, nay đã dùng tiền.

Người Xơ-đăng không chỉ đan đồ mây tre rất đẹp, mà còn tạo ra một số đồ dùng bằng lá, như nón đội đầu chẳng hạn. Để làm nón, họ lợp lá thành một lớp ken khít nhau và áp sát vào khung, cốt đan bằng nan tre. Đây là một chiếc nón kiểu cổ truyền ở dân tộc này.

Hiện vật Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Ảnh : Phạm Ngọc Long



Ăn : Người Xo-đăng ăn cơm tẻ, cơm nếp với muối ớt và các thúc kiềm được từ rùng ; khi cúng bái mới có thịt gia súc, gia cầm. Phổ biến là món canh nấu rau hoặc măng lắn thịt hay cá, ốc và các món nướng. Họ uống nước lã (nay nhiều người đã uống nước đun sôi), rượu cần. Đặc biệt, họ có loại rượu được chế từ loại kê chân vịt, ngon hơn rượu làm từ gạo, sắn.

Ở một số nơi, người Xo-đăng có tập quán ăn trầu cau. Nam nữ đều hút thuốc lá ; có nơi, đồng bào đưa thuốc lá nghiền thành bột vào miệng thay vì hút trong tẩu.

Mặc : Nam đóng khổ, ở trần. Nữ mặc váy, áo. Trời lạnh, họ dùng tấm vải cheoàng người. Trước kia, nhiều nơi người Xo-đăng phải dùng y phục bằng vỏ cây. Ngày nay, đàn ông thường mặc quần áo như người Việt, áo nữ cũng là áo cánh, somi, váy bằng vải dệt công nghiệp. Vải cổ truyền Xo-đăng có nền màu trắng mộc của sợi hoặc màu đen, hoa văn ít và chủ yếu thường dùng các màu đen, trắng, đỏ.



Ngôi nhà công cộng (nhà rông) nổi bật trong làng ở nhiều vùng người Xo-đăng. Công trình kiến trúc cao, to và đẹp nhất này dùng để tiếp đón khách, hội họp, liên hoan ăn uống, tổ chức một số lễ cúng và cũng là chỗ vui chơi, nghỉ ngơi lúc rỗi rã của nam giới. Những thanh thiếu niên khi chưa có vợ ra đây ngủ đêm.

Ảnh : Lưu Hùng

Ở : Người Xo-đăng cư trú ở tỉnh Kon Tum, hai huyện Trà Mi, Phước Sơn tỉnh Quảng Nam và huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi ; sống tập trung nhất ở vùng quần sơn Ngọc Linh. Họ ở nhà sàn (trước kia là nhà dài, thường cả đại gia đình ở chung ; nay là hình thức phổ biến tách hộ riêng). Nhà ở trong làng được bố trí theo tập quán từng vùng : có nơi quây quần vây quanh nhà rông ở giữa, có nơi dựng lớp lớp ngang triền đất và không có nhà rông. Kỹ thuật làm nhà chủ yếu là sử dụng ngoàm và buộc dây, mỗi hàng cột chạy dọc nhà được liên kết thành một vỉ cột, mỗi ngôi nhà có hai vỉ cột.

Phương tiện vận chuyển : Gùi được dùng hằng ngày, chuyên chở hầu như mọi thứ trên lưng, mỗi quai khoác vào một vai. Có các loại gùi khác nhau : đan thưa, đan dày, có nắp, không nắp, có hoa văn, không có hoa văn,... Nam giới còn có riêng gùi 3 ngăn (gùi "cánh dơi") hoặc gùi gần giống hình con ốc sên. Gùi ở các nhóm Xơ-đăng có sự khác biệt nhau nhất định về kiểu dáng, kĩ thuật đan.

Quan hệ xã hội : Từng làng có đời sống tự quản, đứng đầu là ông "già làng". Lãnh thổ của làng là sở hữu chung, trên đó, mỗi người có quyền sở hữu ruộng đất để làm ăn. Tuy đã hình thành giàu - nghèo nhưng chưa có bóc lột một cách rõ rệt ; xưa kia, nô lệ mua về và người ở đợt không bị đối xử hà khắc. Quan hệ cộng đồng trong làng được đề cao.

Cưới xin : Phong tục ở các vùng không hoàn toàn giống nhau. Song, phỏ biến là cư trú luân chuyển mỗi bên mấy năm, thường khi cha mẹ qua đời mới ở hẳn một chỗ. Đám cưới có lễ thức cõ dâu chú rể đưa đùi gà cho nhau ăn, đưa rượu cho nhau uống, cùng ăn một nắm cơm,... để tượng trưng sự kết gắn hai người. Không có tính chất mua bán trong hôn nhân.

Ma chay : Cả làng chia buồn với tang chủ và giúp việc đám ma. Quan tài gỗ đẽo độc mộc. Những người chết bình thường được chôn trong bãi mộ chung của làng. Lệ tục cụ thể không hoàn toàn thống nhất giữa các nhóm. Không có lễ bỏ mả như người Ba-na, Gia-rai,... Tục "chia của" cho người chết (đồ mặc, tư trang, công cụ, đồ gia dụng,...) phỏ biến.

Thờ cúng : Người Xơ-đăng tin vào sức mạnh siêu nhiên, các "thần" hay "ma" được gọi là *Kiak* (*Kia*) hoặc "*Ông*", "*Bà*", chỉ một số nơi gọi là *Yàng*. Các thần quan trọng như Thần Sấm Sét, Thần Mặt Trời, Thần Núi, Thần Lúa, Thần Nước,... Thần Nước hiện thân là thuồng luồng, hoặc con "*lươn*" khổng lồ, hoặc con lợn mũi trắng. Thần Lúa có dạng bà già xấu xí, tốt bụng, thường biến thành cóc. Trong đời sống và canh tác rẫy có rất nhiều lễ thức cúng bái đối với các lực lượng siêu nhiên, tập trung vào mục đích cầu mùa, cầu an, tránh sự rủi ro cho cộng đồng và cá nhân.

Lễ tết : Quan trọng nhất là lễ cúng Thần Nước vào dịp sửa máng nước hằng năm, các lễ cúng vào dịp mở đầu năm làm ăn mới, mở đầu vụ trỉa lúa, khi lúa đến kì con gái, khi thu hoạch, các lễ cúng khi ốm đau, dựng nhà rông, làm nhà mới, khi con cái trưởng thành,... Nhiều dịp sinh hoạt tôn giáo đồng thời có tính chất hội hè của cộng đồng làng, tiêu biểu là lễ trước ngày trỉa, lễ cúng Thần Nước, lễ có đám trâu của làng cũng như gia đình. Tết dân tộc tổ chức trước sau tùy làng, nhưng thường trong tháng Giêng (dương lịch), kéo dài 3 - 4 ngày.

Lịch : Cách tính lịch một năm có 10 tháng, gắn với một chu kỳ làm rẫy, sau đó là thời gian nghỉ sản xuất kéo dài cho đến khi bước vào vụ rẫy mới. Mỗi tháng 30 ngày. Trong ngày được chia ra các thời điểm với tên gọi cụ thể. Lịch có phân biệt ngày tốt, ngày xấu, ví dụ : ngày cuối tháng nếu trồng ngô sẽ nhiều hạt, chặt tre nứa dùng sẽ không bị mọt...

Văn nghệ : Người Xơ-đăng có nhiều loại nhạc cụ (đàn, nhị, sáo dọc, ống vỗ *kloong büt*, trống, chiêng, cồng, tù và, ống gõ, dàn ống nứa hoạt động nhờ sức nước,...). Có loại dùng giải trí thông thường, có loại dùng trong lễ hội. Các loại nhạc cụ cụ thể và điệu tấu nhạc có sự khác nhau ít nhiều giữa các nhóm. Những điệu hát phỏ biến là : hát đối đáp của trai gái, hát của người lớn tuổi, hát ru. Trong một số dịp lễ hội, đồng bào trình diễn múa : có điệu múa riêng cho nam, riêng cho nữ, cũng có điệu múa cả nam, nữ cùng tham gia. Truyền cổ Xơ-đăng phong phú và đặc sắc.

NGƯỜI XTIÊNG

Tên gọi khác : Xa Đìêng hay Xa Chiêng.

Nhóm địa phương : Bù Lơ, Bù Đek (Bù Đêh), Bù Biêk.

Dân số : 66.788 người.

Ngôn ngữ : thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer (ngữ hệ Nam Á) tương đối gần gũi với tiếng Mạ, Mnông, Chơ-ro. Chữ viết hình thành từ trước năm 1975, theo chữ cái La-tinh.

Lịch sử : Người Xtiêng sinh tụ lâu đời ở vùng nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Hoạt động sản xuất : Nguồn lương thực chính là lúa gạo, khoảng 80% lúa gạo do rẫy cung cấp. Nhóm Bù Lơ ở cao, sâu hơn hoàn toàn làm rẫy. Nhóm Bù Đeh (Bù Đêh) ở vùng thấp làm ruộng nước từ khoảng 100 năm, như cách thức canh tác của người Việt sở tại. Lúa rẫy có các giống khác nhau, được trồng theo lối "phát - đốt - chọc - triа", kết quả mùa màng phụ thuộc lớn vào thiên nhiên và vào việc bảo vệ trước sự phá phách của chim muông. Công cụ làm rẫy chủ yếu gồm rìu và dao xà gạc để khai phá rừng, sau khi đốt thì dùng cây cào tre có 5 răng để dọn rồi đốt lại, khi triа dùng gậy nhọn (mỗi tay cầm một chiếc) để chọc lỗ, đồng thời gieo hạt giống theo, làm cỏ bằng loại



Ngôi nhà dài của người Xtiêng hầu như không còn nữa. Trong ảnh là ngôi nhà kiểu dáng cổ truyền còn thấy ở nhóm Bù Lơ vùng Phước Long, nhà 4 mái, lợp tranh, mái tròn ở 2 hòi, thấp và sà sát gần đất, cửa ra vào mở ở chính giữa hai đầu hòi.

Ảnh : Phạm Lợi

cuộc con (về sau thay thế bằng cái xà - bát mà người Việt sử dụng), dùng tay tuốt lúa. Há lượm, săn bắn và kiếm cá đưa lại nguồn lợi quan trọng thiết thực. Gia súc phổ biến gồm trâu, bò, lợn, chó, một số hộ nuôi voi ; gia cầm chủ yếu là gà. Nghề thủ công có dệt vải và đan lát. Việc mua bán thường dùng vật đổi vật (nay dùng tiền), có quan hệ hàng hóa với người Việt, Khmer, Mnông, Mạ và cả với bên Campuchia.



Phụ nữ Xtieng biết dệt vải. Ngày nay, nam nữ Xtieng thường mặc quần áo là sản phẩm của dệt công nghiệp. Dù vậy, vẫn thấy những phụ nữ cao tuổi ở trần, cổ đeo nhiều chuỗi vòng hạt cườm nhiều màu, dài tai căng rộng bởi đai hoa tai ngà voi... Họ cũng là lớp người cuối cùng có những chiếc răng cửa hàm trên bị cắt cụt do tục cà răng...

Ảnh : Phạm Lợi

Ăn : Người Xtieng ăn cơm té, cơm nếp. Thực phẩm thường ngày của họ chủ yếu là những thứ kiếm được trong rừng và sông suối (nay có mua ở chợ hay của thương nhân). Thức uống truyền thống có nước lã, rượu cần. Đồ đựng cơm, canh, nước đều là vỏ bầu chế tác có hình dạng thích hợp. Họ hút thuốc lá bằng tẩu (nay ít thấy).

Ở : Người Xtieng phân bố tập trung tại tỉnh Bình Phước, một số ở Bình Dương, Tây Ninh và Đồng Nai. Vùng cao ở nhà trệt, mái trùm gần xuống mặt đất và có nới uốn tròn ở hai đầu hồi, cửa mở hai đầu hồi và ở một mặt bên. Vùng thấp thường làm nhà sàn khá khang trang, vách dựng nghiêng phía trên ra ngoài. Theo nếp xưa, mỗi làng chỉ gồm một vài ngôi nhà dài, nay hình thức nhà ngắn của từng hộ đang phát triển.

Mặc : Thông thường, đàn ông đóng khố, ở trần ; đàn bà mặc áo hoặc ở trần quấn váy. Trước kia, phụ nữ nghèo ở nhiều nơi cũng dùng khố. Họ ưa đeo nhiều trang sức, thường dùng các loại vòng kim loại và chuỗi cườm, thậm chí một cánh tay đeo tới trên 20 chiếc vòng nhôm hay bạc, có cả loại vòng ống quấn từ sợi dây đồng dài ôm quanh ống chân, ống tay. Loại hoa tai lớn bằng ngà voi được ưa chuộng. Ngày nay, nam giới mặc như người Việt ; nữ hay dùng áo cánh, sơ mi. Ở vùng gần người Khmer cũng thường gấp phụ nữ Xtieng quấn váy Khmer.

Phương tiện vận chuyển : Các loại gùi rất thông dụng, cách gùi như ở các tộc Thượng khác. Ở nhóm gần người Việt và Khmer, có loại xe gỗ hai bánh dùng đôi bò kéo và đã trở thành một phương tiện vận chuyển phổ biến từ rất lâu đời.

Quan hệ xã hội : Mỗi cặp vợ chồng và con cái là một "bếp" (*nak*). Nhiều "bếp" hợp thành một nhà (*yau*). Mỗi làng xưa gồm một vài nhà, càng về sau số nhà càng tăng do việc tách hộ ở riêng. Mỗi người không chỉ thuộc về một "bếp", một nhà, một làng, mà còn là thành viên của một dòng họ nhất định và nằm trong các mối quan hệ họ hàng khác nữa. Về tổ chức xã hội truyền thống, làng là đơn vị bao trùm và nổi bật ; trong tự quản ở làng thì ông "già làng" và các bô lão có uy tín cao khác đóng vai trò quan trọng đặc biệt. Xưa kia, ngoài một số ít người giàu có và đa số thuộc lớp nghèo, xã hội Xtiêng đã có những "nô lệ gia đình" do phải ở đợ, hoặc bị mua về,...

Cưới xin : Thông thường, nếu nhà trai có đủ của cải sinh lě, cô dâu về ở nhà chồng. Trong thực tế, phần đông chú rể phải ở rể do chưa có đủ đồ dâng cưới theo yêu cầu của nhà gái (ché quý, chiêng đồng, trâu,...) ; riêng ở vùng Bình Long, tỉnh Bình Phước, chàng rể luôn phải về ở nhà vợ. Tập tục hôn nhân giữa các nơi, các nhóm có những điểm khác nhau, chẳng hạn : nhóm Bù Đek cho phép con trai cô với con gái cậu cũng như con trai cậu với con gái cô lấy nhau ; ở nhóm Bù Lơ, chỉ con trai cô được lấy con gái cậu với điều kiện cậu là anh của cô và cũng chỉ được chấp nhận một lần trong mỗi gia đình.

Sinh đẻ : Phụ nữ kiêng cữ cẩn thận ngay từ thời kì mang thai. Việc sinh nở xưa kia, phụ nữ tự xoay sở ngoài rừng một mình. Ngày nay, nhiều người ở vùng có tập quán dựng kho thóc trong nhà vẫn ra đẻ ở ngôi nhà nhỏ dựng gần bên nhà ở, bởi họ cho rằng nếu đẻ ở nhà sẽ xúc phạm đến "Thần Lúa", đẻ xong sẽ phải cúng một con lợn cho "Thần Lúa".

Ma chay : Quan tài gỗ độc mộc đẽo từ cây rừng. Nếu chết bình thường thì họ chôn trong bã mộ của làng. Trong quan tài, cùng với tử thi, có bỏ một ít gạo, thuốc lá,... Những ché, nồi, dụng cụ,... "chia" cho người chết đều để trên và quanh mộ. Người Xtiêng không có tục thăm viếng mồ mả. Có người mới chết, cả làng không gõ cồng chiêng và không vui nhộn trong khoảng 10 ngày. Những trường hợp chết bất bình thường phải cúng quải tốn kém hơn, kiêng cữ nhiều hơn, lễ thức làm ngoài khu vực của làng và không được chôn vào bã mộ của làng.

Thờ cúng : Người ta tin con người, con vật, cây cối cũng như muôn vật đều có siêu nhiên, tựa như "hồn". "Thần linh" cũng có rất nhiều : Thần Sấm Sét, Thần Mặt Trời, Thần Núi, Thần Lúa,... Thần Lúa được hình dung là người phụ nữ trẻ và đẹp. Trong các lễ cúng, các vị thần hoặc các siêu nhiên nói chung được nhắc đến để cầu xin, hay tạ ơn, hay thông báo điều gì đó. Vật hiến tế là rượu, gà, lợn, trâu, bò, số lượng càng nhiều và con vật càng lớn chứng tỏ lễ cúng càng to, thần linh càng quyền thế, quan trọng.

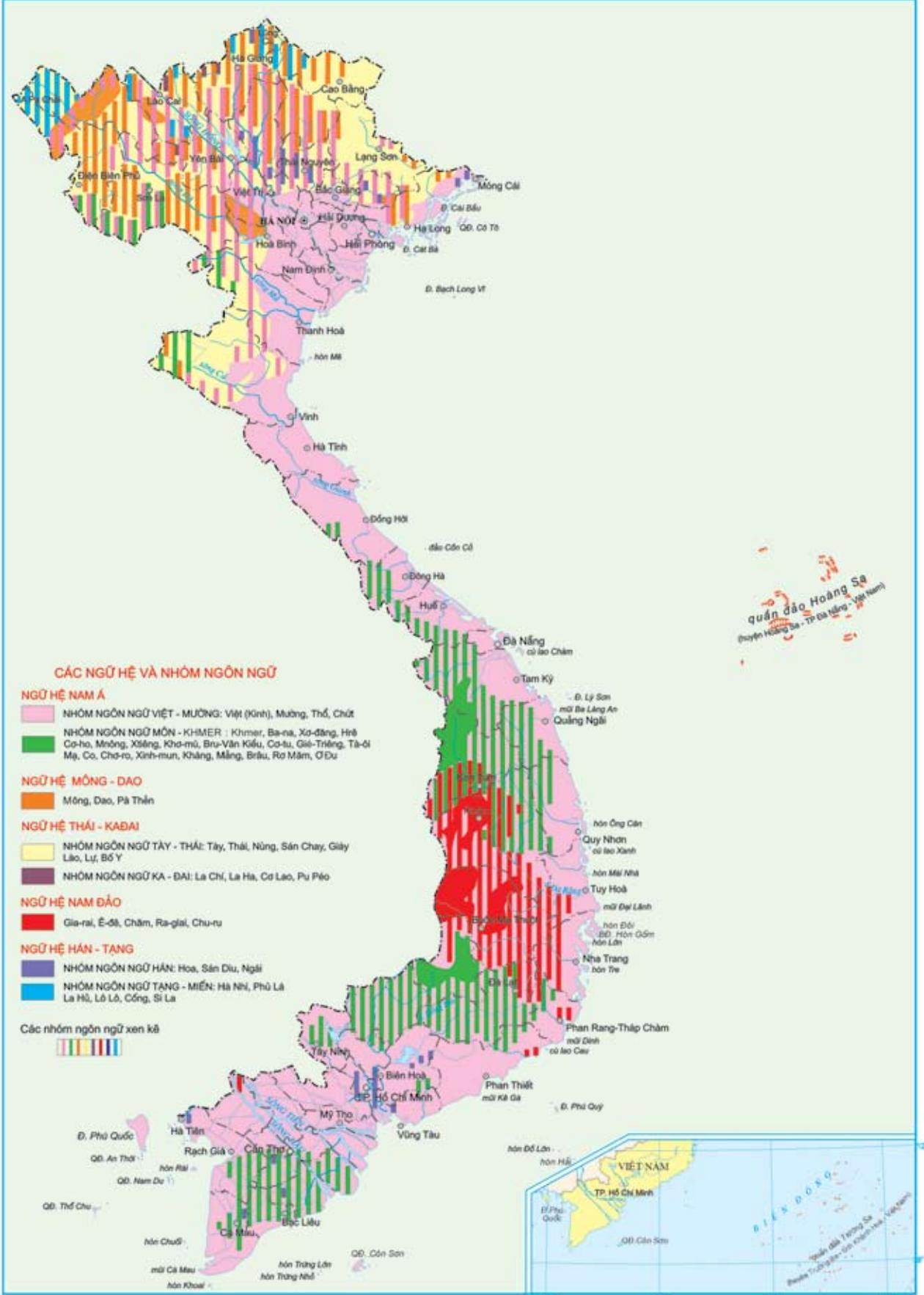
Lễ tết : Có rất nhiều lễ cúng lớn nhỏ khác nhau trong đời sống người Xtiêng. Trong đó, lễ hội đâm trâu là lớn nhất, thường được tổ chức mừng được mùa lớn (gia đình thu hoạch lúa từ 100 gùi cỡ to trở lên - loại gùi có tên *Sah cach*), mừng chiến thắng kẻ thù, mừng làm ăn phát đạt, mừng con cái lớn khôn,... Cùng với hiến sinh trâu còn thường có cá bò, lợn. Nếu hiến sinh một trâu, cột lě để buộc trâu làm đơn giản, nhưng từ 2 trâu trở lên thì cột lě trang trí đẹp, làm công phu. Tết Xtiêng được gọi là "lễ cúng rơm", sau khi tuốt lúa rẫy xong, trước khi đốt rẫy vụ sau, lễ thúc ngày Tết có nội dung tạ ơn Thần Lúa sau một mùa.

Văn nghệ : Người Xtiêng rất yêu âm nhạc. Nhạc cụ quan trọng nhất, đồng thời là một trong số gia tài quý ở xã hội truyền thống, là cồng và chiêng ; nhóm Bù Lơ chủ yếu dùng chiêng, mỗi bộ 6 chiếc, nhóm Bù Đek (Bù Đêh) chủ yếu dùng cồng, mỗi bộ 5 chiếc. Riêng trong đám ma, chỉ dùng 3 cồng hoặc 3 chiêng. Ngoài ra, còn có tù và, trống, khèn bầu, các loại đàn. Người Xtiêng cũng có kho tàng truyện cổ khá phong phú, có những điệu hát của mình. Tuy nhiên, đến nay, tương tự như nhiều nơi khác, ngay cả cồng, chiêng cũng chỉ còn rất ít so với xưa kia.



Khi tổ chức lễ hội có đâm trâu, nếu giết một trâu, họ chỉ dựng đoạn thân cây gạo làm cột. Nếu đâm nhiều trâu hơn, lân đầu già chủ làm loại cột đơn giản gọi là *gâng srung*, những lần sau họ dựng cột *gâng rai* và nhiều hoa văn trang trí. Đây là phần ngọn của cây cột lẽ trong dịp đâm trâu loại *gâng rai*.

Ảnh : Phạm Lợi



“Nhờ sức mạnh đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh em trong một nhà, không còn sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ vững nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa.”

(Lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh
tại Hội nghị Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam
ngày 3-12-1945, đăng trên báo Cứu quốc, số 108, ngày 4-12-1945)

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Về lãnh đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam

Bác Hồ lúc sinh thời, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức hai Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số ở hai miền Bắc và Nam. Nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn của năm 2010, Ban Bí thư quyết định tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị - xã hội quan trọng trong đời sống cộng đồng các dân tộc Việt Nam; nhằm tiếp tục tổng kết, đánh giá công tác dân tộc, khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; khẳng định, tôn vinh và biểu dương công lao đóng góp to lớn của các dân tộc thiểu số đối với thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam. Đại hội là diễn đàn giao lưu, trao đổi, tạo sự đồng thuận và niềm tin vững chắc của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Đây cũng là nguyện vọng chính đáng của đồng bào các dân tộc thiểu số trong cả nước. Đại hội là biểu tượng sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, thống nhất ý chí và hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình tiến hành Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số. Đồng thời là dịp để tiếp tục nâng cao nhận thức, hành động cách mạng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, đường lối chiến lược của Đảng về chính sách dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để tổ chức Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng từ Trung ương đến địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Quán triệt sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tạo khí thế thi đua sôi nổi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và các sự kiện chính trị, lịch sử lớn của đất nước.

2. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc. Chú trọng tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về kết quả thực hiện chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Ban tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền về Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp.

3. Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức ở cấp huyện, tỉnh và cấp trung ương. Việc tổ chức Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Thời gian Đại hội Đại biểu ở huyện, tỉnh từ quý III đến quý IV năm 2009; Đại hội Đại biểu toàn quốc sẽ tiến hành vào tháng 5 - 2010 (vào dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Các Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ tinh thần Chỉ thị này thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp. Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, lãnh đạo Uỷ ban Dân tộc làm Phó Trưởng ban Thường trực, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương có liên quan. Ban Chỉ đạo đại hội cấp tỉnh, cấp huyện do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân làm Trưởng ban, thành viên gồm các đồng chí lãnh đạo các cơ quan liên quan trực thuộc tỉnh, huyện.

4. Đây là Đại hội nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội qua các thời kì cách mạng, đặc biệt là trong thời kì đổi mới. Do vậy, các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo việc giới thiệu, chọn cử đại biểu tham dự đại hội các cấp bảo đảm thực sự tiêu biểu, xuất sắc, đại diện cho các dân tộc thiểu số, các thành phần, các giới, các thế hệ, lĩnh vực, vùng miền. Việc bình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích phải có tác dụng động viên, lôi cuốn phong trào, theo đúng Luật Thi đua – Khen thưởng và các quy định hiện hành.

5. Giao Ban Cán sự đảng Uỷ ban Dân tộc chủ trì xây dựng đề án Đại hội, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện; chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp triển khai tổ chức Đại hội.

6. Từ năm 2010 trở đi, định kì 10 năm tiến hành tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam một lần.

Chỉ thị này phổ biến đến Chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

(đã kí)

Trương Tấn Sang

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích, yêu cầu của Đại hội

a) Mục đích Đại hội nhằm tiếp tục tổng kết, đánh giá công tác dân tộc, khẳng định đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; khẳng định, tôn vinh và biểu dương công lao đóng góp to lớn của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước qua các thời kì;

b) Yêu cầu: Đại hội các cấp tổ chức phải trang trọng, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời tạo khí thế sôi nổi, phấn khởi, tự hào trong các tầng lớp nhân dân.

2. Nội dung Đại hội: tổng kết, đánh giá phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong các thời kì cách mạng, đặc biệt thời kì đổi mới, hội nhập và phát triển; đánh giá tình hình, kết quả thực hiện công tác dân tộc từ Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) đến nay và định hướng đến năm 2020.

3. Đại hội được tổ chức ở 3 cấp: huyện, tỉnh và trung ương (Đại hội toàn quốc);

4. Thời gian Đại hội các cấp

a) Đại hội cấp huyện, cấp tỉnh: thời gian 01 ngày, từ quý III đến hết quý IV năm 2009;

b) Đại hội toàn quốc: thời gian 02 ngày, vào trung tuần tháng 5 năm 2010 – dịp Kỉ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Kinh phí Đại hội

a) Ngân sách Trung ương bảo đảm chi tổ chức Đại hội toàn quốc và các hoạt động của Đại hội;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh, huyện và các hoạt động của Đại hội; đối với các địa phương chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách trên địa bàn thì ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương để thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc do một đồng chí Phó Thủ tướng làm Trưởng ban; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc làm Phó Trưởng ban Thường trực; thành viên Ban Chỉ đạo gồm các đồng chí lãnh đạo các Bộ, Ban, ngành Trung ương liên quan (Thủ tướng Chính phủ sẽ có quyết định riêng); Ban Chỉ đạo tổ chức Đại hội cấp tỉnh, huyện do đồng chí Chủ tịch hoặc một đồng chí Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp làm Trưởng ban; thành viên gồm lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đơn vị cùng cấp có liên quan (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định).

2. Uỷ ban Dân tộc là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc, giúp Ban Chỉ đạo Đại hội toàn quốc chỉ đạo việc tổ chức Đại hội các cấp; chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức Đại hội toàn quốc; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai tổ chức Đại hội các cấp; theo dõi báo cáo Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Đại hội toàn quốc về kết quả Đại hội các cấp và thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Đại hội toàn quốc phân công.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau Đại hội các cấp bảo đảm theo đúng chỉ đạo của Ban Bí thư về tổ chức Đại hội.

4. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(đã kí)**

Nguyễn Tân Dũng

KẾ HOẠCH

Tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐĐHDTTS
ngày 26 tháng 2 năm 2010 của Ban Chỉ đạo Đại hội Đại biểu
các dân tộc thiểu số Việt Nam*)

Kế hoạch tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam nhằm thực hiện Quyết định 757/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam như sau:

I. Nội dung chủ yếu của Đại hội

1. Nội dung hoạt động diễn ra trước khai mạc Đại hội

- a) Tổ chức Hội thảo Quốc gia về cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam và chính sách đại đoàn kết dân tộc;
- b) Phát phong sự truyền hình về các dân tộc thiểu số Việt Nam (20 tập) trên kênh truyền hình Việt Nam và Website của Ủy ban Dân tộc;
- c) Tổ chức Triển lãm giới thiệu bản sắc văn hóa và thành tựu của các dân tộc thiểu số Việt Nam tại Triển lãm Văn Hồ;
- d) Tổ chức Hội chợ giới thiệu về Văn hóa - Thương mại của các dân tộc thiểu số Việt Nam tại Trung tâm Hội chợ Quốc gia Giảng Võ;
- đ) Tổ chức Festival học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số Việt Nam;
- e) Tổ chức Cuộc thi Tìm hiểu về các dân tộc thiểu số Việt Nam;
- g) Biên soạn và xuất bản 01 ấn phẩm (ảnh và lời) tổng quan về kinh tế, văn hóa, xã hội các dân tộc thiểu số Việt Nam;
- h) Tổ chức Lễ trao tặng Kỉ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” nhân dịp tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam cho các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Đại hội toàn quốc;
- i) Tổ chức họp báo thông báo việc tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam;
- k) Tổ chức tiếp đón đại biểu: ngày 09 tháng 5 năm 2010;
- l) Tổ chức Lễ dâng hương Đền Hùng: ngày 10 tháng 5 năm 2010;
- m) Tổ chức cuộc gặp mặt của đại diện Lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đại diện 53 dân tộc là các đại biểu tiêu biểu, xuất sắc dự Đại hội toàn quốc;

- n) Tổ chức thăm quan Vịnh Hạ Long (theo đăng ký của các đoàn đại biểu);
- o) Tổ chức viếng các Anh hùng liệt sĩ tại Đài tưởng niệm liệt sĩ Thành phố Hà Nội : sáng ngày 11 tháng 5 năm 2010;
- p) Tổ chức vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh: sáng ngày 11 tháng 5 năm 2010.

2. Nội dung hoạt động diễn ra trong Đại hội chính thức

- a) Báo cáo Chính trị Đại hội: Tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực của đời sống xã hội qua các thời kì cách mạng, đặc biệt là thời kì đổi mới và hội nhập; đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc từ Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) đến nay và định hướng đến năm 2020;
- b) Báo cáo điển hình của các tập thể, cá nhân trên các lĩnh vực tại Đại hội;
- c) Phát biểu chỉ đạo Đại hội của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước;
- d) Tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào yêu nước ;
- đ) Tổ chức Đại hội chào mừng thành công của Đại hội vào đêm giữa hai ngày Đại hội chính thức;
- e) Chiếu phim tài liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam tại Đại hội và Website của Ủy ban Dân tộc (thời lượng khoảng 30 phút);
- g) Tường thuật trực tiếp Chương trình Đại hội trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và Website của Ủy ban Dân tộc.

3. Nội dung hoạt động sau Đại hội

- a) Họp báo Thông báo kết quả Đại hội;
- b) Biên tập, hoàn thiện, ban hành Kỉ yếu Đại hội;
- c) Tổ chức Hội nghị Tổng kết đánh giá kết quả Đại hội Đại biểu toàn quốc của Ban Chỉ đạo (có kế hoạch riêng);
- d) Quyết toán kinh phí Đại hội.

II. Thời gian, địa điểm tổ chức

Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam

1. Thời gian

- a) Đại hội trù bị (có kịch bản riêng): 1/2 ngày (từ 14h ngày 11 tháng 5 năm 2010);
- b) Đại hội chính thức (có kịch bản riêng): 2 ngày (ngày 12 và 13 tháng 5 năm 2010).

2. Địa điểm: tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mĩ Đình, Hà Nội.

III. Số lượng, cơ cấu đại biểu

1. Số lượng đại biểu

- a) Tổng số đại biểu chính thức: 1.702 đại biểu. Trong đó:
 - Đại biểu khối địa phương: 1.252 đại biểu.
 - Khối cơ quan Trung ương: 450 đại biểu.

b) Đại biểu khách mời (dự kiến khoảng 500 đại biểu)

- Đại biểu khách mời ở các cơ quan Trung ương dự Đại hội: các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; đại diện Lãnh đạo các cơ quan Trung ương không phải là đại biểu chính thức của Đại hội;

- Đại biểu khách mời ở địa phương: 01 đồng chí Lãnh đạo chủ chốt của tỉnh (nếu Đoàn đại biểu của địa phương không có lãnh đạo chủ chốt của tỉnh là đại biểu chính thức dự Đại hội toàn quốc); Trưởng hoặc Phó Ban Chỉ đạo Đại hội cấp tỉnh (nếu Đoàn đại biểu của địa phương không có Trưởng và Phó Ban Chỉ đạo Đại hội cấp tỉnh là đại biểu chính thức dự Đại hội toàn quốc); đại diện Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kì Đổi mới là người dân tộc thiểu số; đại diện các trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân, doanh nhân tiêu biểu là người dân tộc thiểu số;

- Đại biểu khách mời quốc tế: mời đại diện một số đại sứ quán, cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Hà Nội.

2. Cơ cấu đại biểu chính thức Đại hội: Đại biểu đại diện cho các thành phần dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; các ngành, lĩnh vực; lứa tuổi, giới tính; các tầng lớp nhân dân trong phạm vi toàn quốc.

IV. Ban Tổ chức và phục vụ Đại hội

Dự kiến khoảng 500 người (gồm thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các Tiểu ban, lễ tân, cán bộ an ninh, trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ, lái xe, y tế, phóng viên...).

V. Phân công trách nhiệm

Thực hiện theo Phụ lục Kế hoạch chi tiết tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam kèm theo Kế hoạch này.

VI. Kinh phí Đại hội

1. Nguồn ngân sách trung ương đảm bảo, theo kế hoạch được duyệt.

2. Nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc, Trưởng ban tổ chức Đại hội toàn quốc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và các Tiểu ban giúp Ban Tổ chức Đại hội thực hiện các nhiệm vụ được phân công đảm bảo chất lượng và tiến độ theo thời gian quy định; phê duyệt kế hoạch, chương trình, nội dung hoạt động cụ thể của các cơ quan, đơn vị và các Tiểu ban; chỉ đạo và thông qua kịch bản tổ chức Đại hội (trù bị và chính thức); đồng thời chủ động báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban Chỉ đạo khi cần thiết.

2. Uỷ ban Dân tộc chủ trì, phối hợp Ban tổ chức Đại hội toàn quốc, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí Đại hội gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ bố trí kinh phí theo quy định.

3. Bộ Tài chính bảo đảm đủ kinh phí theo kế hoạch được duyệt, bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc sử dụng kinh phí được cấp của các đơn vị đúng mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán kinh phí sau khi kết thúc Đại hội.

Để đảm bảo việc chuẩn bị các nội dung hoạt động của Đại hội được thực hiện khẩn trương, kịp thời gian theo kế hoạch đã đề ra, trong thời gian kế hoạch kinh phí chung chưa được phê duyệt, Bộ Tài chính ứng trước một phần kinh phí để các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng được bồi đắp kinh phí phục vụ Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc Việt Nam triển khai thực hiện ngay các nội dung được giao.

4. Các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo quy định và nhiệm vụ được phân công phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Ban tổ chức Đại hội toàn quốc thực hiện Kế hoạch này.

TRƯỞNG BAN
(đã ký)

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1004/QĐ-TTg
ngày 14/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ)

- 1. Ông Nguyễn Sinh Hùng, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng ban;**
- 2. Ông Giàng Seo Phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc – Phó Trưởng ban Thường trực;**
- 3. Ông Phạm Văn Phượng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - Phó Trưởng ban;**
- 4. Bà Trần Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương – Phó Trưởng ban;**
- 5. Ông Phạm Sỹ Danh, Thứ trưởng Bộ Tài chính – Phó Trưởng ban;**
- 6. Ông Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – Phó Trưởng ban;**
- 7. Ông Nguyễn Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông – Phó Trưởng ban;**
- 8. Ông Nguyễn Khánh Toàn, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an – Phó Trưởng ban;**
- 9. Ông Đào Văn Bình, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội – Phó Trưởng ban;**
- 10. Ông Huỳnh Phước Long, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội – Phó Trưởng ban;**
- 11. Ông Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Thành viên;**
- 12. Ông Hứa Đức Nhị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Thành viên;**
- 13. Ông Nguyễn Trọng Đàm, Thứ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Thành viên;**
- 14. Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Thành viên;**
- 15. Ông Nguyễn Bá Thuỷ, Thứ trưởng Bộ Y tế - Thành viên;**
- 16. Ông Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Thường trực Uỷ ban Dân tộc – Thành viên;**
- 17. Ông Bùi Văn Huấn, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng – Thành viên.**
- 18. Ông Nguyễn Văn Quynh, Phó Trưởng ban Ban tổ chức Trung ương – Thành viên;**
- 19. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương – Thành viên;**
- 20. Ông Phạm Văn Linh, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương – Thành viên;**
- 21. Ông Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng – Thành viên;**
- 22. Ông Đào Ngọc Dung, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc - Thành viên;**
- 23. Ông Trần Việt Hùng, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tây Nguyên – Thành viên;**
- 24. Ông Sơn Song Sơn, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ - Thành viên;**
- 25. Ông Hà Văn Núi, Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – Thành viên;**

- 26.** Ông Nguyễn Văn Ngàng, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam – Thành viên;
- 27.** Ông Hà Phúc Mịch, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam – Thành viên;
- 28.** Bà H'Ngăm Niê Kdăm, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam – Thành viên;
- 29.** Ông Nguyễn Đắc Vinh, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh – Thành viên;
- 30.** Ông Đỗ Công Mùi, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam – Thành viên;
- 31.** Ông Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam – Thành viên;
- 32.** Ông Đinh Văn Luyện, Phó Tổng biên tập Báo Nhân dân – Thành viên;
- 33.** Bà Hoàng Minh Nguyệt, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam – Thành viên;
- 34.** Ông Hà Minh Huệ, Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam – Thành viên.

DANH SÁCH BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-TTg
ngày 10/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ)

- 1. Ông Giàng Seo Phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc – Trưởng ban;**
- 2. Ông Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Thường trực Uỷ ban Dân tộc – Phó Trưởng ban Thường trực;**
- 3. Ông Nguyễn Khánh Toàn, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an – Phó Trưởng ban;**
- 4. Bà Trần Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương – Phó Trưởng ban;**
- 5. Ông Nguyễn Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông – Phó Trưởng ban;**
- 6. Ông Phạm Sỹ Danh, Thứ trưởng Bộ Tài chính – Phó Trưởng ban;**
- 7. Ông Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – Phó Trưởng ban;**
- 8. Ông Phạm Văn Phượng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - Phó Trưởng ban;**
- 9. Ông Đào Văn Bình, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội – Phó Trưởng ban;**
- 10. Ông Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam – Thành viên;**
- 11. Ông Bùi Văn Huấn, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng – Thành viên;**
- 12. Ông Nguyễn Bá Thuỷ, Thứ trưởng Bộ Y tế - Thành viên;**
- 13. Bà Hoàng Minh Nguyệt, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam - Thành viên;**
- 14. Ông Hà Minh Huệ, Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam - Thành viên;**
- 15. Ông Hà Hùng, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;**
- 16. Ông Sơn Phước Hoan, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;**
- 17. Ông Hoàng Xuân Lương, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;**
- 18. Ông Hà Văn Núi, Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Thành viên;**
- 19. Ông Đinh Văn Luyện, Phó Tổng Biên tập Báo Nhân dân - Thành viên.**

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC TIỂU BAN CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 11/8/2009 của Ban Chỉ đạo
Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam)

I. Tiểu ban Tổ chức và Nhân sự

- Ông Giàng Seo Phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Trưởng Tiểu ban;
- Ông Nguyễn Khánh Toàn, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an- Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Nguyễn Văn Quynh, Phó Trưởng ban Ban tổ chức Trung ương- Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Huỳnh Phước Long, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng ban Ban Dân vận Trung ương - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Hà Văn Núi, Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Phạm Văn Dương, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
- Ông Nguyễn Lâm Thành, Chánh Văn phòng Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
- Ông Nguyễn Đức Sơn, Q. Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
- Bà Vy Xuân Hoa, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
- Ông Phạm Đình Thắng, Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Ban Dân vận Trung ương - Thành viên;
- Ông Trương Quang Cẩn, Q. Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội - Thành viên;
- Ông Lê Thành Can, Phó Vụ trưởng Vụ 4, Ban Tổ chức Trung ương - Thành viên;
- Ông Nguyễn Công Nguyên, Phó Trưởng ban Ban Dân tộc và Tôn giáo, Uỷ ban Trung ương
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Thành viên.

II. Tiểu ban Nội dung và Văn kiện

- Ông Bế Trường Thành, Phó Chủ nhiệm Thường trực, Uỷ ban Dân tộc - Trưởng Tiểu ban;
- Ông Phạm Văn Phượng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Đào Văn Bình, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Hoàng Công Hoàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Phạm Văn Linh, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương - Phó Trưởng Tiểu ban;
- Ông Vũ Văn Huệ, Vụ trưởng Vụ Địa phương, Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
- Ông Hoàng Đức Hậu, Vụ trưởng Vụ Văn hoá Dân tộc, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Thành viên;
- Ông Hoàng Văn Phấn, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;

9. Ông Phan Văn Hùng, Viện trưởng Viện Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
10. Ông Nguyễn Thành Công, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương, Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
11. Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Phó Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Thành viên;
12. Ông Bùi Văn Lịch, Phó Chánh Văn phòng, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
13. Ông Bùi Thế Đức, Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương - Thành viên;
14. Ông Dương Bá Thành, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Văn phòng Trung ương Đảng - Thành viên.

III. Tiểu ban Tuyên truyền và Khánh tiết

1. Ông Nguyễn Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Trưởng Tiểu ban;
2. Ông Hà Hùng, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực;
3. Ông Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
4. Ông Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Phó Trưởng Tiểu ban;
5. Ông Đào Văn Bình, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Phó Trưởng Tiểu ban;
6. Bà Hoàng Minh Nguyệt, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
7. Ông Hà Minh Huệ, Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
8. Ông Phạm Văn Linh, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương - Phó Trưởng Tiểu ban;
9. Ông Đinh Văn Luyện, Phó Tổng Biên tập Báo Nhân dân - Phó Trưởng Tiểu ban;
10. Ông Hoàng Hữu Lượng, Cục trưởng Cục Báo chí Bộ Thông tin và Truyền thông - Thành viên;
11. Ông Nguyễn Hoài Thu, Trưởng Ban Phát thanh dân tộc, Đài Tiếng nói Việt Nam - Thành viên;
12. Ông Đỗ Quốc Khanh, Phó Trưởng ban Ban truyền hình tiếng dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam - Thành viên;
13. Ông Trần Quốc Khanh, Phó Tổng Biên tập Tạp chí, Dân tộc và Miền núi, Thông Tấn xã Việt Nam - Thành viên;
14. Ông Hoàng Xuân Định, Quyền Tổng Biên tập Báo Dân tộc và Phát triển, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
15. Ông Nguyễn Văn Thảo, Tổng Biên tập Tạp chí Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
16. Ông Cao Cự Tú, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
17. Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Phó Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Thành viên;
18. Ông Nguyễn Trí Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
19. Ông Vũ Bá Cường, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
20. Ông Bùi Thế Đức, Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương - Thành viên;
21. Ông Lê Quốc Khanh, Vụ trưởng, Trưởng Ban Thư ký - Biên tập, Báo Nhân dân - Thành viên;
22. Ông Vũ Thế Lân, Vụ trưởng, Trưởng ban Chính trị - Xã hội, Báo Nhân dân - Thành viên.

IV. Tiểu ban Thi đua - Khen thưởng

1. Bà Trần Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương - Trưởng Tiểu ban;
2. Ông Sơn Phước Hoan, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Phó trưởng Tiểu ban Thường trực;
3. Ông Phạm Văn Phượng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - Phó Trưởng Tiểu ban;
4. Ông Nguyễn Văn Quynh, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương - Phó Trưởng Tiểu ban;
5. Ông Vũ Văn Huệ, Vụ trưởng Vụ Địa phương Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
6. Ông Trần Huy Luật, Vụ trưởng Vụ II, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương - Thành viên;
7. Ông Triệu Hồng Sơn, Chánh Văn phòng Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
8. Ông Trần Văn Thuật, Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
9. Bà Nguyễn Thị Tư, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
10. Bà Bùi Thị Hồng Thi, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
11. Ông Nguyễn Công Diễn, Chuyên viên chính Vụ Chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương - Thành viên.

V. Tiểu ban Hậu cần và Lễ tân

1. Ông Hoàng Xuân Lương, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Trưởng Tiểu ban;
2. Ông Phạm Sỹ Danh, Thứ trưởng Bộ Tài chính - Phó Trưởng Tiểu ban;
3. Ông Nguyễn Bá Thuỷ, Thứ trưởng Bộ Y tế - Phó Trưởng Tiểu ban;
4. Ông Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Phó Trưởng Tiểu ban;
5. Ông Lý Ngọc Kính, Cục trưởng Cục khám chữa bệnh, Bộ Y tế - Thành viên;
6. Ông Huỳnh Quang Hải, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính - Thành viên;
7. Ông Nguyễn Việt Hồng, Vụ trưởng Vụ Hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính - Thành viên
8. Ông Lê Kim Khôi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
9. Ông Triệu Hồng Sơn, Chánh Văn phòng Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
10. Ông Trịnh Công Khanh, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
11. Ông Nguyễn Lâm Thành, Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
12. Ông Nguyễn Xuân Thành, Quyền Cục trưởng Cục Quản trị Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
13. Ông Vũ Viết Hảo, Giám đốc Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
14. Ông Trịnh Xuân Thành, Giám đốc Nhà khách Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
15. Bà Lương Thu Châu, Phó Chánh Văn phòng Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
16. Ông Đặng Hà Lự, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên.

VI. Tiểu ban Văn nghệ và Dạ hội

1. Ông Huỳnh Vĩnh Ái, Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Trưởng Tiểu ban;
2. Ông Hà Hùng, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc - Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực;
3. Ông Vũ Văn Hiến, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam - Phó trưởng Tiểu ban;
4. Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Phó Trưởng Tiểu ban;
5. Ông Đào Văn Bình, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Phó Trưởng Tiểu ban;
6. Bà Hoàng Minh Nguyệt, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
7. Bà H'Ngăm Niê Kdăm, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - Phó Trưởng Tiểu ban;
8. Ông Nguyễn Đắc Vinh, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Phó Trưởng Tiểu ban;
9. Ông Huỳnh Quang Hải, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính - Thành viên;
10. Ông Lưu Vũ Hải, Cục trưởng Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử Bộ Thông tin Truyền thông - Thành viên;
11. Ông Hoàng Đức Hậu, Vụ trưởng Vụ Văn hoá Dân tộc, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Thành viên;
12. Ông Nguyễn Xuân Thành, Quyền Cục trưởng Cục Quản trị, Văn phòng Chính phủ - Thành viên;
13. Bà Hoàng Thị Phương Hoa, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
14. Ông Nguyễn Đình Mạnh, Phó Vụ trưởng Vụ công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Thành viên;
15. Ông Nguyễn Đăng Chương, Phó Cục trưởng Cục Nghệ thuật - Biểu diễn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Thành viên;
16. Ông Quang Văn Tịch, Hiệu trưởng Trường Cán bộ Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
17. Ông Hoàng Sơn, Giám đốc Nhà hát Đài tiếng nói Việt Nam - Thành viên;
18. Bà Lê Huyền Thanh, Phó Trưởng ban Văn nghệ, Đài Truyền hình Việt Nam - Thành viên;
19. Ông Nguyễn Ngọc Sơn, Phó Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội - Thành viên;
20. Ông Chu Tuấn Thanh, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
21. Ông Nguyễn Văn Trọng, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;
22. Ông Nguyễn Phước Lộc, Trưởng ban Đoàn kết tập hợp thanh niên, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Thành viên;
23. Bà Mai Hoa, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - Thành viên.

VII. Tiểu ban An ninh – Bảo vệ

- 1. Ông Nguyễn Khánh Toàn, Thủ trưởng Thường trực Bộ Công an - Trưởng Tiểu ban;**
- 2. Ông Nông Văn Lưu, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Bộ Công an - Phó Trưởng Tiểu ban Thường trực;**
- 3. Ông Bùi Văn Huấn, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng - Phó Trưởng Tiểu ban;**
- 4. Ông Phạm Bình Minh, Thú trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao - Phó Trưởng Tiểu ban;**
- 5. Ông Lê Duy Tiến, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh, Bộ Quốc phòng - Thành viên;**
- 6. Ông Lê Đình Luyện, Cục trưởng A41, Tổng cục An ninh, Bộ Công an - Thành viên;**
- 7. Ông Hoàng Thọ Diên, Phó Cục trưởng Cục Dân vận đặc biệt, Bộ Quốc phòng - Thành viên;**
- 8. Ông Lý Ngọc Kính, Cục trưởng Cục Khám chữa bệnh, Bộ Y tế - Thành viên;**
- 9. Ông Nguyễn Hữu Giảng, Chánh Thanh tra Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;**
- 10. Ông Trần Huy Thiệp, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên;**
- 11. Ông Nguyễn Quang Đức, Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương I, Uỷ ban Dân tộc - Thành viên.**

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	Tỉnh/ thành phố, huyện, thị tổ chức Đại hội	Ngày tổ chức Đại hội	Số đại biểu dự Đại hội cấp huyện	Số đại biểu dự Đại hội cấp tỉnh
	Tổng số		51.117	14.696
I	TỈNH, THÀNH PHỐ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI HAI CẤP (45 tỉnh, thành phố)			
1	An Giang	16/12/2009	300	150
	1. Tịnh Biên	20/11/2009	100	
	2. Tri Tôn	18/11/2009	100	
	3. An Phú	16/11/2009	100	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	18/12/2009	613	258
	1. Tân Thành	14/10/2009	145	
	2. Xuyên Mộc	9/10/2009	166	
	3. Châu Đức	14/10/2009	145	
	4. TP. Vũng Tàu	15/10/2009	157	
3	Bắc Kạn	4/12/2009	939	291
	1. Na Rì	30/10/2009	150	
	2. Chợ Mới	26/10/2009	110	
	3. Ba Bể	30/10/2009	135	
	4. Pác Nặm	29/10/2009	150	
	5. Ngân Sơn	28/10/2009	120	
	6. Chợ Đồn	28/10/2009	142	
	7. Bạch Thông	20/10/2009	132	
4	Bắc Giang	19/10/2009	469	199
	1. Sơn Động	25/9/2009	120	
	2. Lục Ngạn	15/9/2009	151	
	3. Lục Nam	28/9/2009	93	
	4. Yên Thế	24/9/2009	105	
5	Bạc Liêu	25/11/2009	450	250
	1. Hồng Dân	30/10/2009	150	
	2. Vĩnh Lợi	5/11/2009	150	
	3. Hòa Bình	10/11/2009	150	

6	Bình Định	25/12/2009	450	250
	1. An Lão	12/11/2009	150	
	2. Vĩnh Thạnh	18/11/2009	150	
	3. Vân Canh	27/11/2009	150	
7	Bình Phước	24/12/2009	1110	251
	1. Phước Long	30/9/2009	200	
	2. Bình Long	30/9/2009	160	
	3. Lộc Ninh	16/10/2009	150	
	4. Bù Đăng	15/10/2009	200	
	5. Đồng Phú	2/10/2009	200	
	6. Chơn Thành	24/10/2009	100	
	7. Bù Đốp	15/10/2009	100	
8	Bình Thuận	18/12/2009	800	297
	1. Tuy Phong	13/11/2009	200	
	2. Bắc Bình	5/11/2009	200	
	3. Hàm Thuận Bắc	17/11/2009	200	
	4. Tánh Linh	3/11/2009	200	
9	Cà Mau	16/12/2009	750	256
	1. Thới Bình	28/11/2009	150	
	2. Trần Văn Thời	24/11/2009	150	
	3. U Minh	30/11/2009	150	
	4. Đầm Dơi	30/11/2009	150	
	5. TP. Cà Mau	10/11/2009	150	
10	Cao Bằng	3/12/2009	1828	255
	1. Hà Quảng	13/11/2009	150	
	2. Nguyên Bình	10/11/2009	150	
	3. Bảo Lâm	27/10/2009	172	
	4. Trùng Khánh	26/10/2009	150	
	5. Trà Lĩnh	30/10/2009	146	
	6. Quảng Uyên	29/10/2009	150	
	7. Hạ Lang	30/10/2009	150	
	8. Bảo Lạc	26/10/2009	180	
	9. Thông Nông	28/10/2009	150	
	10. Phục Hòa	30/10/2009	150	
	11. Thạch An	28/10/2009	130	
	12. Hòa An	25/10/2009	150	

11	Cần Thơ	22/01/2010	750	351
	1. Cờ Đỏ	30/12/2009	250	
	2. Q. Ninh Kiều	29/12/2009	250	
	3. Q. Ô Môn	26/12/2009	250	
12	Điện Biên	18/11/2009	1444	322
	1. Điện Biên	16/10/2009	200	
	2. Điện Biên Đông	20/10/2009	100	
	3. Mường Chà	28/10/2009	167	
	4. Mường Nhé	5/11/2009	150	
	5. Tuần Giáo	6/11/2009	200	
	6. Tủa Chùa	20/10/2009	186	
	7. Mường Ảng	5/11/2009	200	
	8. TX. Mường Lay	20/10/2009	91	
	9. TP. Điện Biên Phủ	20/10/2009	150	
13	Đăk Lăk	6/1/2010	3222	353
	1. Krông Ana	30/10/2009	201	
	2. Cư Kuin	30/10/2009	200	
	3. Krông Păk	28/10/2009	212	
	4. Krông Bông	4/11/2009	178	
	5. Krông Năng	18/11/2009	180	
	6. Krông Buk	10/11/2009	116	
	7. Cư M'gar	6/11/2009	250	
	8. M'Drăk	10/11/2009	250	
	9. Lăk	17/11/2009	250	
	10. Ea Súp	11/11/2009	250	
	11. Ea H'Leo	10/11/2009	248	
	12. Ea Kar	13/11/2009	237	
	13. Buôn Đôn	12/11/2009	200	
	14. TP. Buôn Ma Thuột	27/10/2009	250	
	15. TX. Buôn Hồ	17/11/2009	200	
14	Đăk Nông	30/12/2009	1050	300
	1. Đăk Mil	30/10/2009	150	
	2. Krông Nô	24/11/2009	150	
	3. Cư Jút	24/11/2009	150	
	4. Đăk Song	24/11/2009	150	
	5. Đăk R'Lấp	24/11/2009	150	

	6. Đăk G'Long	24/11/2009	150	
	7. Tuy Đức	24/11/2009	150	
15	Đồng Nai	18/12/2009	1070	299
	1. Tân Phú	23/10/2009	84	
	2. Định Quán	15/10/2009	175	
	3. Thống Nhất	16/10/2009	86	
	4. Trảng Bom	7/10/2009	81	
	5. Cẩm Mỹ	12/10/2009	89	
	6. Xuân Lộc	28/9/2009	180	
	7. Long Thành	16/10/2009	80	
	8. Vĩnh Cửu	20/10/2009	95	
	9. TX. Long Khánh	20/10/2009	120	
	10. TP. Biên Hòa	13/10/2009	80	
16	Gia Lai	30/11/2009	1755	301
	1. K'Bang	21/10/2009	100	
	2. Chư Păh	16/10/2009	110	
	3. Mang Yang	14/10/2009	100	
	4. Đăk Đoa	25/9/2009	150	
	5. Ia Grai	20/10/2009	150	
	6. Đăk Pơ	16/10/2009	85	
	7. Đức Cơ	20/10/2009	100	
	8. Kông Chro	20/10/2009	100	
	9. Chư Prông	15/10/2009	150	
	10. Chư Sê	19/10/2009	150	
	11. Ia Pa	20/10/2009	110	
	12. Ayun Pa	16/10/2009	100	
	13. Krông Pa	20/10/2009	150	
	14. Phú Thiện	20/10/2009	100	
	15. TP. Pleiku	19/10/2009	100	
17	Hà Giang	17/12/2009	1783	361
	1. Mèo Vạc	13/11/2009	175	
	2. Đồng Văn	18/11/2009	177	
	3. Yên Minh	18/11/2009	115	
	4. Quản Bạ	16/11/2009	122	
	5. Bắc Mê	16/11/2009	167	
	6. Vị Xuyên	18/11/2009	123	

	7. Bắc Quang	9/11/2009	225	
	8. Quang Bình	18/11/2009	165	
	9. Hoàng Su Phì	18/11/2009	105	
	10. Xín Mần	16/11/2009	249	
	11. TX. Hà Giang	18/11/2009	160	
18	TP. Hà Nội	26/11/2009	447	300
	1. Ba Vì	29/10/2009	174	
	2. Thạch Thất	20/10/2009	150	
	3. Quốc Oai	24/10/2009	123	
19	Hậu Giang	22/10/2009	450	300
	1. Long Mỹ	19/10/09	150	
	2. Phụng Hiệp	15/10/2009	150	
	3. TX. Vị Thanh	13/10/2009	150	
20	Hoà Bình	16/12/2009	2207	447
	1. Đà Bắc	7/11/2009	220	
	2. Mai Châu	10/11/2009	220	
	3. Tân Lạc	8/11/2009	220	
	4. Lạc Sơn	10/11/2009	186	
	5. Kim Bôi	8/11/2009	192	
	6. Cao Phong	12/11/2009	200	
	7. Yên Thủy	10/11/2009	220	
	8. Lạc Thủy	15/11/2009	200	
	9. Lương Sơn	15/11/2009	180	
	10. Kỳ Sơn	8/11/2009	173	
	11. TP. Hòa Bình	12/11/2009	196	
21	Khánh Hoà	18/12/2009	308	250
	1. Khánh Vĩnh	9/10/2009	173	
	2. Khánh Sơn	12/10/2009	135	
22	Kiên Giang	24/11/2009	1172	230
	1. Kiên Lương	26/10/2009	90	
	2. Châu Thành	23/10/2009	120	
	3. Gò Quao	23/10/2009	122	
	4. An Biên	26/10/2009	95	
	5. Hòn Đất	22/10/2009	140	
	6. Giồng Riềng	28/10/2009	120	
	7. Vĩnh Thuận	27/10/2009	100	

	8. U Minh Thượng	27/10/2009	86	
	9. Giang Thành	22/10/2009	80	
	10. TX. Hà Tiên	28/10/2009	99	
	11. TP. Rạch Giá	9/10/2009	120	
23	Kon Tum	15/10/2009	1259	225
	1. Đăk Hà	22/9/2009	135	
	2. Sa Thầy	30/9/2009	150	
	3. Kon Plong	30/9/2009	130	
	4. Kon Rẫy	24/9/2009	120	
	5. Đăk Tô	29/2009	150	
	6. Tu Mơ Rông	30/9/2009	124	
	7. Ngọc Hồi	29/9/2009	150	
	8. Đăk Glei	25/9/2009	150	
	9. TP. Kon Tum	28/9/2009	150	
24	Lai Châu	28/11/2009	1172	422
	1. Phong Thổ	10/11/2009	230	
	2. Sìn Hồ	13/11/2009	172	
	3. Tam Đường	23/10/2009	200	
	4. Mường Tè	6/11/2009	250	
	5. Than Uyên	10/11/2009	170	
	6. Tân Uyên	10/11/2009	150	
25	Lạng Sơn	17-18/11/2009	2285	300
	1. Văn Quan	30/10/2009	190	
	2. Cao Lộc	26/10/2009	300	
	3. Tràng Định	26/10/2009	154	
	4. Văn Lãng	19/10/2009	200	
	5. Hữu Lũng	24/10/2009	180	
	6. Bình Gia	29/10/2009	187	
	7. Lộc Bình	27/10/2009	187	
	8. Chi Lăng	22/10/2009	220	
	9. Bắc Sơn	16/10/2009	264	
	10. Định Lập	3/11/2009	201	
	11. TP. Lạng Sơn	28/10/2009	202	
26	Lào Cai	19/12/2009	1640	399
	1. Bắc Hà	27/11/2009	170	
	2. Sa Pa	27/11/2009	180	

	3. Bát Xát	10/11/2009	204	
	4. Mường Khương	25/11/2009	170	
	5. Sí Ma Cai	17/11/2009	172	
	6. Văn Bàn	26/11/2009	186	
	7. Bảo Yên	25/11/2009	198	
	8. Bảo Thắng	27/11/2009	200	
	9. TP. Lào Cai	27/11/2009	160	
27	Lâm Đồng	18/12/2009	1996	300
	1. Bảo Lâm	18/11/2009	300	
	2. Đức Trọng	6/11/2009	240	
	3. Di Linh	21/11/2009	280	
	4. Lạc Dương	17/11/2009	100	
	5. Đơn Dương	26/11/2009	180	
	6. Lâm Hà	24/11/2009	100	
	7. Đam Rông	24/11/2009	180	
	8. Đạ Huoai	25/11/2009	120	
	9. Đạ Tẻh	12/11/2009	100	
	10. Cát Tiên	25/11/2009	196	
	11. Bảo Lộc	25/11/2009	100	
	12. TP. Đà Lạt	30/11/2009	100	
28	Nghệ An	17/12/2009	1670	450
	1. Kỳ Sơn	18/11/2009	230	
	2. Tương Dương	12/11/2009	200	
	3. Con Cuông	25/11/2009	150	
	4. Quế Phong	26/11/2009	250	
	5. Quỳ Châu	27/11/2009	150	
	6. Quỳ Hợp	23/11/2009	160	
	7. Nghĩa Đàn	24/11/2009	130	
	8. Tân Kỳ	16/11/2009	150	
	9. Anh Sơn	14/11/2009	150	
	10. Thanh Chương	13/11/2009	100	
29	Ninh Thuận	29/12/2009	800	350
	1. Bác Ái	27/11/2009	200	
	2. Ninh Sơn	10/11/2009	200	
	3. Thuận Bắc	8/11/2009	200	
	4. Ninh Phước	30/11/2009	200	

30	Phú Thọ	16/12/2009	597	300
	1. Thanh Sơn	19/10/2009	180	
	2. Tân Sơn	6/11/2009	117	
	3. Yên Lập	12/11/2009	178	
	4. Thanh Thủy	16/11/2009	122	
31	Phú Yên	19/12/2009	353	190
	1. Sông Hình	11/10/2009	120	
	2. Sơn Hòa	14/10/2009	113	
	3. Đồng Xuân	22/10/2009	120	
32	Quảng Nam	19/1/2010	1208	300
	1. Bắc Trà My	05/10/2009	220	
	2. Nam Trà My	07/10/2009	150	
	3. Phước Sơn	02/11/2009	200	
	4. Nam Giang	29/09/2009	250	
	5. Đông Giang	08/10/2009	230	
	6. Tây Giang	01/12/2009	158	
33	Quảng Ngãi	15/12/2009	1156	450
	1. Sơn Hà	23/10/2009	160	
	2. Sơn Tây	10/11/2009	229	
	3. Trà Bồng	12/11/2009	240	
	4. Tây Trà	17/11/2009	180	
	5. Ba Tơ	13/11/2009	177	
	6. Minh Long	12/11/2009	170	
34	Quảng Ninh	18/12/2009	1087	289
	1. Tiên Yên	29/11/2009	146	
	2. Ba Chẽ	24/11/2009	122	
	3. Hoành Bồ	24/11/2009	105	
	4. Vân Đồn	27/11/2009	70	
	5. Hải Hà	29/10/2009	158	
	6. Đầm Hà	24/11/2009	136	
	7. TX. Cẩm Phả	27/11/2009	200	
	8. Bình Liêu	27/11/2009	150	
35	Quảng Trị	16/12/2009	240	121
	1. Hướng Hóa	13/11/2009	120	
	2. Đak Rông	11/11/2009	120	

36	Sóc Trăng	25/11/2009	1464	400
	1. Thạnh Trị	22/10/2009	150	
	2. Mỹ Xuyên	20/10/2009	200	
	3. Kế Sách	16/10/2009	200	
	4. Mỹ Tú	26/10/2009	150	
	5. Long Phú	22/10/2009	200	
	6. Vĩnh Châu	23/10/2009	200	
	7. TP. Sóc Trăng	1/10/2009	214	
	8. Châu Thành	17/10/2009	150	
37	Sơn La	29/11/2009	2024	393
	1. Phù Yên	29/10/2009	190	
	2. Sín Cabe	27/10/2009	150	
	3. Bắc Yên	8/10/2009	150	
	4. Mai Sơn	8/10/2009	270	
	5. Thuận Châu	30/10/2009	180	
	6. Yên Châu	30/10/2009	150	
	7. Quỳnh Nhai	25/10/2009	180	
	8. Mường La	28/10/2009	150	
	9. Mộc Châu	27/10/2009	200	
	10. Sông Mã	27/10/2009	190	
	11. TP. Sơn La	21/10/2009	214	
38	Tây Ninh	18/12/2009	467	250
	1. Tân Biên	20/10/2009	100	
	2. Tân Châu	6/11/2009	150	
	3. Châu Thành	30/10/2009	112	
	4. TX. Tây Ninh	16/11/2009	105	
39	Thái Nguyên	18/12/2009	1443	386
	1. Đồng Hỷ	30/10/2009	201	
	2. Đại Từ	21/10/2009	202	
	3. Phổ Yên	26/10/2009	250	
	4. Định Hóa	24/10/2009	155	
	5. Phú Lương	22/10/2009	150	
	6. Phú Bình	28/10/2009	250	
	7. Võ Nhai	29/10/2009	235	

40	Thanh Hoá	18/12/2009	2361	403
	1. Mường Lát	26/11/2009	200	
	2. Quan Hóa	25/11/2009	200	
	3. Quan Sơn	30/11/2009	200	
	4. Bá Thước	16/11/2009	200	
	5. Lang Chánh	25/11/2009	200	
	6. Ngọc Lặc	24/11/2009	200	
	7. Thường Xuân	26/11/2009	185	
	8. Như Xuân	26/11/2009	200	
	9. Như Thanh	25/11/2009	200	
	10. Cẩm Thủy	26/10/2009	150	
	11. Thạch Thành	17/11/2009	160	
	12. Thọ Xuân	27/11/2009	120	
	13. Triệu Sơn	27/11/2009	146	
41	Thừa Thiên - Huế	26/12/2009	500	254
	1. A Lưới	25/10/2009	250	
	2. Nam Đông	27/10/2009	250	
42	Trà Vinh	17/12/2009	1288	340
	1. Trà Cú	17/ 11/2009	184	
	2. Châu Thành	1/12/2009	200	
	3. Càng Long	4/12/2009	134	
	4. Tiểu Cần	1/12/2009	120	
	5. Cầu Ngang	3/12/2009	230	
	6. Cầu Kè	4/12/2009	110	
	7. Duyên Hải	4/12/2009	150	
	7. TX. Trà Vinh	27/11/2009	160	
43	Tuyên Quang	24/11/2009	1100	211
	1. Chiêm Hóa	23/10/2009	200	
	2. Na Hang	25/10/2009	200	
	3. Hàm Yên	25/10/2009	200	
	4. Yên Sơn	24/10/2009	200	
	5. Sơn Dương	24/10/2009	200	
	6. TX. Tuyên Quang	26/10/2009	100	

44	Vĩnh Long	16/12/2009	500	172
	1. Trà Ôn	18/11/2009	200	
	2. Tam Bình	31/10/2009	150	
	3. Bình Minh	25/11/2009	150	
45	Yên Bái	25/12/2009	1140	280
	1. Mù Cang Chải	10/11/2009	150	
	2. Trạm Tấu	16/11/2009	120	
	3. Văn Chấn	27/10/2009	220	
	4. Văn Yên	12/11/2009	160	
	5. Lục Yên	12/11/2009	220	
	6. Trấn Yên	13/11/2009	120	
	7. Yên Bình	13/11/2009	150	
II	TỈNH, THÀNH PHỐ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI MỘT CẤP (6 tỉnh, thành phố)			
1	Bình Dương	25/12/2009		174
2	TP. Đà Nẵng	16/12/2009		100
3	TP. Hồ Chí Minh	27/12/2009		486
4	Ninh Bình	29/12/2009		80
5	Quảng Bình	29/12/2009		200
6	Vĩnh Phúc	7/1/2010		200
III	TỈNH TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG (1 tỉnh)			
1	Hà Tĩnh			

DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM

STT	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	CHỨC VỤ/ ĐƠN VỊ
I - CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG			
1	Nông Đức Mạnh	Tày	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
2	Hà Thị Khiết	Tày	Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương
3	Hoàng Công Hoàn	Tày	Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
4	Lê Văn Dũng	Tày	Phó Giám đốc Ban Quản lý Trụ sở Trung ương, Cục Quản trị A, Văn phòng Trung ương Đảng
5	Chu Thị Tuyết Lan	Tày	Cục Quản trị - Tài vụ Văn phòng Trung ương Đảng
6	Mai Thế Dương	Tày	Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương
7	Sa Như Hoà	Thái	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
8	Hà Công Nghĩa	Thái	Kiểm tra viên, Vụ Nghiên cứu, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
9	Hoàng Ngọc Bưởi	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Địa phương II, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
10	Đinh Ngọc Dũng	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Trung ương IA, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
11	Lê Minh Tuấn	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Kiểm tra Tài chính, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
12	Triệu Văn Chiến	Cao Lan	Kiểm tra viên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
13	Hà Chí Tuyên	Mường	Kiểm tra viên chính Vụ Địa phương II, Ủy ban Kiểm tra Trung ương
14	Nông Hải Việt	Tày	Tổng Biên tập Tạp chí Dân vận, Ban Dân vận Trung ương
15	Huỳnh Tấn Đãi	Chăm	Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc (T78), Ban Dân vận Trung ương
16	Lò Thị Hạnh	Thái	Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Ban Dân vận Trung ương

17	Lê Thị Tiến	Tày	Chuyên viên chính Trung tâm nghiên cứu Khoa học Dân vận, Ban Dân vận Trung ương
18	Phùng Thị Mai Hiên	Mường	Chuyên viên Vụ Dân tộc, Ban Dân vận Trung ương
19	Vi Thị Duyên	Thái	Chuyên viên chính Vụ Tôn giáo, Ban Dân vận Trung ương
20	Hà Văn Thu	Mường	Phó Vụ trưởng, Ban Tuyên giáo Trung ương
21	Bùi Thanh Thu	Mường	Phó Trưởng ban, Ban Chỉ đạo Tây Bắc
22	Mùa A Tủa	Mông	Hàm Vụ trưởng, Ban Chỉ đạo Tây Bắc
23	Hoàng Xuân Long	Tày	Phó Vụ trưởng, Ban Chỉ đạo Tây Bắc
24	Sơn Song Sơn	Khmer	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
25	Thạch Muni	Khmer	Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc - Tôn giáo, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
26	Bùi Thị Tuyết Mai	Mường	Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương
27	Nông Bích Thủy	Tày	Chuyên viên Phòng đào tạo, Trung tâm BDCT Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương
28	Hoàng Kim Phượng	Tày	Chuyên viên Phòng đào tạo, Trung tâm BDCT Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương

II - CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI

1	Tòng Thị Phóng	Thái	Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội
2	Ksor Phuóc	Gia-rai	Ủy viên BCH Trung ương Đảng, UVUBTVQH, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
3	Bùi Thị Bình	Mường	ĐUVĐảng uỷ Văn phòng Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
4	Giàng A Chu	Mông	Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
5	Mã Điền Cư	Chăm	Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
6	Huỳnh PhuỚc Long	Khmer	Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
7	Triệu Thị Nái	Dao	Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

8	Nguyễn Thị Khá	Khmer	Uỷ viên chuyên trách UB về các vấn đề xã hội của Quốc hội
9	Lương Thanh Huấn	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
10	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Nùng	Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
11	Sa Văn Khiêm	Thái	Chuyên viên chính Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
12	Lý Ly Na	Hà Nhì	Chuyên viên Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
13	Tráng A Pao	Mông	Nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
14	Phạm Thúy Chinh	Mông	Giám đốc Nhà khách Văn phòng Quốc hội
15	Nông Đức Chu	Tày	Hàm Đoàn phó Đoàn xe, Cục Quản trị Văn phòng Quốc hội
16	Cư Văn Học	Mông	Giám đốc Nhà khách Văn phòng Quốc hội 165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Hồ Chí Minh
17	Triệu Quang Sáng	Tày	Phó Trưởng phòng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VI, Kiểm toán Nhà nước

III - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

1	Hà Nhu Khuê	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự
2	Chu Thị Bình	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật
3	Nhan Thanh Hà	Tày	Trưởng phòng - Kiểm tra viên chính, Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
4	Nguyễn Kim Dung	Tày	Kiểm sát viên, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh
5	Hà Trường Thanh	Tày	Phó Trưởng phòng - Kiểm tra viên chính, Văn phòng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao
6	Hoàng Văn Máo	Tày	Kiểm tra viên chính, Vụ Kiểm sát thi hành án
7	Đàm Thị Thanh	Nùng	Kiểm tra viên chính, Vụ Khiếu tố
8	Vi Mạnh Hà	Tày	Kiểm tra viên chính, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
9	Hà Minh Khuong	Thái	Kiểm tra viên chính, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội

IV - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

1	Hoàng Thị Kim Oanh	Tày	Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, Phó Chánh tòa, Tòa Hình sự
2	Quảng Đức Tuyên	Chăm	Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, Phó Chánh tòa, Tòa Phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh

V - CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Văn phòng Chính phủ

1	Vi Quang Đạo	Tày	Phó Tổng Biên tập Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
2	Hoàng Ngọc Dũng	Tày	Phó Vụ trưởng, Vụ Theo dõi khiếu nại tố cáo và Phòng chống tham nhũng
3	Ma Xuân Đua	Tày	Trưởng phòng Quản trị, Cục Hành chính - Quản trị II
4	Lò Việt Phương	Thái	Chuyên viên Vụ Địa phương
5	Nguyễn Văn Hải	Mường	Phó Trưởng phòng kĩ thuật, Trung tâm Hội nghị Quốc gia

Bộ Công an

1	Nông Văn Lưu	Nùng	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh II
2	Ma Kiên Hiệp	Tày	Cán bộ Tổng cục An ninh II
3	Thào A Pha	Mông	Cán bộ Tổng cục An ninh II
4	Thùng Văn Nghiêm	Thái	Trưởng phòng, Tổng cục An ninh II
5	Xa Đức Thiệp	Mường	Cán bộ Tổng cục An ninh II
6	Triệu Quý Bảo	Dao	Cán bộ Tổng cục An ninh II
7	Hoàng Văn Ích	Tày	Cán bộ Tổng cục An ninh II
8	Hạng A Lồng	Mông	Chiến sĩ Tổng cục An ninh II
9	Kpă Phương	Gia-rai	Cán bộ Tổng cục An ninh II
10	Trần Song	Khmer	Phó Cục trưởng, Tổng cục An ninh II
11	Bùi Thị Dáng Hương	Mường	Cán bộ Tổng cục III
12	Hoàng Hữu Duyên	Tày	Cán bộ Tổng cục III
13	Hoàng Văn Oanh	Tày	Phó Trưởng phòng, Tổng cục III

14	Đàm Thị Thu	Tày	Phó Tổ trưởng, Tổng cục III
15	Đinh Văn Thép	Mường	Trưởng bộ môn, Tổng cục III
16	Ma Khánh Bào	Tày	Hiệu trưởng, Tổng cục III
17	Đặng Thị Thanh Hoa	Tày	Tổ trưởng bộ môn, Tổng cục III
18	Ma Thế Mây	Tày	Giáo viên, Tổng cục III
19	Phạm Thị Minh Hiển	Tày	Trưởng phòng, Tổng cục III
20	Tạ Văn Trung	Sán Dìu	Phó Trưởng khoa, Tổng cục III
21	Ksor Nham	Gia-rai	Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục IV
22	Nông Thị Thu Hải	Tày	Phó Trưởng khoa, Tổng cục IV
23	Mai Đức Duy	Tày	Cán bộ Tổng cục V
24	Lò Việt Dũng	Thái	Cán bộ Tổng cục V
25	Bùi Khánh Hợi	Mường	Phó Trưởng phòng, Tổng cục VI
26	Lê Thị Dung	Mường	Đội trưởng, Tổng cục VI
27	Hà Thị Thư	Tày	Đội trưởng, Tổng cục VI
28	Bế Hồng Hải	Tày	Đội trưởng, Tổng cục VI
29	Lý Ngọc Tiến	Tày	Đội trưởng, Tổng cục VII
30	Phạm Thị Ngân	Mường	Cán bộ Tổng cục VII
31	Nguyễn Văn Hiếu	Mường	Cán bộ Tổng cục VII
32	Đinh Ngọc Thịnh	Mường	Cán bộ Tổng cục VII
33	Trương Văn Nguyên	Dao	Cán bộ Tổng cục VIII
34	Danh Bình Dương	Khmer	Cán bộ Tổng cục VIII
35	Nông Quốc Đại	Tày	Cán bộ Tổng cục VIII
36	Nông Nghiệp Tiến	Tày	Phó giám thị, Tổng cục VIII
37	Hoàng Văn Phúc	Tày	Cán bộ Tổng cục VIII
38	Bùi Văn Ân	Mường	Cán bộ Tổng cục VIII
39	Đàm Xuân Định	Cao Lan	Cán bộ Tổng cục VIII
40	Siu Nguih	Gia-rai	Cán bộ Tổng cục VIII
41	Lâm Thị Kim Dung	Sán Dìu	Cán bộ Tổng cục VIII

42	Phạm Quang Hải	Mường	Đại đội phó, Tổng cục VIII
43	Quách Thanh Tịnh	Mường	Trung đội trưởng, Tổng cục VIII
44	Đinh Công Bằng	Mường	Phó giám thị, Tổng cục VIII
45	Lường Văn Quốc	Thái	Phó trưởng Phân trại, Tổng cục VIII
46	Lò Văn Nguyên	Thái	Cán bộ Tổng cục VIII
47	Nông Thế Cường	Tày	Cán bộ Tổng cục VIII
48	Bùi Văn Thúc	Mường	Đội trưởng, Tổng cục VIII
49	Đặng Văn Long	Sán Dìu	Cán bộ Tổng cục VIII
50	Nguyễn Mạnh Khoát	Nùng	Cán bộ Tổng cục VIII
51	Hà Mạnh Thư	Mường	Cán bộ Tổng cục VIII
52	Lê Thanh Phong	Pa-cô	Trung đội trưởng, Tổng cục VIII
53	Nguyễn Văn Phê	Mường	Cán bộ Tổng cục VIII
54	Ma Thị Nga	Tày	Cán bộ Tổng cục VIII
55	Bùi Văn Châu	Mường	Cán bộ Tổng cục VIII
56	Hoàng Văn Lâm	Nùng	Cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
57	Hoàng Công Hùng	Tày	Cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
58	Hồ Sỹ Đời	Cơ-tu	Phó Trung đội trưởng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
59	Chau Son Si So Váth	Khmer	Tiểu đội trưởng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
60	Hà Văn Yêu	Nùng	Phó Tiểu đội trưởng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
61	Bùi Văn Hiền	Mường	Phó Trung đội trưởng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
62	Dương Hữu Chiến	Tày	Cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động
63	Bùi Công Tộ	Mường	Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ
64	Bùi Thanh Lản	Mường	Cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh vệ
65	Quách Anh Thơ	Mường	Cán bộ Bộ Tư lệnh Cảnh vệ
66	Đinh Văn Điền	Tày	Trưởng phòng, Cục Phong trào
67	Đinh Quang Thái	Dao	Cán bộ Uỷ ban kiểm tra

Bộ Công thương

1	Hoàng Khải Quốc Minh	Tày	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tả Phời - Tập đoàn TKV
2	Đặng Ngọc Hùng	Sán Dìu	Công nhân vận hành máy khoan Công trường máy khoan, Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Tập đoàn TKV
3	Hoàng Văn Vinh	Nùng	Phó Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn, Công ty Xăng dầu Bắc Sơn, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
4	Tao Văn Pắn	Thái	Phó Giám đốc Điện lực Lai Châu, Công ty Điện lực 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
5	Măng Đoàn	Ba-na	Giám đốc Điện lực Gia Lai, Công ty điện lực 3, Tập đoàn Điện lực Việt Nam
6	Bế Ngọc Long	Tày	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Công ty TNHH nhà nước một thành viên Xây lắp Hoá chất, Tổng Công ty Xây dựng Việt Nam
7	Hà Văn Đa	Mường	Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Mộc Sơn
8	Triệu Thế Châu	Tày	Giáo viên Khoa Công nghệ môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
9	Nguyễn Minh Hùng	Khmer	Chuyên viên Phòng NC Sét Gia Sàng, Viện Năng lượng
10	Hồ Hải Minh	Giáy	Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng, Công ty Apatít Việt Nam

Bộ Giáo Dục và Đào tạo

1	Mông Ký Slay	Nùng	Vụ trưởng, Vụ Giáo dục Dân tộc
2	Nông Quốc Chinh	Tày	Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường ĐHKH, Đại học Thái Nguyên
3	Y Tru Alio	Ê-đê	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên
4	La Đức Thiện	Tày	Trưởng phòng, Đại học Huế
5	Đinh Mạnh Hùng	Mường	Trưởng phòng, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương
6	Hoàng Thị Bình	Tày	Trưởng khoa, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
7	Hoàng Thị Mai	Nùng	Phó Trưởng khoa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
8	Lò Văn Nét	Thái	Trưởng phòng, Trường Đại học Tây Bắc

9	Nông Ngọc Yến	Tày	Phó Giám đốc, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
10	Bế Hồng Hạnh	Tày	Trưởng phòng, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
11	Đỗ Anh Dũng	Nùng	Chuyên viên chính, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục
12	Vi Thái Lang	Tày	Trưởng khoa, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II
13	Hà Thị Hải Yến	Tày	Giám đốc Công ty cổ phần Sách dân tộc, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Nông Văn Vinh	Nùng	Giảng viên chính, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
15	Lục Thị Thu Hường	Giáy	Phó Trưởng bộ môn, Trường Đại học Thương mại
16	Sầm Thị Thu Hương	Tày	Chuyên viên chính, Vụ Giáo dục Đại học
17	Ân Thị Hảo	Sán Dìu	Trưởng bộ môn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
18	Lý Tiến Hùng	Nùng	Chuyên viên, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường
19	Cầm Bá Trùng	Thái	Nhân viên, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Đại học Đà Nẵng
20	Nông Minh Tân	Tày	Giảng viên, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp
21	Hoàng Thị Kiên	Tày	Giáo viên, Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc
22	Hoàng Kim Nghĩa	Tày	Chuyên viên, Cục Đào tạo với nước ngoài
23	Hoàng Thị Kim Oanh	Thái	Chuyên viên, Cục Đào tạo với nước ngoài
24	Nông Thị Oanh	Tày	Giảng viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất
25	Hoàng Anh Phước	Mường	Giảng viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
26	Đàm Quốc Hiệp	Tày	Giảng viên, Học viện Quản lý Giáo dục
27	Trần Thị Thúy	Mường	Giảng viên, Trường Đại học Đà Lạt
28	Sơn Chanh Đa	Khmer	Giảng viên, Trường Đại học Cần Thơ
29	Đỗ Lư Công Minh	Hoa	Giảng viên, Trường Đại học Đồng Tháp
30	Nguyễn Thị Như Thủy	Tày	Chuyên viên, Dự án Phát triển giáo dục Trung học cơ sở II
31	Nguyễn Văn Bền	Tày	Nhà giáo Nhân dân, nguyên Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn
32	Cao Văn Thu	Mường	Nhà giáo Ưu tú, Trưởng Bộ môn Vi sinh và Sinh học, Trường Đại học Dược Hà Nội

33	Hoàng Lương	Thái	Nhà giáo Ưu tú, nguyên Chủ nhiệm bộ môn Nhân học, khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
34	Bế Thanh Toàn	Nùng	Nhà giáo Ưu tú, Phó Chủ tịch Hội Giáo chức tỉnh Lạng Sơn

Bộ Giao thông vận tải

1	Mai Văn Đức	Chăm	Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam
2	Nông Thanh Sơn	Nùng	Phó Vụ trưởng, Vụ An toàn giao thông

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1	Cầm Văn Đoản	Thái	Vụ trưởng Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ
2	Chu Thị Vinh	Tày	Chuyên viên Vụ Hợp tác xã
3	Hoàng Thị Minh Hà	Nùng	Nghiên cứu viên, Trung tâm Thông tin và Dự báo KT - XH Quốc gia

Bộ Khoa học và Công nghệ

1	Nông Thị Thắng	Tày	Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục TĐC
2	Hoàng Minh Thu	Tày	Chuyên viên Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1	Trần Lê Thịịnh	Nùng	Phó Trưởng phòng Thanh tra
2	Nguyễn Thùy Dương	Tày	Chuyên viên Vụ Pháp chế
3	Hoàng Thị Thu Huyền	Tày	Chuyên viên Vụ Bình đẳng giới
4	Vương Sỹ Khoa	Nùng	Lái xe Cục việc làm
5	Hà Thị Thu Hường	Tày	Nghiên cứu viên Viện Khoa học Lao động và Xã hội
6	Hoàng Văn Sơn	Tày	Trưởng khoa, Viện Chính hình - Phục hồi chức năng
7	Lý Thị Hàm	Tày	Giảng viên, Trường Đại học Lao động - Xã hội
8	Phạm Thị Thủy	Tày	Giảng viên, Trường Đại học Lao động - Xã hội
9	Ma Thị Thảo Vân	Tày	Bí thư Chi đoàn Tạp chí Gia đình và Trẻ em
10	Lương Minh Hiền	Hoa	Phó Trưởng phòng Tạp chí Gia đình và Trẻ em

Bộ Ngoại giao

1	Nguyễn Tiến Hồng	Tày	Phó Vụ trưởng, Uỷ ban Biên giới Quốc gia
---	------------------	-----	--

Bộ Nội vụ

1	Hoàng Quốc Long	Tây	Phó Vụ Trưởng, Vụ Công chức - Viên chức
2	Nguyễn Thị Hà	Tây	Phó Chủ tịch Thường trực Công đoàn Bộ, Vụ Công chức - Viên chức
3	Chu Minh Yên	Nùng	Phó Trưởng khoa, Ban Cơ yếu Chính phủ
4	Lê Thái Bảy	Sán Dìu	Quản đốc, Ban Cơ yếu Chính phủ
5	Nông Thị Tuyết	Tây	Lưu trữ viên Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1	Bế Minh Châu	Tây	Phó CN Khoa Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp
2	Doanh Thiên Hiến	Tây	Hiệu trưởng, Trường Trung học Công nghệ Lương thực Thực phẩm
3	Nguyễn Thúy Hạnh	Tây	Chi Cục trưởng, Chi cục Lạng Sơn, Cục Thú y
4	Lý Thị Luyến	Sán Dìu	Trại Phó, Trại chăn nuôi Dê Thỏ Sơn Tây, Viện Chăn nuôi
5	Triệu Văn Hùng	Tây	Vụ trưởng, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường
6	Lưu Văn Hưng	Sán Dìu	Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc
7	Hà Tiết Cung	Mường	Phó Trưởng bộ môn, Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc
8	Ngô Thị Lan	Nùng	Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Công Nghệ và Kinh tế Bảo Lộc
9	Lương Hoa Mai	Thái	Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên, Trường Trung học Lâm nghiệp Tây nguyên
10	Đào Hùng	Khmer	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học, Tổng Công ty Chè Việt Nam
11	Nông Thị Nguyệt	Tây	Trưởng phòng Lưu trữ, Văn phòng Bộ
12	YHôNiê	Ê-đê	Giám đốc Công ty Cà phê EATUL, Tổng Công ty Cà phê Việt Nam

Bộ Quốc phòng

1	Đương Công Sửu	Tây	Trung tướng, Phó Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu 1
2	Hoàng Văn Toái	Tây	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu 2

3	Lý A Sáng	Mông	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu 2
4	Ro Ô Cheo	Gia-rai	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Quân khu 5
5	Lê Song Tiến	Mường	Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh, Tổng cục Chính trị
6	Bùi Đình Phái	Mường	Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình, Quân khu 3
7	Chu Thanh Đại	Tày	Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang, Quân khu 1
8	La Văn Tiến	Nùng	Đại tá, Phó Tham mưu trưởng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, Quân khu 1
9	Đinh Ngọc Chuân	Tày	Đại tá, Trưởng phòng Dân vận, Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Quân khu 1
10	Tống Văn Thoóng	Thái	Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu, Quân khu 2
11	Giàng Seo Xào	Mông	Đại tá, Chính uỷ Đoàn KT-QP 314, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang, Quân khu 2
12	Cầm Văn Câu	Thái	Đại tá, Phó Chính uỷ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La, Quân khu 2
13	Mẫu Quốc Đượng	Ra-glai	Đại tá, Phó Hiệu trưởng, Trường Thiếu sinh quân Quân khu 5
14	K.Sor K'Lưu	Gia-rai	Đại tá, Phó Chỉ huy trưởng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai, Quân khu 5
15	Bùi Tiến Dũng	Mường	Đại tá, Đoàn trưởng Đoàn 198, Binh chủng Đặc công
16	Nông Minh Thành	Tày	Đại tá, Chủ nhiệm kho K602, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng
17	Lê Cẩm Nam	Thổ	Đại tá, Phó Giám đốc Công ty 732, Binh đoàn 15, Bộ Quốc phòng
18	Vũ Duy Ty	Tày	Đại tá, Phó Cục trưởng Cục 16, Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng
19	Lò Mai Cam	Thái	Đại tá, Giảng viên Học viện Quân y
20	Sùng Sè Po	Hà Nhì	Thượng tá, Chính trị viên phó, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mường Tè, Lai Châu, Quân khu 2
21	Lý Súa Thao	Mông	Thượng tá, Phó Tham mưu trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Điện Biên, Quân khu 2

22	Dương Đình Thông	Tày	Thượng tá, Chính uỷ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Kạn, Quân khu 1
23	Hà Quảng Tiệp	Tày	Thượng tá, Phó Hiệu trưởng, Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên, Quân khu 1
24	Lâm Minh Liên	Khmer	Thượng tá, Phó Chủ nhiệm chính trị, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh, Quân khu 9
25	Thạch Sương	Khmer	Thượng tá, Phó Chủ nhiệm chính trị, Bộ Chỉ huy Quân sự TP. Cần Thơ, Quân khu 9
26	Thạch Roóc	Khmer	Thượng tá, Trợ lí, Cục Chính trị, Quân khu 9
27	Vi Văn Hiểu	Thái	Thượng tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Kỳ Sơn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An, Quân khu 4
28	Y Phơi Du	Mnông	Thượng tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lăk, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Lăk, Quân khu 5
29	K.Choi	Mnông	Thượng tá, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy huyện Đăk R'Lấp, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Nông, Quân khu 5
30	A.Bông	Mnông	Thượng tá, Chỉ huy trưởng huyện Tu Mơ Rông, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum, Quân khu 5
31	Bùi Khánh Vân	Mường	Thượng tá, Chủ nhiệm kỹ thuật, Sư đoàn 10, Quân khu 3
32	Dương Thiếu Cường	Sán Dìu	Thượng tá, Chính trị viên Tiểu đoàn 1, Trường Sĩ quan chính trị
33	Hoàng Minh Tuấn	Tày	Thượng tá, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện Bình Liêu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ninh, Quân khu 3
34	Hoàng Đắc Khuynh	Tày	Thượng tá, Trưởng ban cơ yếu Sư đoàn 377, Quân chủng Phòng không - Không quân
35	Đinh Công Bằng	Mường	Thượng tá, Chủ nhiệm bay Trung đoàn 931, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không - Không quân
36	Trần Văn Bảo	Tày	Thượng tá, Viện trưởng Viện Nghiên cứu ứng dụng quân nhu, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần
37	Trương Văn Luân	Mường	Trung tá, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện Bá Thước, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa, Quân khu 4
38	Chau Chắc	Khmer	Trung tá, Chính trị viên, Ban chỉ huy Quân sự huyện Tri Tôn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang, Quân khu 9

39	Bùi Đức Bảo	Mường	Trung tá, Phòng Chính trị Sư đoàn 308, Quân đoàn 1
40	Mông Huy Hoàng	Tày	Trung tá, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2
41	Bo Bo Vĩnh Thành	Ra-glai	Thiếu tá, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Khánh Sơn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa, Quân khu 5
42	Quách Thị Liễu	Mường	Thiếu tá, Kho K887, Cục Kỹ thuật binh chủng Tổng cục Kỹ thuật
43	Triệu Quang Tuấn	Nùng	Cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự huyện Hà Quảng, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng, Quân khu I
44	Đinh Công Hạnh	Mường	Thiếu tá, Trợ lí Cục 16, Tổng cục 2
45	Bành Thị Thu Quyên	Nùng	Thiếu tá, Bác sĩ Bệnh viện Y học cổ truyền Quân đội
46	Thạch Hoàng Minh Quân	Khmer	Thượng úy, Bộ tham mưu, Quân khu 7
47	Điểu Sa Rét	Xtiêng	Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bù Đăng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước, Quân khu 9
48	Đinh Hùng Dũng	Mường	Đại úy, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tánh Linh, Bộ Chỉ huy Quân sự huyện Bình Thuận, Quân khu 7
49	Hồ Văn Thìn	Pa-cô	Thượng úy, Trợ lí thanh niên, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, Quân khu 4
50	Đinh Ngọc Duy	Tày	Nguyên Giám đốc Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
51	Bành Văn Khìu	Tày	Nguyên Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Quân đội

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

1	Đinh Ngọc Chung	Tày	Thượng tá, Phòng Vận động quần chúng, Cục chính trị Bộ đội biên phòng
2	Hoàng Quy	Xo-đăng	Thượng úy, Chính trị viên Đồn Biên phòng Đăk Blô, Bộ đội biên phòng Kon Tum
3	Bàn Văn Vinh	Dao	Thiếu tá, Chính trị viên phó, Đồn Biên phòng Quang Chiểu, Bộ đội biên phòng Thanh Hóa
4	Huỳnh Nét	Khmer	Trung úy, Đội trưởng trinh sát, Đồn Biên phòng Vĩnh Châu, Bộ đội biên phòng Sóc Trăng
5	Hoàng Ngọc Huấn	Nùng	Thượng úy, Đội trưởng kiểm soát hành chính, Đồn Biên phòng Tân Thanh, Bộ đội biên phòng Lạng Sơn
6	Pò Bạch Quân	Hà Nhì	Trung úy, Đội trưởng trinh sát Đồn Biên phòng Leng Su Xìn, Bộ đội biên phòng Điện Biên

7	Hồ Phú Vinh	Vân Kiều	Trung uý, Chính trị viên D19, Bộ đội biên phòng Quảng Trị
8	Chau Rit	Khmer	Thiếu uý, Tiểu đội trưởng Đồn Biên phòng Long Bình, Bộ đội biên phòng An Giang
9	Hạng Xuân Chung	Mông	Thượng uý, Chính trị viên phó, Đồn Biên phòng Y Tý, Bộ đội biên phòng Lào Cai
10	Mê Văn Đạt	Tày	Trung tá, Bí thư Đảng uỷ xã - Cán bộ tăng cường xã Đàm Thủy, Đồn Biên phòng Đàm Thủy, Bộ đội biên phòng Cao Bằng
11	Nông Quang Đạo	Tày	Thiếu tá, Học viên, Học viện Biên phòng
12	Tạ Đức Mộc	Sán Dìu	Trung tá, Cán bộ tăng cường xã Vĩnh Thực, Đồn Biên phòng Vạn Gia, Bộ đội biên phòng Quảng Ninh
13	Hồ Thảo	Vân Kiều	Trung uý, Đội trưởng vũ trang, Đồn Biên phòng Làng Ho, Bộ đội biên phòng Quảng Bình
14	Vàng Đinh Chiến	Mông	Thiếu tá, Đồn trưởng, Đồn Biên phòng Đồng Văn, Bộ đội biên phòng Hà Giang
15	Lý Mò Hù	La Hủ	Chuẩn uý, Nhân viên vận động quần chúng, Đồn Biên phòng Pa Vệ Sử, Bộ đội biên phòng Lai Châu
16	Lê Ô Y Win	Gia-rai	Trung uý, Đội phó vận động quần chúng, Đồn Biên phòng Ya Mơ, Bộ đội biên phòng Gia Lai
17	Y Wang Niê	Ê-đê	Thượng uý, Đội trưởng vũ trang, Đồn Biên phòng Sê Rê Pok, Bộ đội biên phòng Đăk Lăk
18	Bàn Văn Chanh	Dao	Thiếu tá, Phó đồn trưởng trinh sát, Đồn Biên phòng Chiềng Khương, Bộ đội biên phòng Sơn La
19	Hờ Bá Mai	Mông	Đại uý, Phó đội trưởng phòng chống tội phạm ma túy, Bộ đội biên phòng Nghệ An
20	Y Tuyên Du	Mnông	Thượng uý, Chính trị viên phó, Đồn Biên phòng Thuận An, Bộ đội biên phòng Đăk Nông

Bộ Tài chính

1	Mai Thị Oanh	Tày	Phó Vụ Trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính
2	Lý Văn Thảy	Nùng	Chuyên viên chính, Phòng Nghiệp vụ III
3	Hà Minh Sơn	Tày	Giảng viên chính, Khoa Ngân hàng - Bảo hiểm, Học viện Tài chính
4	Đinh Thanh Hà	Mrê	Kỹ sư, Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán
5	Đỗ Văn Bình	Tày	Phó Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Thái

6	Nguyễn Thị Vinh	Mường	Cán sự Văn thư Văn phòng Tổng cục Dự trữ Nhà nước
7	Hầu Văn Hùng	Mông	Trưởng phòng Phòng Tin học, Kho bạc Nhà nước Hà Giang
8	Liêu Minh Thúy	Khmer	Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành A, Hậu Giang
9	Vi Văn Doanh	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Thuế thu nhập cá nhân, Tổng cục Thuế
10	Văn Sơn	Khmer	Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Hoà Bình, tỉnh Bắc Liêu
11	La Minh Báo	Nùng	Cục trưởng Cục thuế Cao Bằng
12	Ksor Kút	Gia-rai	Phó Cục trưởng Cục Thuế Gia Lai
13	Bùi Đức Tuấn	Mường	Chuyên viên Vụ Giám sát, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
14	Điểu Drênh Đức	Xtiêng	Phó Tổ trưởng Tổ kiểm soát phòng chống ma túy, Đội Kiểm soát Hải quan, Cục Hải quan Bình Phước
15	Đặng Hồng Mai	Dao	Đội trưởng Chi cục Hải quan ga DSQT Lào Cai, Hải quan Lào Cai

Bộ Tài nguyên và Môi trường

1	Lý Thị Hồng Địệp	Sán Dìu	Chuyên viên Vụ Thi đua - Khen thưởng
2	Hoàng Văn Vy	Nùng	Thanh tra viên, Trưởng phòng Cơ sở dữ liệu Thanh tra, Tổng cục Môi trường
3	Hoàng Trung Thành	Mường	Trưởng phòng Vật lý động lực biển, Trung tâm Hải văn, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam
4	Lâm Thị Hải Đường	Nùng	Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam
5	Hoàng Văn Khoa	Tày	Chuyên viên chính, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Phòng Khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
6	Lương Thị Dung	Tày	Kỹ sư Địa chất, Liên đoàn Địa chất xạ hiếm, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

Bộ Thông tin và Truyền thông

1	Chu Hồng Tuấn	Nùng	Phó Giám đốc Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam
---	---------------	------	--

Bộ Tư pháp

1	Quách Văn Dương	Mường	Trưởng Phòng Quản lý Hòa giải ở cơ sở, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật
---	-----------------	-------	---

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1	Hoàng Thị Điệp	Tày	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
2	Sầm Văn Trường	Tày	Quyền Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thể dục Thể thao
3	Trần Chí Quân	Hoa	Giám đốc Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia
4	Nông Quốc Thành	Tày	Trưởng phòng Quản lý Di tích, Cục Di sản Văn hóa
5	Vương Duy Bảo	Mông	Phó Cục trưởng Cục Văn hóa Cơ sở
6	Hoàng Đức Hậu	Nùng	Vụ trưởng Vụ Văn hóa Dân tộc
7	Trịnh Thị Thủy	Mường	Phó Vụ trưởng Vụ Văn hóa Dân tộc
8	Nguyễn Gia Lâm	Tày	Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào
9	Hoàng Thị Hội	Tày	Bảo tàng viên chính Bảo tàng Cách mạng Việt Nam
10	Lê Thị Thanh Hà	Tày	Bảo tàng viên chính Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
11	Vi Kiến Thành	Nùng	Giám đốc Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam
12	Ma Ngọc Dung	Tày	Trưởng phòng, Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam
13	Trần Văn Ái	Sán Chay	Trưởng phòng, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc
14	Trương Hữu Văn	Nùng	Đoàn trưởng, Nhà hát nhạc vũ kịch Việt Nam
15	Nông Hoàng Thụ	Tày	Giám đốc Ban Quản lý khu các Làng dân tộc - Ban quản lý Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam
16	Hoàng Bích Hà	Nùng	Giảng viên chính Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
17	Trương Thùy Hương	Tày	Phó trưởng khoa, Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh
18	Nông Thị Hà	Tày	Trưởng phòng Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc
19	Hà Văn Đức	Mường	Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc
20	Điêu Thúy Hoàn	Thái	Trưởng khoa, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc
21	Lê Tiến Dũng	Tày	Phó Giám đốc Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin
22	Nông Xuân Ái	Tày	Giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc Dân gian Việt Bắc

Bộ Y tế

1	Nông Quốc Chí	Tày	Thầy thuốc Nhân dân, Giám đốc Sở Y tế Bắc Kạn
2	Quách Đình Thông	Mường	Thầy thuốc Nhân dân, Giám đốc Sở Y tế Hoà Bình
3	Triệu Nguyên Trung	Tày	Thầy thuốc Nhân dân, Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn
4	Bạch Thị Thương	Mường	Bác sĩ điều trị Khoa Thăm dò chức năng, Bệnh viện Châm cứu Trung ương
5	Nông Minh Hoàng	Tày	Bác sĩ Phòng NCKH, Bệnh viện Phụ sản Trung ương
6	Bế Hồng Thu	Tày	Phó Giám đốc Trung tâm Chống độc, Bệnh viện Bạch Mai

Thanh tra Chính phủ

1	Hoàng Thái Dương	Mường	Vụ trưởng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Phát triển, nâng cao năng lực ngành Thanh tra
2	Hà Thị Lan	Thái	Thanh tra viên chính Vụ Tổ chức cán bộ

Uỷ ban Dân tộc

1	Giàng Seo Phủ	Mông	Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc
2	Bế Trường Thành	Nùng	Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ nhiệm Thường trực Uỷ ban Dân tộc
3	Hà Hùng	Thái	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc
4	Sơn Phước Hoan	Khmer	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc
5	Bùi Thế Tung	Mường	Hàm Vụ trưởng, Ban Nghiên cứu Lịch sử
6	Đặng Hà Lự	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính
7	Ma Trung Tỷ	Tày	Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch - Tài chính
8	Triệu Kim Dung	Nùng	Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch - Tài chính
9	Nguyễn Thị Tư	Mường	Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ
10	Hoàng Thị Phượng	Tày	Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ
11	Hoàng Thị Phương Hoa	Tày	Phó Bí thư Đảng uỷ cơ quan, Vụ trưởng Vụ Pháp chế
12	Ma Văn Uyên	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế
13	Lò Thị Nu	La Ha	Đảng uỷ viên, Đảng uỷ cơ quan, Phó Chánh Thanh tra
14	Lý Bình Huy	Tày	Trưởng phòng Tổng hợp tiếp dân, Thanh tra Uỷ ban

15	Triệu Hồng Sơn	Tày	Chánh Văn phòng Uỷ ban
16	Lương Thu Châu	Tày	Phó Chánh Văn phòng, Uỷ ban
17	Phạm Thúc Thuỷ	Mường	Đảng uỷ viên, Đảng uỷ cơ quan,
18	Mã Kim Thanh Huyền	Tày	Trưởng phòng Thi đua, Văn phòng Uỷ ban
19	Nông Hồng Thái	Tày	Chuyên viên Văn phòng Uỷ ban
20	Hoàng Đức Thành	Tày	Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp
21	Chu Quốc Tú	Ngái	Chuyên viên chính Vụ Tổng hợp
22	Nguyễn Thanh Hải	Tày	Trưởng phòng Tổng hợp Vụ Tổng hợp
23	Vy Xuân Hoa	Tày	Bí thư chi bộ, Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách dân tộc
24	Hà Việt Quân	Tày	Phó Chánh văn phòng chương trình 135
25	Bế Thị Hồng Vân	Nùng	Chuyên viên chính, Phó bí thư Chi bộ, Vụ Chính sách dân tộc
26	Chu Tuấn Thanh	Tày	Phó Vụ Trưởng Vụ Tuyên truyền
27	Bùi Thị Hồng Thi	Tày	Phó Vụ Trưởng Vụ Tuyên truyền
28	Nguyễn Lâm Thành	Nùng	Vụ Trưởng Vụ địa phương I
29	Lưu Văn Đức	Chăm	Trưởng phòng Địa bàn 2, Vụ Địa phương II
30	Y Nguyên Ê Nuôn	Ê-đê	Chuyên viên Vụ địa phương II
31	Huỳnh Thị Sô Ma Ly	Khmer	Phó Vụ trưởng Vụ địa phương III
32	Lý Khol	Khmer	Phó Vụ trưởng Vụ địa phương III
33	Lò Giàng Páo	Lô Lô	Phó Viện trưởng Viện Dân tộc
34	Quàng Văn Tịch	Thái	Hiệu trưởng Trường Cán bộ Dân tộc
35	Lù Thị Lai	Thái	Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính Quản trị, Trường Cán bộ Dân tộc
36	Lang Thi Minh	Thái	Kế toán, Trung tâm Thông tin
37	Hoàng Xuân Định	Cao Lan	Quyền Tổng Biên tập Báo Dân tộc và Phát triển
38	Hoàng Thị Bích Vân	Tày	Phó Giám đốc Nhà khách Dân tộc
39	Tráng A Dương	Mông	Phó Giám đốc Dự án Điện mặt trời

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1	Nông Văn Thới	Tày	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn
---	---------------	-----	--

Đài Tiếng nói Việt Nam

1	Hoàng Quách Cầu	Thái	Giám đốc Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc
2	Thào Seo Sình	Mông	Phó Giám đốc Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc
3	Nguyễn Ái Nghiêm	Chăm	Phóng viên Cơ quan Thường trú Đài tiếng nói Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh
4	Lâm Chanh Tuy	Khmer	Phóng viên Cơ quan Thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Đồng bằng sông Cửu long
5	Yler Niê	Ê-đê	Trưởng phòng, Cơ quan Thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên
6	Nhát Lisa	Xơ-đăng	Biên tập viên tiếng Xơ-đăng, Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên
7	A Lăng Lợi	Cơ-tu	Biên tập viên tiếng Cơ-tu, Cơ quan Thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực miền Trung

Đài Truyền hình Việt Nam

1	Vi Kiến Hoà	Tày	Nghệ sĩ Ưu tú, Đạo diễn Trung tâm phim Tài liệu và Phóng sự
2	Kà Kỳ Vọng	Thái	Biên tập viên, dẫn chương trình, Ban Thời sự
3	Sơn Thê	Khmer	Phó Trưởng phòng, Biên tập viên Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại TP. Cần Thơ

Thông tấn xã Việt Nam

1	Điêu Chính Tới	Thái	Trưởng phân xã Thông tấn xã Việt Nam tại tỉnh Sơn La, Ban Biên tập Tin trong nước
2	Cư Minh Liên	Mông	Phó Trưởng phòng Thời sự, Bản tin ảnh Dân tộc - Miền núi

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

1	Hoàng Thị Bích Loan	Tày	Giảng viên chính, Trung tâm Học viện
2	Nguyễn Thị Hạnh	Tày	Phó Trưởng ban, Học viện Hành chính
3	Hà Thị Thu Hằng	Mường	Nghiên cứu viên chính, Học viện Chính trị Hành chính khu vực I
4	Trung Thị Thu Thủy	Ba-na	Giảng viên Học viện Chính trị Hành chính khu vực III

Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

1	Phạm Văn Chi	Tày	Trưởng phòng Nghiên cứu Hóa Sinh, Viện Công nghệ Sinh học
---	--------------	-----	---

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

1	Vi Văn An	Thái	Trưởng phòng, Nghiên cứu viên chính, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
---	-----------	------	--

VI - CÁC ĐOÀN THỂ

Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1	Hà Văn Núi	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phụ trách công tác Dân tộc và Tôn giáo
2	Hà Thị Liên	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phụ trách công tác phong trào và các cuộc vận động
3	Bùi Thị Thanh	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phụ trách công tác tổ chức cán bộ
4	Cư Hòa Vần	Mông	Phó Chủ tịch không chuyên trách Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn về Dân tộc
5	Lê Sơn Hải	Nùng	Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII, Trưởng ban Kinh tế - Đối ngoại và Kiều bào
6	Lù Văn Que	Thái	Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII, Phó Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn về Dân tộc
7	Má Thị Hà	Phù Lá	Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII, Chuyên viên Ban Dân tộc và Tôn giáo
8	Hà Thị Xuyên	Nùng	Chuyên viên Ban Dân tộc và Tôn giáo
9	Cao Thị Ngọc Thủy	Mường	Chuyên viên Ban Dân tộc và Tôn giáo
10	Nông Thị Huyền	Tày	Chuyên viên Ban Tổ chức Cán bộ

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1	Tạ Thị Thu Huyền	Tày	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai
2	Đinh Thị Thanh Hải	Mường	Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Dược Hà Nội
3	Trang Phước	Hoa	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng
4	Y Khut Niê	Ê-đê	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Đăk Lăk

5	Siu Hoal	Gia-rai	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cao su Chưpăh, tỉnh Gia Lai
6	Hoàng Văn Hùng	Nùng	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1	Vy Tư Liệu	Thái	Uỷ viên Ban Chấp hành, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương Đoàn
2	Vy Thị Lạng	Tày	Chuyên viên chính Ban Công tác Thiếu nhi Trung ương Đoàn
3	Dương Văn Thuấn	Tày	Phóng viên Báo Thiếu niên Tiền phong

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

1	H'Ngăm Niê Kdăm	Ê-đê	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
2	Đào Thị Minh Châu	Mông	Trưởng Ban Dân tộc - Tôn giáo Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
3	Dương Thị Ngọc Lan	Tày	Trưởng phòng, Trưởng cán bộ phụ nữ Trung ương

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

1	Hà Phúc Mịch	Tày	Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội
2	Bế Thị Yến	Nùng	Uỷ viên Thường vụ, Trưởng Ban Kiểm tra Trung ương Hội
3	Nguyễn Bá Dũng	Nùng	Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ cơ quan Trung ương Hội
4	YĐoan BKrong	Mnông	Phó Chánh Văn phòng, Phụ trách MT&TN
5	Đặng Thị Thủy	Thái	Phó Trưởng ban Điều hành Quỹ hỗ trợ Nông dân
6	Lý Sa Ring	Khmer	Phó Trưởng Ban Dân tộc - Tôn giáo, Quốc phòng, An ninh
7	Chẩu Thị Yến	Tày	Chuyên viên Trường Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam
8	Lò Trung Kiên	Thái	Chuyên viên Ban Tổ chức Trung ương Hội
9	Nông Thị Tâm	Tày	Chuyên viên Trường Cán bộ Hội Nông dân Việt Nam
10	Cao Phương Thảo	Mường	Chuyên viên Ban Tổ chức Trung ương Hội
11	Trương Thị Đô	Mường	Trưởng Phòng Thông tin Lưu trữ
12	Hà Thị Duyên	Mường	Chuyên viên Ban Kiểm tra Trung ương Hội
13	Hoàng Nguyễn Hậu	Tày	Chuyên viên Ban Điều tra Quỹ hỗ trợ nông dân

Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

1	Cao Xuân Mật	Mường	Trưởng phòng Hành chính Quản trị, làng Hữu nghị
---	--------------	-------	---

Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1	Đàm Thị Nhì	Cao Lan	Chuyên viên Ban Xây dựng Quỹ nhân đạo
---	-------------	---------	---------------------------------------

Trung ương Hội người cao tuổi Việt Nam

1	Hà Đăng Hạnh	Tày	Uỷ viên Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Trưởng Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Quảng Ninh
---	--------------	-----	--

Trung ương Hội Nhà báo Việt Nam

1	Y Tuvin Kmăń	Ê-đê	Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam, nguyên Phó Giám đốc Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Đăk Lăk
---	--------------	------	---

Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

1	Hoàng Nam	Tày	GS. TS. Trưởng Ban Kiểm tra Hội Dân tộc học Việt Nam
2	Lương Thị Trường	Thái	Giám đốc Trung tâm Phát triển bền vững miền núi

Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam

1	Lò Thị Việt Hà	Thái	Trưởng phòng, Ban Tổ chức cán bộ Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam
2	Hoàng Bằng Giang	Nùng	Trưởng phòng, Ban Điều phối viện trợ nhân dân Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam

Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam

1	Nông Quốc Bình	Tày	Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
2	Vy Hoa	Thái	Nghệ sĩ Ưu tú, Đoàn biểu diễn Biên phòng
3	Rơ Chăm Pheng	Gia-rai	Nghệ sĩ Ưu tú, Giảng viên Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội
4	Y Phương	Tày	Nhà thơ, Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2008
5	Lê Khinh	Nùng	Nghệ sĩ Nhân dân, Biên đạo múa
6	Lò Minh	Thái	Nghệ sĩ Nhân dân, Đạo diễn điện ảnh
7	Y Brơm	Gia-rai	Nghệ sĩ Nhân dân, Biên đạo múa, nguyên PGĐ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai

8	Xuân La	Hrê	Nghệ sĩ Nhân dân, nguyên PGĐ Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai
9	Lưu Xuân Lý	Mường	Giám đốc Nhà xuất bản Văn hóa - Dân tộc
10	Ma Bích Việt	Tày	Nghệ sĩ ưu tú, Giảng viên Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội

Trung ương Hội Luật gia Việt Nam

1	Nông Văn Lãm	Tày	Cán bộ văn phòng Trung ương Hội
---	--------------	-----	---------------------------------

VII - NGÂN HÀNG, BẢO HIỂM

Ngân hàng Chính sách Xã hội

1	Hà Thị Hạnh	Thái	Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội
2	Lò Văn Đức	Thái	Trưởng phòng Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác
3	Hoàng Xuân Trường	Thái	Phó Trưởng phòng Tín dụng Người nghèo

Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1	Cầm Thị La	Thái	Phó Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng
2	Hoàng Phương Linh	Tày	Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán
3	Hoàng Hưng	Nùng	Phó Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

1	Hoàng Thị Kim Dung	Thái	Trưởng phòng, Ban Kiểm tra, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
---	--------------------	------	---

DANH SÁCH CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐỊA PHƯƠNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM

STT	HỌ VÀ TÊN	DÂN TỘC	CHỨC VỤ, NGHỀ NGHIỆP
TỈNH AN GIANG			
1	Chau Ty	Khmer	Hòa Thượng chùa Soài So, Tri Tôn
2	Men Pholly	Khmer	Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn
3	Chau Cắt	Khmer	Hòa Thượng chùa Mỹ Á, Tịnh Biên
4	Neáng Chuôl	Khmer	Hội Phụ nữ xã Văn Giáo, Tịnh Biên
5	Neáng Sana	Khmer	Hội Phụ nữ ấp, huyện Tri Tôn
6	Musa Haji	Chăm	Xã Khánh Hòa, Châu Phú
7	SolayMal	Chăm	Ban đại diện Hồi giáo tỉnh An Giang
8	Chàm Dusố	Chăm	Xã Vĩnh Hanh, Châu Thành
9	Nguyễn Thị Kim Chi	Chăm	Mỹ Bình, TP. Long Xuyên
10	ZeilRoh	Chăm	Hội Phụ nữ xã
11	Lư Hỷ	Hoa	Hội Tương tế người Hoa Long Xuyên
12	Trần Văn Họn	Hoa	Hội Tương tế người Hoa Tân Châu
13	Thang Sang	Khmer	Hòa Thượng chùa Soài So, Tri Tôn

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU			
1	Diệp Hò	Hoa	Kinh doanh, TP. Vũng Tàu
2	Sú Cún Sáng	Hoa	Nông dân ấp Liên Đức, xã Xà Bang, Châu Đức
3	Lê Thiết Đồng	Chơ-ro	Già làng xã Xuyên Mộc, Xuyên Mộc
4	Dương Văn Thành	Chơ-ro	Nông dân xã Hắc Dịch, Tân Thành
5	Lý Văn Dương	Chơ-ro	Nông dân ấp Tân Thuận, xã Long Tân, Đất Đỏ
6	Đào Văn Phước	Chơ-ro	Phó Hiệu trưởng, Sở Giáo dục và Đào Tạo
7	Dương Văn Hạnh	Chơ-ro	Chuyên viên, Phòng Dân tộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

TỈNH BẮC GIANG

1	Nông Quốc Tuấn	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy
2	Vương Văn Nam	Nùng	Bí thư Huyện uỷ huyện Lục Nam
3	Lâm Thị Hương Thành	Nùng	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
4	Đỗ Xuân Bình	Sán Dìu	Trưởng Ban Dân tộc - Phó Ban chỉ đạo Đại hội tỉnh
5	Lâm Văn Mật	Sán Chỉ	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Lục Ngạn
6	Bế Thị Bán	Tày	Bí thư Đảng uỷ xã Cầm Đàn, Sơn Động
7	Lưu Văn Báo	Sán Dìu	Bí thư Đảng uỷ xã Vô Tranh, Lục Nam
8	Lục Văn Năm	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hộ Đáp, Lục Ngạn
9	Nguyễn Văn An	Sán Dìu	Già làng thôn Trại Bèo, xã Giáp Sơn, Lục Ngạn
10	Trương Văn Cai	Cao Lan	Già làng thôn Nghè Mản, xã Bình Sơn, Lục Ngạn
11	Ninh Văn Keo	Cao Lan	Già làng bản Cây Vối, xã Đồng Tiến, Yên Thế
12	Đàm Xuân Tình	Sán Chỉ	Già làng thôn Đồng Bây, xã An Lạc, Sơn Động
13	Nông Văn Lay	Tày	Già làng thôn Chấn Sơn, xã Liên Sơn, Tân Yên
14	Hoàng Quang Tích	Tày	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, xã Quý Sơn, Lục Ngạn
15	Lý Xuân Phú	Hoa	Doanh nhân, thị trấn Chũ, Lục Ngạn
16	Tô Thị Thu	Nùng	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ thôn, xã Đồng Hữu, Yên Thế
17	Lý Thị Mít	Nùng	Nông dân thôn Đồng Thủy, xã Hương Sơn, Lạng Giang
18	Hoàng Thị Liên	Hoa	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã An Bá, Sơn Động
19	Giáp Thị Lành	Sán Dìu	Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học Tân Sơn I Lục Ngạn, xã Tân Sơn, Lục Ngạn
20	Triệu Tiến Khải	Dao	Phó phòng Nội vụ huyện Yên Thế
21	Hà Khuong Duy	Nùng	Sinh viên, thị trấn Bố Hạ, Yên Thế

TỈNH BẮC KẠN

1	Hoàng Ngọc Đường	Tày	Phó Chủ tịch Thường trực, Uỷ ban nhân dân tỉnh
2	Nông Văn Kính	Tày	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Ma Từ Đông Điền	Tày	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
4	Nguyễn Văn Du	Tày	Bí thư Huyện uỷ huyện Pác Nặm
5	Lường Thị Thuyết	Tày	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện Chợ Đồn
6	Mã Thị Lành	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới
7	Đinh Quang Hiếu	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Ngân Sơn
8	Đinh Thị Chuyên San	Tày	Phó Chủ tịch Thường trực, Liên đoàn Lao động tỉnh
9	Thăng Văn Luận	Tày	Đại tá - Phó Chỉ huy trưởng quân sự, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
10	Ma Thế Hậu	Tày	Phố Nà Há, thị trấn Phủ Thông, Bạch Thông
11	Hoàng Thế Lùng	Tày	Trưởng Trạm Y tế xã Bản Thi, Chợ Đồn
12	Đàm Văn Vụ	Tày	Thôn Nà Ha, xã Hà Hiệu, Ba Bể
13	Lộc Thị Yến	Tày	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Nghiên Loan, Pác Nặm
14	Dương Thị Thanh	Tày	Hiệu trưởng Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Ba Bể
15	Hà Văn Quý	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hòa Mục, Chợ Mới
16	Nguyễn Đình Tín	Tày	Nông dân thôn Khuổi Tắng, xã Bình Văn, Chợ Mới
17	Nông Thị Châm	Tày	Thôn Bản Piặt, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn
18	Quan Thị Giang	Tày	Xã Xuân La, Pác Nặm
19	Lý Thị Ba	Tày	Trưởng ban, Ban Dân tộc tỉnh
20	Lý Thị Duyên	Dao	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Chợ Mới
21	Triệu Thị Bình	Dao	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Nghĩa Tá, Chợ Đồn
22	Triệu Thị Lan	Dao	Trưởng thôn Năm Dắm, xã Cường Lợi, Na Rì
23	Triệu Thị Nhung	Dao	Hội Liên hiệp Phụ nữ thôn Khuổi Vùa, xã Quảng Bạch, Chợ Đồn
24	Bàn Văn Tài	Dao	Trưởng thôn Bản Nhàm, xã Cao Tân, Pác Nặm

25	Triệu Tiến Chung	Dao	Phó Trưởng Phòng Bảo vệ Chính trị, Sở Công an
26	Đặng Quang Hùng	Dao	Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải
27	Bàn Hữu Phong	Dao	Thôn Đèo Gió, xã Vân Tùng, Ngân Sơn
28	Bàn Văn Bảo	Dao	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vũ Muộn, Bạch Thông
29	Hoàng Việt Dũng	Nùng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông
30	Mã Văn Thịnh	Nùng	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Na Rì
31	Hoàng Văn Trọng	Nùng	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Hương Nê, Ngân Sơn
32	Trần Thị Hạnh	Nùng	Thôn Phiêng Cuôn, xã Lương Thành, Na Rì
33	Triệu Thị Biên	Nùng	Thôn Phiêng Bủng, xã Sĩ Bình, Bạch Thông
34	Hoàng Kim Hồng	Mông	Phó Trưởng ban thường trực, Ban Tổ chức Tỉnh ủy
35	Dương Văn Sơn	Mông	Trưởng thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, Na Rì

TỈNH BẠC LIÊU

1	Châu Phát	Khmer	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Danh Thánh Hiền	Khmer	Phó ban Ban Dân tộc tỉnh
3	Trần Thị Hoa Ry	Khmer	Phó ban Ban Dân tộc tỉnh
4	Lý Sa Mouth	Khmer	Hòa thượng, Hội trưởng Hội Đoàn kết sư sãi tỉnh Bạc Liêu
5	Ngô Vũ Đại	Hoa	Hội phó Hội Tương tế tỉnh
6	Sơn Kiên	Khmer	Bí thư Đảng uỷ xã Hiệp Thành, TX. Bạc Liêu
7	Khưu Lẽ	Hoa	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên - Môi trường
8	Ong Bích Linh	Hoa	Cán bộ Văn phòng Ủy ban tỉnh

TỈNH BÌNH ĐỊNH

1	Đinh Văn Beo	Hrê	Bí thư Huyện uỷ huyện An Lão
2	Đinh Thị Minh Kết	Hrê	Nguyên Bí thư Huyện uỷ huyện An Lão
3	Đinh Minh Tấn	Hrê	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão

4	La Mai Ngọc Bích	Ba-na	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Vân Canh
5	Đinh Y Nam	Ba-na	Quyền Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh
6	Đinh Sinh	Ba-na	Nguyên Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Vĩnh Thạnh, người có uy tín xã Bók Tới
7	Đinh Minh Nhơn	Ba-na	Uỷ viên Thường vụ Huyện uỷ - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vĩnh Thạnh
8	Đinh Thoang	Ba-na	Nguyên Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ
9	Bá Kiêu	Ba-na	Bí thư Đảng uỷ xã Vĩnh An, Tây Sơn
10	Lê Thanh Nhũng	Chăm	Bí thư Huyện uỷ huyện Vân Canh
11	Măng Thị Yến	Chăm	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Vân Canh

TỈNH BÌNH DƯƠNG

1	Lý Ngọc Minh	Hoa	Tổng Giám đốc sản xuất Công ty Gốm sứ Minh Long I, ấp Hưng Hòa, xã Hưng Định, Thuận An
2	Vương Vĩnh Thắng	Hoa	Hội trưởng Hội Tương tế Triều Châu, thị xã Thủ Dầu Một
3	Đặng Minh Lý	Hoa	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một
4	Kim Minh Thành	Khmer	Nông dân ấp Nước Vàng, xã An Bình, Phú Giáo
5	Thạch Thị Ngọc	Khmer	Sản xuất nông công nghiệp và kinh doanh vật liệu xây dựng xã Minh Hòa, Dầu Tiếng

TỈNH BÌNH PHƯỚC

1	Ma Ly Phuoc	Mnông	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Điểu Hơn	Xtiêng	Tỉnh uỷ viên, Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Điểu Giá	Mnông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bù Đăng
4	Điểu Huyền Lýt	Xtiêng	Huyện uỷ viên, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Phước Long
5	Điểu Hải	Xtiêng	Uỷ viên thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Bình Long

6	Đrênh Thị Kim Loan	Xtiêng	Huyện uỷ viên, Bí thư Huyện đoàn Hớn Quản
7	Điểu Văn Sỹ	Xtiêng	Đội phó Đội an ninh, Công an huyện Bù Gia Mập
8	Điểu Ganh	Xtiêng	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quang Minh, Chơn Thành
9	Thạch Đỏ	Khmer	Chủ tịch Hội đồng già làng phường Tân Xuân, TX. Đồng Xoài
10	Điểu Ghê	Xtiêng	Áp trưởng ấp Tiến, Thuận Phú, huyện Đồng Phú
11	Điểu Thị Hiệp	Xtiêng	Chủ tịch Hội đồng già làng xã Nghĩa Trung, Bù Đăng
12	Điểu Keng	Xtiêng	Chủ tịch Hội đồng già làng, xã Hưng Phước, Bù Đốp
13	Lâm Hớ	Khmer	Chủ tịch Hội đồng già làng xã Lộc Hưng, Lộc Ninh
14	Điểu Khé	Xtiêng	Chủ tịch Hội đồng già làng xã Lộc An, Lộc Ninh

TỈNH BÌNH THUẬN

1	Bích Thị Triệu	Chăm	Hiệu trưởng xã Phú Lạc, Tuy Phong
2	Mang Nhu	Ra-glai	Bí thư Đảng uỷ xã Phan Dũng, Tuy Phong
3	Miêu Tiểu Chông	Chăm	Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận
4	Tiền Thị Hận	Chăm	Nông dân xã Phan Thanh, Bắc Bình
5	TSằn Bơi Lộc	Hoa	Nông dân xã Hải Ninh, Bắc Bình
6	Mơ Nga	Cơ-ho	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Phan Sơn, Bắc Bình
7	K'Văn Dung	Cơ-ho	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đông Tiến, Hàm Thuận Bắc
8	Long Minh Tồn	Chăm	Sư cả Chùa Lâm Thành, Hàm Thuận Bắc
9	Hoàng Văn Lức	Ra-glai	Già làng xã Mỹ Thạnh, Hàm Thuận Nam
10	Phạm Minh Tư	Ra-glai	Anh hùng lực lượng vũ trang xã Sông Phan, Hàm Tân
11	Lâm Thị Hồng Nhạn	Hoa	Cán bộ ưu trí phường Phước Hội
12	Nguyễn Thị Thu Hà	Ra-glai	Chuyên viên, thị trấn Lạc Tánh, Tánh Linh
13	Huỳnh Văn Sanh	Chơ-ro	Nông dân xã Gia Huynh, Tánh Linh
14	Thông Thị Mỹ Dung	Chăm	Phó khu phố thị trấn Lạc Tánh, Tánh Linh
15	Mang Thị Tưởng	Chơ-ro	Giáo viên, xã Đức Tín, Đức Linh

16	K'Điền	Cơ-ho	Bí thư Chi bộ thôn, xã Mépu, Đức Linh
17	Tôn Thúy Liên	Hoa	Phó trưởng phòng, Phòng Nội vụ TP. Phan Thiết
18	Mai Sên	Chăm	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
19	Bố Thị Xuân Linh	Chăm	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

TỈNH CÀ MAU

1	Triệu Quang Lợi	Khmer	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
2	Trần Anh Chót	Khmer	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Thanh Tùng, Đầm Dơi
3	Danh Thị Hồng Duyên	Khmer	Giáo viên, xã Khánh Hòa, U Minh
4	Lâm Anh Lữ	Hoa	Đại biểu dân tộc
5	Nguyễn Hoàng Sa	Chăm	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Khánh Hải, Trần Văn Thời
6	Trần Hớn Cơ	Hoa	Hộ kinh doanh giỏi, phường 2
7	Hữu Dal	Khmer	Nông dân sản xuất giỏi xã Tân Lộc, Thới Bình

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1	Ong Đức Phát	Hoa	Cán bộ hưu trí, 14 Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều
2	Lư Hớn Kia	Hoa	Doanh nghiệp phường Lê Bình, quận Cái Răng
3	Lưu Thị Lan	Hoa	Doanh nghiệp phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt
4	Tử Quới Minh	Hoa	Doanh nghiệp 144, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều
5	Lý Thị Sa Rum	Khmer	Phó Hiệu trưởng Trường phổ thông Dân tộc nội trú TP. Cần Thơ
6	Hòa thượng Đào Nhu	Khmer	Trưởng Ban trị sự Phật giáo TP. Cần Thơ, Trụ trì chùa Pô-thi som-rôn, phường Chàm Liêm, quận Ô Môn
7	Hòa thượng Lý Sân	Khmer	Hội trưởng Hội đoàn kết sư sãi yêu nước TP. Cần Thơ, Trụ trì chùa San-vor Pô thi-nhen, phường Chàm Liêm, quận Ô Môn
8	Danh Thị Kim Liên	Khmer	Nông dân ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ

TỈNH CAO BẰNG

1	Lý Hải Hầu	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
2	Nguyễn Thị Nương	Tày	Bí thư Tỉnh ủy
3	Lê Văn Thế	Tày	Phó Ban Dân tộc tỉnh
4	Tô Vũ Lập	Tày	Giám đốc Sở Nội vụ
5	Phan Thông	Tày	Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
6	Mạc Văn Nheo	Tày	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
7	Hà Nhật Tường	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Minh Thanh, Nguyên Bình
8	Ma Thế Minh	Tày	Bí thư Đảng uỷ xã Nam Cao, Bảo Lâm
9	Bùi Nguyễn Thiện	Tày	Chánh Văn phòng Hội Cựu chiến binh tỉnh
10	Đàm Viết Hà	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Cao Bằng
11	Vương Thị Tuyến	Tày	Phó Giám đốc Doanh nghiệp XD Quang Tuyến, huyện Trùng Khánh
12	Nông Văn Thàng	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Lý Quốc, Hạ Lang
13	Lương Thị Hà	Tày	Bí thư Đoàn xã Cô Mười, Trà Lĩnh
14	Ma Thế Túc	Tày	Trưởng Ban Dân vận Huyện uỷ Bảo Lạc
15	Nông Thị Lê	Tày	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Phi Hải, Quảng Uyên
16	Bế Thanh Tịnh	Nùng	Bí thư Tỉnh đoàn
17	Hoàng Bao	Nùng	Hiệu trưởng Trường THPT Thông Huè, huyện Trùng Khánh
18	Triệu Thị Liên	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Uyên
19	Lăng Trung Kiên	Nùng	Cán bộ Đồn biên phòng Ngọc Chung, Trùng Khánh
20	Lương Đức Tố	Nùng	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân & Uỷ ban nhân dân huyện Phục Hoà
21	Hà Lương Bằng	Nùng	Nông dân, Đại biểu công giáo, xóm Bó Tờ, thị trấn Hòa Thuận, Phục Hoà
22	Nông Hùng Hải	Nùng	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ Thạch An

23	Lê Thanh Huấn	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hoà Chung, thị xã Cao Bằng
24	Nông Thị Mào	Nùng	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Hạ Lang
25	Hoàng Thị Hoa	Nùng	Trưởng Trạm Y tế xã Yên Sơn, Thông Nông
26	Triệu Văn Chính	Nùng	Chủ tịch Hội Nông dân xã Bình Dương, Hoà An
27	Lý Thị Hạc	Nùng	Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Hoà An
28	Triệu Thanh Sơn	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Hà Quảng
29	Triệu Đình Lê	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hà Quảng
30	Hà Thị Mỳ	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Trà Lĩnh
31	Mã Thị Ình	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Nguyên Bình
32	Chu Đức Phang	Nùng	Phó chính uỷ Ban chỉ huy Quân sự tỉnh
33	Ngô Thị Mai	Mông	Trưởng Ban Dân vận Huyện uỷ Hoà An
34	Vương Văn Xuân	Mông	Nông dân xóm Nà Ngàm, xã Đa Thông, Thông Nông
35	Hoàng Thị Dinh	Mông	Chi Hội Phụ nữ xóm Rềng Khoen, xã Hạ Thôn, Hà Quảng
36	Dương Thanh Huyền	Mông	Phó Trưởng phòng GD-ĐT huyện Bảo Lâm
37	Hà Thị Huyên	Mông	Cộng tác viên KN-KL xóm Khua Đí, xã Thuỷ Hùng, Thạch An
38	Đặng Phúc Sơn	Dao	Trưởng phòng thi hành án huyện Bảo Lạc
39	Triệu Đức Tôn	Dao	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
40	Triệu Kim Tỉnh	Dao	Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân huyện Thông Nông
41	Bàn Tài Pu	Dao	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Công Trùng, Hoà An
42	Triệu Văn Ba	Dao	Đội trưởng Phòng PA38, Sở Công an
43	Chu Thị Mai	Dao	Đại biểu xã Quang Thành, Nguyên Bình
44	Chi Viết Hải	Lô Lô	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Hồng Trị, Bảo Lạc
45	Lang Văn Dũng	Lô Lô	Trưởng xóm Ngàm Lồm, xã Cô Ba, Bảo Lạc
46	Dương Văn Hốc	Lô Lô	Nông dân xã Đức Hạnh, Bảo Lâm
47	Lăng Hùng Sơn	Lô Lô	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Bảo Lâm

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1	Lương Tuyết Phương	Hoa	Giáo viên ưu trí Trung tâm Hoa Văn Thọ Nhơn
2	Đinh Văn Mai	Cơ-tu	Cán bộ xã, Trưởng ban nhân dân thôn, Uỷ ban nhân dân xã Hòa Bắc, Hòa Vang

TỈNH ĐẮK LẮK

1	Niê Thuật	Ê-đê	Bí thư Tỉnh ủy
2	Y Dhăm ÊNuôl	Ê-đê	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
3	A Ma Phong	Ê-đê	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
4	Mai Hoa Niê K'dăm	Ê-đê	Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
5	Y Dec H' Đơk	Ê-đê	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
6	Ê Ban Y Phu	Ê-đê	Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
7	Y Thoal H'Mook	Ê-đê	Phó Giám đốc Sở Công an
8	Mai Hoan Niê K'dăm	Ê-đê	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
9	H'Kim Hoa Byă	Mnông	Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn
10	Y Lia Tơr	Mnông	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
11	H'Luộc NTơr	Mnông	Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
12	Y Quang Siu	Gia-rai	Chánh Thanh tra tỉnh
13	Siu Niê Hương	Gia-rai	Phó phòng Uỷ ban kiểm tra
14	Y Ly Niê K'dăm	Ê-đê	Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
15	H'Yao Knul	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân TP. Buôn Ma Thuột
16	Y Luyện Niê K'dăm	Ê-đê	Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Cán bộ ưu trí huyện Cư Kuin
17	H'Bliăk Niê	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Cư Kuin
18	Y Tuân Mlô	Ê-đê	Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân huyện Krông Păk
19	H'Blút Arul	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hoà Đông, Krông Păk

20	Y Khun Mlô	Ê-đê	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, huyện Ea Kar
21	H'Loet Niê	Ê-đê	Nông dân thôn EaKnốp, xã Cư Ni, Ea Kar
22	A M H'Nga (Y Thúc Byă)	Ê-đê	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Krông Bông
23	H'Win Ding	Ê-đê	Chi hội phó Chi hội Phụ nữ Buôn Ja, xã Hoà Sơn, Krông Bông
24	Lê Văn Quyết	Mnông	Nguyên Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
25	H'Bình Rơ Yam	Mnông	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đăk Liêng, huyện Lăk
26	Y Blốc Niê	Ê-đê	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện M'Drăk
27	H'Buan Niê	Ê-đê	Chủ tịch Hội Phụ nữ buôn M'Um, xã Krông Jin, huyện Cư M'gar
28	Y Wut Niê	Ê-đê	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar
29	Y Ky Êban	Ê-đê	Mục sư, Chi hội Tin lành, xã Ea Tul, huyện Cư M'gar
30	Nay Gút	Gia-rai	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Ea H'leo
31	H'Nhi Ksor	Gia-rai	Phó Bí thư Chi đoàn buôn Tùng Thăng, xã Ea Răl, huyện Ea H'leo
32	Y Bin Siu	Gia-rai	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ea Súp
33	Vong Nhi Ksor	Mnông	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Buôn Đôn
34	Y Bet Aliô	Ê-đê	Buôn trưởng buôn Niêng I, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn
35	Y Biên Niê	Ê-đê	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Krông Buk
36	Y Bhiu Mlô	Ê-đê	Chủ tịch Hội Người cao tuổi huyện Krông Buk
37	Y Jăń Ênuôl	Ê-đê	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện Krông Ana
38	H'Mơ Niê	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Krông Ana
39	Y Bliu Mlô	Ê-đê	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Krông Năng
40	H'Bú Mlô	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Krông Năng
41	Y Ring ADrong	Ê-đê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Buôn Hồ

TỈNH ĐẮK NÔNG

1	Y Thịnħ	Mnông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
2	K'Bốt	Mnông	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
3	Y Quang	Mnông	Phó Bí thư Tỉnh đoàn
4	H' JRân Knul	Mnông	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
5	H' Plơ	Mnông	Trưởng Mẫu giáo Hoà Bình, huyện Đăk Mil
6	Phạm Thị Vân	Mnông	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức
7	Y Bông A	Mnông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Krông Nô
8	Điểu Pang	Mnông	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Tuy Đức
9	Y Đơi	Mnông	Nông dân buôn Bu Dáp, xã Nhân Cơ, Đăk R'Lấp
10	K'KRăh	Mạ	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
11	K' Yung	Mạ	Nông dân xã Quảng Khê, Đăk Glong
12	K' Poh	Mạ	Trưởng Công an phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
13	H'Jong	Mạ	Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện Đăk Glong
14	H' Piôt	Mạ	Nông dân phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa
15	Nay Đô	Ê-đê	Phó Giám đốc Sở Công an
16	Niê Sơn Nghiêm	Ê-đê	Bí thư Huyện đoàn huyện Đăk Song
17	H'Lan Niê	Ê-đê	Trưởng Ban Dân vận huyện Cư Jút

TỈNH ĐIỆN BIÊN

1	Hồ Thị Thắm	Sí La	Hiệu trưởng Trường Mầm non xã Sín Thầu, Mường Nhé
2	Lý Chè Che	Sí La	Trưởng bản Nậm Sin, xã Chung Chải, Mường Nhé
3	Lò Thị Thiên	Xinh-mun	Ban Chấp hành Phụ nữ xã Chiềng Sơ, Điện Biên Đông
4	Lò Văn Chựa	Xinh-mun	Bí thư Đảng uỷ xã Chiềng Sơ, Điện Biên Đông
5	Lường Văn Thiện	Xinh-mun	Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Chiềng Sơ, Điện Biên Đông

6	Lò Văn Nhúng	Lào	Bí thư Đảng uỷ xã Pa Thơm, Điện Biên
7	Lò Thị Liên	Lào	Trưởng Chi hội Phụ nữ xã Mường Nhà, Điện Biên
8	Vì Văn Mậu	Lào	Bí thư Chi bộ bản Na Sang, xã Núa Ngam, Điện Biên
9	Lường Văn Pánh	Kháng	Bí thư Đảng uỷ xã Na Sang, Mường Chà
10	Quàng Văn Lý	Kháng	Trưởng bản Nà Đăng, xã Ta Ma, Tuần Giáo
11	Khoảng Văn Tư	Kháng	Bí thư Đảng uỷ xã Nà Khoa, Mường Nhé
12	Lò Thị Song	Khơ-mú	Người có uy tín bản Huổi Lơi, xã Thanh Minh, TP. Điện Biên Phủ
13	Lý Thị Nơi	Khơ-mú	Người có uy tín xã Mường Báng, Tủa Chùa
14	Quàng Thị Hương	Khơ-mú	Giáo viên, Phòng Giáo dục huyện Tuần Giáo
15	Mùa A Sơn	Mông	Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
16	Giàng Thị Hoa	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
17	Lầu Nở Sa	Mông	Phó Ban Dân tộc tỉnh
18	Giàng A Tính	Mông	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
19	Mùa Ngọc Tú	Mông	Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
20	Sùng Chứ Thếnh	Mông	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
21	Mùa A Sùng	Mông	Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy
22	Hoàng Thị Tuyết Ban	Mông	Hiệu trưởng Trường Trung học Phổ thông huyện Tủa Chùa
23	Lý Nụ Phình	Mông	Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ huyện Mường Chà
24	Vì A Hền	Mông	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Tủa Chùa
25	Vừ Sái Sùng	Mông	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Pú Nhung, Tuần Giáo
26	Hạng Thị Bia	Mông	Tổ trưởng Phụ nữ bản Háng Chợ, xã Pú Nhi, Điện Biên Đông
27	Lò Mai Trinh	Thái	Bí thư Tỉnh ủy
28	Vì Văn Long	Thái	Giám đốc Sở Công an
29	Lù Văn Vin	Thái	Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận tỉnh
30	Lò Văn Thoạn	Thái	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
31	Quàng Văn Hướng	Thái	Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

32	Lâm Thị Hoa	Thái	Phó phòng Sở Công an
33	Lò Thị Thời	Thái	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
34	Quàng Văn Tắng	Thái	Bí thư Huyện uỷ Tuần Giáo
35	Hà Văn Quân	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mường Áng
36	Khoảng Văn Pịu	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã Mường Lay
37	Lường Thị Sươi	Thái	Bí thư Chi bộ xã Thanh An, Điện Biên
38	Tòng Thị Hoa	Thái	Người có uy tín bản Nà Luông, xã Áng Nưa, Mường Áng
39	Lò Thị Phặng	Thái	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn Tủa Chùa
40	Lò Thị Hải Yến	Thái	Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân TP. Điện Biên Phủ
41	Tao Thị Hồng Vân	Thái	Giám đốc Bệnh viện thị xã Mường Lay

TỈNH ĐỒNG NAI

1	Điều Bảo	Chơ-ro	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
2	Vương Ngọc Cúc	Hoa	Ban Đại diện người Hoa, TP. Biên Hòa
3	Đường Quảng Long	Hoa	Bí thư Chi đoàn Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai
4	Vòng A Minh	Hoa	Hiệu trưởng Trường dạy tiếng Hoa, xã Sông Thao, Trảng Bom
5	Lầu Tài Múi	Hoa	Trưởng ấp Phú Lập, xã Phú Bình, Tân Phú
6	Tăng Phương Dung	Hoa	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Long Giao, Cẩm Mỹ
7	Lầu Quốc Minh	Hoa	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ
8	Vòng Minh Thành	Hoa	Nông dân Hợp tác xã Đại Lợi, xã Phú Lợi, Định Quán
9	Lý Phát Sinh	Hoa	Nông dân ấp Tân Minh, xã Lang Minh, Xuân Lộc
10	Vòng Vĩnh Ôn	Hoa	Trưởng ấp Tân Thủy, xã Bàu Sen, thị xã Long Khánh
11	Sang Thanh Tâm	Chơ-ro	Phó Chỉ huy phường đội phường Xuân Thanh, thị xã Long Khánh
12	Thị Kim	Chơ-ro	Cán bộ Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Thống Nhất

13	Nguyễn Thị Năm	Chơ-ro	Nông dân ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý, Vĩnh Cửu
14	Dương Thị Hường	Chơ-ro	Nông dân ấp 6, xã Phước Bình, Long Thành
15	K'Kiển	Mạ	Trưởng ấp Hiệp Nghĩa, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán
16	K'Măn	Mạ	Trưởng ấp Bon Gô, xã Thanh Sơn, Tân Phú
17	K'Cân	Xtiêng	Bí thư Chi bộ ấp 4, xã Tà Lài, Tân Phú
18	Thị Nhàn	Xtiêng	Cán bộ hưu trí xã Tân Hiệp, Long Thành

TỈNH GIA LAI

1	Y Mai Anh	Ba-na	Công an tỉnh
2	Uyên	Ba-na	Mục sư nhiệm chức Chi hội Kông Vrêch Adok, Đăk Đoa
3	Siu Miên	Gia-rai	Người cao tuổi thị trấn Chư Sê
4	Siu H'Phiết	Gia-rai	Thanh niên Huyện đoàn huyện Chư Sê
5	Rah Lan Lâm	Gia-rai	Phó Giám đốc Sở Công an
6	Rơ Mah Giáp	Gia-rai	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
7	Rơ Mah Keh	Gia-rai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Đoa
8	Rơ Lan Pel	Gia-rai	Nông dân làng Pung I, xã Biển Hồ, TP. Pleiku
9	Rơ Lan Hiăng	Gia-rai	Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đức Cơ
10	Rơ Châm Thung	Gia-rai	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch xã Ia Mơ Nông, Chư Păh
11	Rơ Châm Pốt	Gia-rai	Nguyên Bí thư Huyện uỷ Chư Prông
12	Rơ Châm Mai Liên	Gia-rai	Thanh niên xã Ia Nan, Đức Cơ
13	Rơ Châm Hyéo	Gia-rai	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh
14	Rmah H'Bơ	Gia-rai	Phó Trạm trưởng Trạm Y tế xã Ia Sol, Phú Thiện
15	Rah Lan Vy	Gia-rai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Chư Prông
16	Rah Lan Tuấn	Gia-rai	Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận tỉnh ủy
17	Rah Lan Ton	Gia-rai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Ia Pa
18	Puih Mân	Gia-rai	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Ia Bă, La Grai

19	Nay Nam	Gia-rai	Phó Chủ tịch thị xã Ayun Pa
20	Măng Đung	Ba-na	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
21	Ksor Yin	Gia-rai	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
22	Kpă Ngun	Gia-rai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Krông Pa
23	Ksor Oét	Gia-rai	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Ia Grai
24	Ksor Kơ	Gia-rai	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị xã Ayun Pa
25	Ksor Hiền	Gia-rai	Bác sỹ Bệnh viện Đa khoa TP. Pleiku
26	Ksor Hchiêm	Ba-na	Đội viên Đội Tuyên truyền văn hóa cơ sở, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
27	Ksor H'Soa	Gia-rai	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ huyện Phú Thiện
28	Ksor H'Che	Gia-rai	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Ia Pa
29	Nay Lan	Gia-rai	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
30	Ksor HNhan	Gia-rai	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ
31	Ksor Byêng	Gia-rai	Uỷ viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Chư Păh
32	Kpă Thoa	Gia-rai	Nông dân huyện Krông Pa
33	Kpă Đô	Gia-rai	Phó Trưởng Ban Dân tộc
34	Hyuih	Gia-rai	Chức việc Nhà thờ Plei Chuet
35	Hoàng Y Bế	Ba-na	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mang Yang
36	Hngân	Ba-na	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện K'Bang
37	Heng	Ba-na	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Ayun, Mang Yang
38	Đinh Thị Nghen	Ba-na	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện K'Bang
39	Đinh Thị Lan	Ba-na	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Kông Chro
40	Đinh Miết	Ba-na	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Đăk Đoa
41	Đinh Thị Anhør	Ba-na	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã An Thành, Đăk Pơ
42	Hà Sơn Nhìn	Ba-na	Bí thư Tỉnh ủy
43	Đinh HDăń	Ba-na	Nông dân làng Hà Nừng, xã Sơn Lang, K'Bang

44	Đinh Gônh	Ba-na	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đăk Djerang, Mang Yang
45	Đinh Đăm	Ba-na	Già làng làng Kon Sóng Lôk, xã Hà Đông, Đăk Đoa

TỈNH HÀ GIANG

1	Vương Mí Vàng	Mông	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ
2	Đàm Văn Bông	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
3	Thào Hồng Sơn	Mông	Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XII
4	Ly Mí Lử	Mông	Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ
5	Bàn Đức Vinh	Dao	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
6	Long Hữu Phúc	La Chí	Trưởng Ban Dân tộc
7	Sùng Đại Dùng	Mông	Nguyên Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
8	Lò Sì Páo	Lô Lô	Trưởng xóm Sảng Pả A, thị trấn Mèo Vạc
9	Vàng Thị Cáy	Mông	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Tả Lủng, Mèo Vạc
10	Sùng Thị Dợ	Mông	Phó Bí thư Đoàn xã Lũng Chinh, Mèo Vạc
11	Vàng Thị Tiệp	Giáy	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Nậm Ban, Mèo Vạc
12	Sùng Mí Thè	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mèo Vạc
13	Sùng Đại Hùng	Mông	Bí thư Huyện uỷ huyện Đồng Văn
14	Lưu Sản Vạn	Cơ Lao	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đồng Văn
15	Vàng Thị Xuyến	Lô Lô	Xóm Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, Đồng Văn
16	Vù Sía Cơ	Mông	Thôn Ma Xín B, xã Ma Lé, Đồng Văn
17	Củng Phủ Xuân	Pu Péo	Trưởng xóm Chúng Trái, xã Pố Là, Đồng Văn
18	Củng Thị Xuân	Pu Péo	Cán bộ Tư pháp xã, thị trấn Phố Bảng, Đồng Văn
19	Vân Thị Mỹ	Cơ Lao	Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Sính Lủng, Đồng Văn
20	Mua Thị Mỹ	Mông	Bí thư Đoàn xã Sủng Trái, Đồng Văn
21	Cư Thị Dính	Mông	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Yên Minh
22	Hoàng Thị Mới	Giáy	Trưởng Ban Dân vận Huyện uỷ Yên Minh

23	Lý Thị Đào	Dao	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Na Khê, Yên Minh
24	Cáo Minh Vâng	Cơ Lao	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Phú Lũng, Yên Minh
25	Lèng Thị Siển	Pu Péo	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Sủng Cháng, Yên Minh
26	Sinh Mí Cho	Cơ Lao	Thôn Ngàm Soọc, xã Mậu Duệ, Yên Minh
27	Vàng Minh Lěng	Pu Péo	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Du Già
28	Lý Đại Duyên	Dao	Bí thư Chi bộ xã Quản Bạ, Quản Bạ
29	Giàng A Tón	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quản Bạ
30	Vùi Thị Lin	Giáy	Chi Hội phó Chi Hội Phụ nữ thôn Sáng Phàng, xã Đông Hà, Quản Bạ
31	Lộc Thị Liên	Bố Y	Chi Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Quyết Tiến, Quản Bạ
32	Ly Mỹ Tỏa	Mông	Trưởng Ban Dân vận huyện Bắc Mê
33	Tráng Thị Hiền	Pu Péo	Thôn Tiến Xuân, xã Yên Cường, Bắc Mê
34	Phàn Thị Bình	Dao	Thôn Nà Khuồng, xã Yên Định, Bắc Mê
35	Hùng Thị Hồng	Mông	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Vị Xuyên
36	Đặng Văn Hùng	Dao	Bí thư Chi bộ thôn Lùng Tao, xã Cao Bồ, Vị Xuyên
37	Mai Thị Hạnh	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Việt Lâm, Vị Xuyên
38	Dương Đình Tân	Bố Y	Cán bộ ưu trí xã Thuận Hòa, Vị Xuyên
39	Lý Thị Phương	Giáy	Nông dân thôn Nà Cọn, xã Phú Linh, Vị Xuyên
40	Hoàng Quang Phùng	Tày	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Bắc Quang
41	Văn Thanh Phương	Pà Thẻn	Thôn Minh Hạ, xã Tân Lập, Bắc Quang
42	Triệu Thúy Tình	Dao	Thôn Hùng Tiến, xã Hùng An, Bắc Quang
43	Phù Minh Hòa	Pà Thẻn	Phó Trưởng công an huyện Quang Bình
44	Phù Thị Hà	Pà Thẻn	Thôn Tả Ngǎo, xã Tân Trịnh, Quang Bình
45	Phù Thị Tả	Pà Thẻn	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Tân Bắc, Quang Bình
46	Vương Văn Long	La Chí	Thôn Lùng Vi, xã Nà Khương, Quang Bình
47	Lù Tờ Lìn	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hoàng Su Phì
48	Hoàng Thị Hạnh	Dao	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện Hoàng Su Phì

49	Sùng Thị Vân	Mông	Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã Nậm Ty, Hoàng Su Phì
50	Vàng Thị Chêng	La Chí	Cán bộ hữu trí xã Bản Phùng, Hoàng Su Phì
51	Tráng Sào Hùng	Phù Lá	Thôn Bản Máy xã Bản Máy, Hoàng Su Phì
52	Lục Thị Ban	La Chí	Bí thư Chi bộ thôn Tà Chải, xã Bản Máy, Hoàng Su Phì
53	Min Phà Thìn	Cơ Lao	Hội viên Hội Nghệ nhân Dân gian xã Tùng Sán, Hoàng Su Phì
54	Min Phà Khayah	Cơ Lao	Bí thư Chi bộ xã Tùng Sán, Hoàng Su Phì
55	Giàng Xuân Phình	Mông	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Xín Mần
56	Tẩn Văn Đức	La Chí	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Nàn Xỉn, Xín Mần
57	Lùng Xín Hoà	Phù Lá	Bí thư Chi bộ xã Nàn Xỉn, Xín Mần
58	Nông Thị Vá	La Chí	Thôn Díu Thượng, xã Bản Díu, Xín Mần
59	Sin Thị Vé	Nùng	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Cốc Rế, Xín Mần
60	Thèn Thị Chảm	Nùng	Thường trực Đảng uỷ xã Trung Thịnh, Xín Mần

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1	Bạch Công Tiến	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Ba Vì
2	Nguyễn Văn Phú	Mường	Hiệu trưởng Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Hà Nội
3	Đinh Quang Tho	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Yên Trung, Thạch Thất
4	Bùi Văn Hoàn	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Đông Xuân, Quốc Oai
5	Quách Đức Đạn	Mường	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã An Phú, Mỹ Đức
6	Bạch Đức Diện	Mường	Trưởng thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, Chương Mỹ
7	Đào Duy Nhất	Tày	Cán bộ quân đội nghỉ hưu xã Phú Cát, Quốc Oai
8	Nông Thị Hằng	Tày	Trung tá Đội An ninh, Công an quận Thanh Xuân
9	Triệu Thị Hòa	Dao	Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã thuốc nam Ba Vì
10	Mách Thị Man	Sán Dìu	Cán bộ nghỉ hưu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa

TỈNH HÀ TĨNH

1	Hồ Kính	Chứt	Trưởng bản Rào Tre, xã Hương Liên
2	Hồ Thị Nam	Chứt	Bản Rào Tre, xã Hương Liên
3	Hồ Sơn	Chứt	Bản Giàng II, xã Hương Vĩnh

TỈNH HẬU GIANG

1	Lý Vệ	Khmer	Đại đức, Hội trưởng Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước. Trụ trì chùa Aranhứt
2	Sơn Mến	Khmer	Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp - Xây dựng Ngân Lợi, ấp 11, xã Lương Nghĩa, Long Mỹ
3	Lý Vững Miền	Khmer	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp 4, xã Hòa An, Phụng Hiệp
4	Lâm Nhân	Hoa	Hội trưởng Hội người Hoa, thị xã Vị Thanh
5	Thái Văn Tắc	Hoa	Cán bộ hưu trí thị trấn Nàng Mau, Vị Thuỷ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1	Dao Nhiễu Linh	Hoa	Trưởng Ban công tác người Hoa
2	Hà Tăng	Hoa	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
3	Lưu Kim Hoa	Hoa	Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc TP. Hồ Chí Minh
4	Dư Huệ Liên	Hoa	Cán bộ hưu trí, Đảng uỷ viên phường 11, quận 5
5	Lý Kim Mai	Hoa	Cán bộ hưu trí, Chủ tịch Hội Khuyến học quận 5
6	Lý Trương Thanh Tâm	Hoa	Sinh viên Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
7	Tăng Cẩm Vinh	Hoa	Phó ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân TP.
8	Vương Phấn Kim	Hoa	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận 5
9	Kha Lệ Thanh	Hoa	Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lam Sơn
10	Lý Đức	Hoa	Huấn luyện viên Thể hình
11	Lý Tùng Niên	Hoa	Họa sĩ lão làng, Nghệ nhân dân gian

12	Lương Tấn Hằng	Hoa	Trưởng đoàn Lân, Sư, Rồng Hằng Anh Đường
13	Lê Văn Cảnh	Hoa	Trưởng ban Hội quán Tuệ Thành
14	Quách Hưng Tòng	Hoa	Tổng Giám đốc Công ty TNHH sản xuất thương mại Hải Minh
15	Thái Tuấn Chí	Hoa	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Thái Tuấn
16	Trương Tử Minh	Hoa	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Dây và Cáp điện Tân Trường Thành
17	Châu Vệ Thành	Hoa	Dân quân thường trực Bộ chỉ huy Quân sự phường 14, quận 6
18	Mach Dares Samael	Chăm	Trưởng Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo TP.
19	Bá Trung Phụ	Chăm	Trưởng phòng Trưng bày, Tuyên truyền Bảo tàng lịch sử TP.
20	Danh Lung	Khmer	Uỷ viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyền Sư trụ trì chùa Chăntarăgsay, quận 3
21	Tăng Ngọc An	Khmer	Quyền Sư trụ trì chùa Pothiwong, quận Tân Bình
22	Đào Lạc	Khmer	Thành viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc quận Tân Bình

TỈNH HÒA BÌNH			
1	Hoàng Việt Cường	Mường	Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Bùi Ngọc Lâm	Mường	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Bùi Ngọc Đảm	Mường	Phó Chủ tịch Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh
4	Đinh Quang Phòng	Mường	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
5	Nguyễn Đức Chung	Mường	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
6	Xa Hồng Diên	Tày	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
7	Hoàng Văn Đức	Mường	Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ
8	Hà Văn Vinh	Thái	Trưởng phòng Tiếp công dân, Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh
9	Bùi Đức Sòn	Mường	Giám đốc Sở Công an
10	Sùng A Đề	Mông	Phó ban Tác huấn Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
11	Triệu Văn Tiến	Dao	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
12	Bùi Hiền Dũng	Mường	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

13	Hoàng Thị Chiển	Mường	Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
14	Hoàng Văn Tú	Mường	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Bùi Ngọc Đảo	Mường	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Quách Đình Thông	Mường	Giám đốc Sở Y tế
17	Đinh Công Báo	Mường	Phó Bí thư Huyện uỷ - Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đà Bắc
18	Lường Thị Thương	Tày	Trạm trưởng Trạm Y tế xã Trung Thành, Đà Bắc
19	Khà Phúc Dắng	Thái	Bí thư Huyện uỷ huyện Mai Châu
20	Hàng A Páo	Mông	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Pà Cò, Mai Châu
21	Bùi Xuân Sách	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tân Lạc
22	Hà Văn Khiến	Thái	Chính trị viên Ban chỉ huy Quân sự huyện Tân Lạc
23	Đinh Văn Hòa	Mường	Bí thư Huyện uỷ huyện Lạc Sơn
24	Bùi Văn Mè	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Tự Do, Lạc Sơn
25	Bùi Viết Chiểu	Mường	Phó Trưởng Công an huyện Yên Thủy
26	Trịnh Xuân Mậu	Mường	Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã Ngọc Lương, Yên Thủy
27	Bùi Văn Trường	Mường	Huyện uỷ viên, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Uỷ ban nhân dân huyện Lạc Thủy
28	Bùi Thanh Toàn	Mường	Trùm họ đạo thôn Rộc Trụ 2, xã Khoan Dụ, Lạc Thủy
29	Bùi Văn Dùm	Mường	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ Kim Bôi
30	Triệu Tiến Hoa	Mường	Già làng, xóm Suối Rèo, xã Vĩnh Tiến, Kim Bôi
31	Bùi Văn Bương	Mường	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Cao Phong
32	Bàn Thị Kim Thanh	Dao	Phó Hiệu trưởng Trường DT Nội trú huyện Cao Phong
33	Nguyễn Quốc Thảo	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Lương Sơn
34	Nguyễn Thị Hồng Nhinh	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Lâm Sơn, Lương Sơn
35	Nguyễn Văn Long	Mường	Trưởng Công an huyện Kỳ Sơn
36	Nguyễn Văn Tiến	Mường	Chủ nhiệm HTX Tiến Phong, xã Hợp Thịnh, Kỳ Sơn
37	Nguyễn Văn Quang	Mường	Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ - Bí thư Thành uỷ Hòa Bình
38	Đinh Thị Phiển	Mường	Giám đốc Công ty Cổ phần Y - Dược Hòa Bình

TỈNH KHÁNH HÒA

1	Cao Hồng Vân	Ra-glai	Bí thư Huyện uỷ huyện Khánh Sơn
2	Cao Cường	Ra-glai	Bí thư Huyện uỷ huyện Khánh Vĩnh
3	Mẫu Văn Phi	Ra-glai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh
4	Mẫu Thái Cư	Ra-glai	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Khánh Sơn
5	Mẫu Thị Thị	Ra-glai	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Sơn Trung, Khánh Sơn
6	Cao Minh Tuấn	Ra-glai	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Cam Thịnh Tây, thị xã Cam Ranh
7	Cao Điện Phối	Ra-glai	Phó Trưởng Ban Dân vận thị uỷ Cam Ranh
8	Bo Bo Tân	Ra-glai	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Sơn Tân, Cam Lâm
9	Cao Thị Kệm	Ra-glai	Thôn phó thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên, Diên Khánh
10	Cà Tam	Cơ-ho	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Sơn Thái, Khánh Vĩnh
11	Mà Giá	Cơ-ho	Già làng xã Giang Ly, Khánh Vĩnh
12	K Nai Y Ngai	Ê-đê	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Khánh Vĩnh
13	Y Tài	Ê-đê	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh thôn Buôn Đung, xã Ninh Tây, Ninh Hoà

TỈNH KIÊN GIANG

1	Quách Phùng Canh	Hoa	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Bình An, Châu Thành
2	Danh Dĩnh	Khmer	Hoà thượng Trụ trì chùa Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá
3	Kim Ngọc Diễn	Khmer	Đồn phó Đồn 969, Giang Thành, Bộ đội Biên phòng Kiên Giang
4	Tăng Văn Đặng	Khmer	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mỹ Đức, Thị xã Hà Tiên
5	Thị Điện	Khmer	Hiệu trưởng, Định An, Gò Quao
6	Thị Hạnh	Khmer	Nông dân sản xuất giỏi, Định An, Gò Quao
7	Danh Ngọc Hùng	Khmer	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
8	Danh Thị Hồng Hoa	Khmer	Trưởng Khoa Nội B, Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang

9	Dương Việt Hoa	Hoa	Cán bộ hưu trí phường Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá
10	Ngô Dũ Hiệp	Hoa	Chủ tịch Hội Tương tế người Hoa huyện Phú Quốc
11	Lưu Tuyết Loan	Hoa	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Vương, TP. Rạch Giá
12	Danh Lụa	Khmer	Cán bộ hưu trí phường An Hòa, TP. Rạch Giá
13	Danh Sô Ma Ly	Khmer	Nông dân ấp Hòa An B, Ngọc Hòa, Giồng Riềng
14	Huỳnh Minh Trang	Hoa	Trưởng ban Hội Tương tế người Hoa, huyện Vĩnh Thuận
15	Thị Sưởng	Khmer	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

TỈNH KON TUM

1	Y Vêng	Xơ-đăng	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
2	Y Mủi	Gia-rai	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	A Nhoi	Gié-Triêng	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Rơ Châm Giáo	Gia-rai	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
5	Kring Ba	Gié-Triêng	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
6	KĐăm Y Đơi	Gia-rai	Phó Giám đốc Sở Công an
7	Nghe Minh Hồng	Xơ-đăng	Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy
8	A Đül	Ba-na	Đoàn Nghệ thuật tỉnh Kon Tum
9	AnNa Hnhem	Ba-na	Trưởng khoa Dinh dưỡng Bệnh viện Đa khoa tỉnh
10	A Miên	Gié-Triêng	Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh
11	Sô Lây Tăng	Gié-Triêng	Nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy
12	Đinh Thị Quyết	Hrê	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân TP. Kon Tum
13	Y Thăch	Ba-na	Nhà giáo ưu tú, Giáo viên Trường Mầm non Thủy Tiên, TP. Kon Tum
14	Y HLur	Ba-na	Đảng uỷ viên, Bí thư Chi bộ làng Kon Tum KNâm, Phó Trưởng Trạm Y tế, phường Thống Nhất, TP. Kon Tum

15	A Gái	Gia-rai	Công dân gương mẫu Plei Drân, xã Hòa Bình, TP. Kon Tum
16	Lê Thị Kim Đơn	Ba-na	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy huyện Đăk Hà
17	Y Thọ	Xo-đăng	Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
18	A Hun	Ba-na	Nông dân sản xuất giỏi xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà
19	Xiêng Văn Lanh	Gié-Triêng	Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi
20	Y Hiền	Gié-Triêng	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Đăk Nông, Ngọc Hồi
21	Y Pan	Brâu	Trưởng ban Mặt trận làng Đăk Mế, xã Bờ Y, Ngọc Hồi
22	Thao Nhe	Brâu	Thanh niên làng Đăk Mế, xã Bờ Y, Ngọc Hồi
23	Thao Lợi	Brâu	Trưởng làng Đăk Mế, xã Bờ Y, Ngọc Hồi
24	Y Nhốt	Brâu	Nông dân làng Đăk Mế, xã Bờ Y, Ngọc Hồi
25	Nàng Y Thanh	Brâu	Nông dân làng Đăk Mế, xã Bờ Y, Ngọc Hồi
26	A Kham	Xo-đăng	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đăk Tô
27	Y Huỳnh	Xo-đăng	Học sinh Trường Trung học Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Tô
28	A Ngọc Mít	Xo-đăng	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy huyện Tu Mơ Rông
29	Y Thị Bích Thọ	Xo-đăng	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đăk Glei
30	Đinh Thế Dơ	Xo-đăng	Chủ tịch Hội Người cao tuổi huyện Đăk Glei
31	A Thanh Sắc	Gié-Triêng	Trưởng phòng Nội vụ huyện Đăk Glei
32	Y Miên	Gié-Triêng	Nông dân làng Đăk Boók, xã Đăk Blô, Đăk Glei
33	A Dăm	Xo-đăng	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Kon Plong
34	Đinh Siu Giang	Xo-đăng	Phó Hiệu trưởng Trường trung học Dân tộc nội trú huyện Kon Plong
35	A JRing Đeng	Ba-na	Già làng thôn 5, xã Tân Lập, Kon Rãy
36	Y Xuân	Hrê	Cán bộ hưu trí thôn 4, Thị trấn Đăk Rve, Kon Rãy
37	Ksor Liu	Gia-rai	Trưởng ban Ban Dân vận Huyện ủy Sa Thầy

38	A GLá	Rơ Măm	Nguyên Bí thư Đảng uỷ xã Mo Rai, Sa Thầy
39	A Minh	Rơ Măm	Nông dân làng Le Rơ Măm, xã Mo Rai, Sa Thầy
40	A Khǎn	Rơ Măm	Nông dân làng Le Rơ Măm, xã Mo Rai, Sa Thầy
41	Y Ben	Rơ Măm	Nông dân làng Le Rơ Măm, xã Mo Rai, Sa Thầy
42	Y Giới	Rơ Măm	Nông dân làng Le Rơ Măm, xã Mo Rai, Sa Thầy

TỈNH LAI CHÂU

1	Vương Văn Thành	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
2	Giàng A Tính	Mông	Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh
3	Lý Anh Po	Hà Nhì	Trưởng ban Ban Dân vận tỉnh
4	Tẩn Văn Pao	Dao	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
5	Lý Văn Páo	Giáy	Nông dân phường Quyết Thắng, thị xã Lai Châu
6	Lương Thị Tuyến	Thái	Trưởng Phòng Giáo dục huyện Tam Đường
7	Sùng Lử Páo	Mông	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Tam Đường
8	Tao Văn Kha	Lự	Bí thư Chi bộ bản PaPe, xã Bình Lư, Tam Đường
9	Lò Văn Sâu	Lự	Bí thư Đảng bộ xã Bản Hon, huyện Tam Đường
10	Vàng Thị Giọt	Lự	Nông dân bản Hon I, xã Bản Hon, Tam Đường
11	Tẩn A Đầu	Dao	Bí thư Đảng uỷ xã Hồ Thầu, Tam Đường
12	Tẩn Thị Xoè	Giáy	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Bản Bo, Tam Đường
13	Lò Văn Hặc	Lào	Bí thư Đảng uỷ xã Nà Tăm, Tam Đường
14	Lò Thị Bun Phốm	Lào	Nông dân bản Nà Hiềng, xã Nà Tăm, Tam Đường
15	Trần Thị Yêu	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Phong Thổ
16	Lý Thị Cha	Mông	Bí thư Đoàn thanh niên xã Dào San, Phong Thổ
17	Lý Văn Sồ	Hà Nhì	Nông dân xã Ma Ly Chải, Phong Thổ
18	Chang Mỳ Ý	Hà Nhì	Nông dân xã Huổi Luông, Phong Thổ
19	Tẩn Lở Mẩy	Dao	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Sì Lờ Lâu, Phong Thổ

20	Sân Văn Chầu	Giáy	Chủ tịch Hội Nông dân xã Nậm Xe, Phong Thổ
21	Sìn Văn Sú	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Sìn Hồ
22	Mùa A Páo	Mông	Anh hùng Lực lượng vũ trang, thị trấn Sìn Hồ
23	Pờ Mỳ So	Hà Nhì	Bí thư Chi bộ xã Nậm Ban, Sìn Hồ
24	Lò Văn Én	Lụ	Bí thư Chi bộ xã Ma Quai, Sìn Hồ
25	Tao Văn Ón	Lụ	Nông dân xã Nậm Tăm, Sìn Hồ
26	Tao Văn Kéo	Lụ	Nông dân xã Nậm Tăm, Sìn Hồ
27	Lý Thị Chuóng	Mảng	Bí thư Đảng uỷ xã Nậm Ban, Sìn Hồ
28	Tào A Toi	Mảng	Nông dân xã Nậm Ban, Sìn Hồ
29	Sìn Văn Siêng	Mảng	Trưởng bản xã Chăn Nưa, Sìn Hồ
30	Lý Thị Thuận	Dao	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Nậm Cha, Sìn Hồ
31	Lý Thị Đào	Thái	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ bản Giăng, xã Mường Tè, Mường Tè
32	Vàng A Tú	Mông	Phó Bí thư Đoàn thanh niên xã Nậm Manh, Mường Tè
33	Lò Phù Mé	Hà Nhì	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mường Tè
34	Pờ Pé Tư	Hà Nhì	Trưởng Công an huyện Mường Tè
35	Chang Cha Pò	Hà Nhì	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Ka Lăng, Mường Tè
36	Khoảng Khù Xó	Hà Nhì	Nông dân xã Mường Tè, Mường Tè
37	Ly Xạ Pu	La Hủ	Bí thư Đảng uỷ xã Pa Ủ, Mường Tè
38	Ky Khù Xá	La Hủ	Nông dân xã Pa Vệ Sủ, Mường Tè
39	Phùng Mò Be	La Hủ	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Bum Tở, Mường Tè
40	Lỳ Nhù Chù	La Hủ	Giáo viên xã Ka Lăng, Mường Tè
41	Thàng Phí Xè	La Hủ	Nông dân xã Pa Ủ, Mường Tè
42	Ly Mò Xá	La Hủ	Nông dân xã Pa Vệ Sủ, Mường Tè
43	Vàng Xuân Hiệp	Si La	Chánh án Toà án ND huyện Mường Tè
44	Hù Chà Khaو	Si La	Già làng xã Can Hồ, Mường Tè
45	Giàng Cố Phương	Si La	Nông dân xã Can Hồ, Mường Tè

46	Lò Văn Chèo	Mảng	Trưởng bản xã Nậm Hàng, Mường Tè
47	Lò A Đông	Mảng	Trưởng bản xã Bum Nưa, Mường Tè
48	Tao Me Hiền	Mảng	Nông dân xã Pa Vệ Sủ, Mường Tè
49	Chang Văn San	Cống	Hội Người cao tuổi xã Nậm Khao, Mường Tè
50	Lò Thị Ga	Cống	Nông dân xã Can Hồ, Mường Tè
51	Chang Thị Nàng	Cống	Nông dân xã Nậm Khao, Mường Tè
52	Lò Thị Thung	Cống	Nông dân xã Nậm Khao, Mường Tè
53	Chang Ngọc Loan	Cống	Cán bộ Phòng Văn hoá Thông tin huyện Mường Tè
54	Lý Văn Làng	Cống	Cán bộ Văn phòng Huyện uỷ Mường Tè
55	Phan Văn Nguyên	Thái	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Tân Uyên
56	Giàng A Sử	Mông	Phó Bí thư Huyện đoàn Tân Uyên
57	Lò Thị Sòn	Lào	Cán bộ Uỷ ban nhân dân xã Mường Khoa, Tân Uyên
58	Hoàng Văn Sơn	Khơ-mú	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Tà Mít, Tân Uyên
59	Lý Thị Xuân	Thái	Trưởng Ban Dân vận Huyện uỷ Than Uyên
60	Tòng Thị Vân	Thái	Giáo viên Trường phổ thông DTNT huyện Than Uyên
61	Giàng A Sinh	Mông	Công an huyện Than Uyên
62	Hoàng Văn Hom	Khơ-mú	Trưởng bản Thẩm Phé, xã Mường Kim, Than Uyên

TỈNH LÂM ĐỒNG

1	Lơ Mu Ha Krong	Cơ-ho	Uỷ viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Đàm Xuân Đêu	Mạ	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
3	K'Brêu	Cơ-ho	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
4	Păng Ting Uốk	Cơ-ho	Phó Ban Dân tộc tỉnh
5	Nahria Ya Duck	Cơ-ho	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
6	Thiên Jiong	Chu-ru	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đức Trọng

7	Dơ Woang Ya Gương	Chu-ru	Phó Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện Đức Trọng
8	Ma Huệ	Chu-ru	Giáo viên Trường Trung học cơ sở Đa quyn, Đức Trọng
9	Ka Phương	Cơ-ho	Y sĩ, Đà Loan, Đức Trọng
10	Chung Văn Bình	Hoa	Uỷ viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đức Trọng
11	Tạ Thị Trúc Mai	Hoa	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - KP9 - TTLN, huyện Đức Trọng
12	Ya Tuân	Chu-ru	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đơn Dương
13	Tou Prong Nai Khoan	Chu-ru	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đơn Dương
14	So Hao Dung	Cơ-ho	Trưởng Khoa LS, Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương
15	Tou Prong Dzung	Chu-ru	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Ka Đô, Đơn Dương
16	Ya Ga	Chu-ru	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Tu Tra, Đơn Dương
17	Kră Jǎn Tēn	Cơ-ho	Phó Bí thư Văn phòng Huyện uỷ huyện Lạc Dương
18	Liêng Jrang K'Lóc	Cơ-ho	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đạ Sar, Lạc Dương
19	K'Krong	Cơ-ho	Bí thư xã Đạ Đòn, Lâm Hà
20	K'Ôi	Cơ-ho	Bác sĩ Trung tâm Y tế huyện Lâm Hà
21	Ka Brép	Cơ-ho	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Di Linh
22	K'Broi	Cơ-ho	Phó Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện Di Linh
23	K'Brôl	Cơ-ho	Phó Hiệu trưởng Trường Dân tộc nội trú Di Linh
24	K'Nhơr	Cơ-ho	Bí thư xã Đinh Trang Thượng, Di Linh
25	K'Wi	Mạ	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Bảo Lâm
26	Ka Phòm	Mạ	Chủ tịch xã Lộc Lâm, Bảo Lâm
27	K'Jêm	Mạ	Xã Lộc Nga, Bảo Lâm
28	Ka Dèm	Mạ	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Madaguôi, Đạ Huoai
29	Ka Hiên	Mạ	Phó Chủ tịch xã Phước Lộc, Đạ Huoai
30	K'Brêh	Mạ	Phó Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện Đạ Těh

31	Điều K'Giắc	Mạ	Bí thư xã Đồng Nai, Thượng Cát Tiên
32	Đa Cát Ha Tư	Mnông	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Đạ Tông, Đam Rông
33	Kon Yông K'Khét	Mnông	Phó Hiệu trưởng xã Đạ M'Rông, Đam Rông
34	Ngô Văn Nguyên	Hoa	Phó Bí thư, KP1, Phường 2, TP. Đà Lạt

TỈNH LẠNG SƠN			
1	Vy Văn Thành	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
2	Linh Văn Tít	Nùng	Uỷ viên Ban Thường vụ tỉnh uỷ, Trưởng Ban Dân vận tỉnh
3	Mông Văn Sông	Nùng	Phó Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Nông Thị Lâm	Tày	Tỉnh uỷ viên, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
5	Đặng Thị Kiều Vân	Tày	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
6	Đoàn Thị Hậu	Tày	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh
7	Nông Ngọc Tăng	Tày	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
8	Nông Văn Định	Tày	Phó Giám đốc Sở Công an
9	Triệu Sành Lẩy	Dao	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
10	Hoàng Kim Sơn	Tày	Phó Cục trưởng Cục thuế
11	Vì Đình Diêm	Tày	Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh
12	Vì Thị Vời	Tày	Cán bộ, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh
13	Nông Thị Hải Oanh	Tày	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ BCH Biên phòng tỉnh
14	Lý Hùng Chiến	Nùng	Phó Giám đốc Công ty than Na Dương
15	Lương Minh Thuận	Tày	Bí thư Đảng uỷ Công ty Cổ phần Xi măng
16	Lương Thu Hương	Tày	Giám đốc Công ty TNHH Hưng Thịnh, Lạng Sơn
17	Đoàn Thị Hoàn	Tày	Phó Bí thư huyện uỷ, huyện Chi Lăng
18	Lăng Văn Thạch	Nùng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng
19	Vì Thị Thom	Tày	Nông dân thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng

20	Long Văn Sơn	Nùng	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ, huyện Hữu Lũng
21	Hà Quốc Âm	Nùng	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã Thanh Sơn, Hữu Lũng
22	Mã Thị Lý	Nùng	Chủ tịch Hội Nông dân xã Minh Sơn, Hữu Lũng
23	Lý Minh Tâm	Nùng	Cựu chiến binh thôn Lùng Pá, Tân Đoàn, Văn Quan
24	Phùng Thị Bình	Nùng	Chủ tịch Hội Nông dân xã Văn An, Văn Quan
25	Hoàng Thị Thùy	Tày	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Gia
26	Viên Văn Nghiệp	Nùng	Trưởng thôn Tòng Nộc, Thiện Long, Bình Gia
27	Dương Công Diệu	Tày	Bí thư Huyện uỷ Bắc Sơn
28	Hoàng Thị Bền	Nùng	Phó Bí thư thôn Bản Cầm, Vạn Thủy, Bắc Sơn
29	Triệu Thị Tân	Nùng	Nông dân thôn Bình An II, Tân Thành, Bắc Sơn
30	Hoàng Văn Cò	Nùng	Nông dân thôn Hồng Tiến, Nhất Tiến, Bắc Sơn
31	Lý Thị Thành	Nùng	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Cao Lộc
32	Triệu Múi Cói	Dao	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Mẫu Sơn, Cao Lộc
33	Hứa Văn Đạo	Nùng	Bí thư Chi bộ thôn Bản Giếng, Lộc Yên, Cao Lộc
34	Hoàng Đức Hậu	Tày	Chủ tịch Hội Nông dân xã Quan Bản, Lộc Bình
35	Lộc Thị Cú	Nùng	Giám đốc Công ty Bảo hiểm xã hội huyện Lộc Bình
36	Mã Văn Giai	Nùng	Bí thư Huyện uỷ huyện Đình Lập
37	Triệu Hiệu Tú	Dao	Trưởng thôn Khe Buông, Lâm Ca, huyện Đình Lập
38	Đặng Khang	Tày	Cán bộ hưu trí thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập
39	Hà Phan Huy	Nùng	Trưởng phòng Dân tộc & Tôn giáo huyện Văn Lãng
40	Hoàng Quốc Khợ	Tày	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Hoàng Văn Thụ, Văn Lãng
41	Lương Văn Dầu	Nùng	Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đề Thám, Tràng Định
42	Triệu Thị Lóng	Nùng	Hội Phụ nữ xã Kim Đồng, Tràng Định
43	Lô Văn Bảo	Nùng	Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Tân Tiến, Tràng Định
44	Vì Đức Được	Nùng	Bí thư Thành uỷ, thành phố Lạng Sơn
45	Ngô Tiến Dũng	Nùng	Phó Trưởng Công an thành phố Lạng Sơn

46	Vy Văn Khính	Tày	Phó Bí thư đảng uỷ xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn
47	Hoàng Thị Huyền	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, thành phố Lạng Sơn

TỈNH LÀO CAI

1	Sùng Chúng	Mông	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Lý Quang Cấn	Mông	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh
3	Hoàng Thị Cháng	Mông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ban Dân vận và Dân tộc Tỉnh uỷ
4	Giàng Seo Thào	Mông	Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Cử Thị Dung	Mông	Phóng viên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
6	Lý Văn Hải	Dao	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
7	Nông Văn Hưng	Tày	Giám đốc Sở Tài chính
8	Hoàng Minh Ngọc	Tày	Giám đốc Sở Công an
9	Sí Xuân Kìn	Giáy	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
10	Giàng Seo Hòa	Mông	Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Si Ma Cai
11	Lý Seo Dìn	Mông	Bí thư Huyện uỷ huyện Bắc Hà
12	Nguyễn Hữu Thể	Mường	Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bát Xát
13	Giàng Seo Vần	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bảo Yên
14	Giàng Mạnh Nhà	Mông	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mường Khương
15	Giàng Thị Lan	Mông	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Sa Pa
16	Bàn Quốc Cương	Dao	Phó Ban Dân vận và Dân tộc Huyện uỷ Bảo Thắng
17	Hoàng Hữu Trạch	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Văn Bàn
18	Hoàng Đức Ngọt	Nùng	Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự huyện Bảo Yên
19	Tạ Thị Sìn	Giáy	Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bát Xát

20	Sùng Phà Sủi	Phù Lá	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà
21	Sùng A Mềnh	Mông	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Thào Chu Phìn, Si Ma Cai
22	Vàng Thị Mảo	Mông	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã San Sáo Hồ, Sa Pa
23	Châu A Sình	Mông	Bí thư Đảng uỷ xã Sử Pán, Sa Pa
24	Ly Thị Cở	Mông	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Thải Giàng Phố, Bắc Hà
25	Vàng A Sáng	Mông	Nông dân xã Nậm Chày, Văn Bàn
26	Lý Xuân Thành	Mông	Bí thư Đảng uỷ xã Sín Chéng, Si Ma Cai
27	Tản Mùi Nẩy	Dao	Nông dân xã Thanh Phú, Sa Pa
28	Triệu Kim Phúc	Dao	Nông dân xã Phú Nhuận, Bảo Thắng
29	Triệu Thị Tư	Dao	Nông dân xã Văn Sơn, Văn Bàn
30	Lương Thị Sín	Tày	Chi Hội Phụ nữ phường Pom Hán, TP. Lào Cai
31	Hoàng Thị Tím	Tày	Nông dân xã Dương Quỳ, Văn Bàn
32	Trần Thị Lim	Nùng	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Long Khánh, Bảo Yên
33	Nông Thanh Lương	Nùng	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Bản Sen, Mường Khương
34	Vàng Thị Môi	Nùng	Nông dân xã Cốc Ly, Bắc Hà
35	Lù Thị Phương	Nùng	Nông dân xã Nậm Chảy, Mường Khương
36	Hoàng Thị Hường	Giáy	Nông dân xã Cốc San, Bát Xát
37	Triệu Thị Thêu	Giáy	Nông dân xã Kim Sơn, Bảo Yên
38	Vàng Hữu Lương	Giáy	Nông dân phường Xuân Tăng, TP. Lào Cai
39	Sằn Cháng	Giáy	Chủ tịch Hội người cao tuổi xã Tả Van, Sa Pa
40	Ly Giờ Có	Hà Nhì	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Y Tý, Bát Xát
41	Lý Đo Dừa	Hà Nhì	Nông dân xã Bản Qua, Bát Xát
42	Hà Thị Tới	Phù Lá	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Bản Nhai I, xã Kim Sơn, Bảo Yên
43	Sài Chúng Phìn	Phù Lá	Nông dân xã Phong Niên, Bảo Thắng
44	Lù Trá Mìn	La Chí	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Si Ma Cai, Si Ma Cai

45	Lý Văn Phong	La Chí	Nông dân xã Nậm Khánh, Bắc Hà
46	Sầm Hùng Lèng	Bố Y	Dịch vụ, phường Phố Mới, TP. Lào Cai
47	Lồ Lài Sửu	Bố Y	Nông dân xã Thanh Bình, Mường Khương
48	Lồ Dìn Sửu	Bố Y	Nông dân xã Tung Chung Phố, Mường Khương
49	Giàng Sử Diu	Bố Y	Nông dân xã Gia Phú, Bảo Thắng

TỈNH NGHỆ AN

1	Vì Hải Thành	Thái	Bí thư Huyện uỷ huyện Kỳ Sơn
2	Cụt Thị Nguyệt	Khơ-mú	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Kỳ Sơn
3	Xeo Văn Nam	Khơ-mú	Bí thư Đảng uỷ xã Bắc Lý, Kỳ Sơn
4	Moong Phò Hoan	Khơ-mú	Bí thư Đảng uỷ xã Bảo Thắng, Kỳ Sơn
5	Và Phái Tỉnh	Mông	Người có uy tín xã Mường Lống, Kỳ Sơn
6	Vừ Mái Lìa	Mông	Cán bộ xã Tà Cạ, Kỳ Sơn
7	Lo Văn Nghệ	Ơ Đu	Nông dân xã Nga My, Tương Dương
8	Lo Văn Hồng	Ơ Đu	Chủ tịch Hội Nông dân xã Nga My, Tương Dương
9	Lương Thị Hồng	Ơ Đu	Nông dân xã Nga My, Tương Dương
10	Lo Văn Thỏa	Ơ Đu	Học sinh Tiểu học xã Nga My, Tương Dương
11	Lo Thùy Dương	Ơ Đu	Học sinh THCS xã Nga My, Tương Dương
12	Và Xay Pó	Mông	Nông dân xã Nhôn Mai, Tương Dương
13	Kha Thị Hoan	Thái	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tương Dương
14	Vì Xuân Giáp	Thái	Bí thư Huyện uỷ Con Cuông
15	La Thế Kỷ	Thổ	Bí thư Chi bộ bản Châu Sơn, xã Châu Khê, Con Cuông
16	La Thị Thắng	Thổ	Cán bộ Trạm KNKL Con Cuông
17	Vì Xuân Lộc	Thái	Bí thư Đảng uỷ xã Thành Sơn, Anh Sơn
18	Lữ Đình Thi	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quế Phong
19	Moong Thị Thư	Khơ-mú	Nông dân xã Tri Lễ, Quế Phong

20	Xông Y Xia	Mông	Chi hội Phụ nữ bản, xã Tri Lễ, Quế Phong
21	Cụt Thị Mai	Khơ-mú	Nông dân xã Quế Sơn, Quế Phong
22	Lang Thị Hồng	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quỳ Châu
23	Kim Văn Duyên	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Châu Bình, Quỳ Châu
24	Lữ Thị Phương	Thái	Nông dân xã Châu Hội, Quỳ Châu
25	Ngân Thị Hồng	Thái	Trưởng Ban Dân vận huyện Quỳ Hợp
26	Cao Thanh Long	Thổ	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quỳ Hợp
27	Trương Quang Lập	Thổ	Bí thư Đảng uỷ xã Tam Hợp, Quỳ Hợp
28	Sầm Văn Bình	Thái	Nông dân xã Châu Cường, Quỳ Hợp
29	Trương Thị Sứ	Thổ	Nông dân xã Nghĩa Xuân, Quỳ Hợp
30	Vi Văn Đinh	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn
31	Hoàng Văn Thái	Thổ	Phó văn phòng Hội đồng nhân dân-Uỷ ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn
32	Trương Thị Nhung	Thổ	Xóm trưởng xã Nghĩa An, Nghĩa Đàn
33	Đinh Quốc Khanh	Thổ	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tân Kỳ
34	Nguyễn Văn Tân	Thổ	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Tân Hợp, Tân Kỳ
35	Lô Thị Hiền	Thái	Bác sĩ Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Kỳ
36	Vi Tuyền Quynh	Thái	Bí thư Chi bộ bản Tân Lập, xã Thanh Sơn, Thanh Chương
37	Vi Văn Hồng	Thái	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Thắng, Quỳnh Lưu
38	Hồ Thị Thanh	Thổ	Bí thư Chi bộ xã Nghĩa Tiễn, thị xã Thái Hòa
39	Lương Quang Kình	Thái	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
40	Lữ Kim Duyên	Thái	Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh uỷ, Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ
41	Vù Chông Pao	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (người có uy tín cao trong đồng bào Mông)
42	Lô Trung Thành	Thái	Phó Giám đốc Sở văn hóa Thể thao và Du lịch
43	Lữ Văn Tường	Thái	Phó Giám đốc Sở Công an

44	Vì Lưu Bình	Thái	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
45	Vì Hải Việt	Thái	Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
46	Vì Tố Định	Thái	Phó Ban chỉ đạo Xây dựng Hệ thống Chính trị cơ sở tỉnh - Nguyên Phó Chỉ huy trưởng Ban Chấp hành biên phòng tỉnh

TỈNH NINH BÌNH

1	Đinh Thị Ngoan	Mường	Giáo viên Trường Trung học Phổ thông Dân tộc nội trú Ninh Bình
2	Quách Văn Chạc	Mường	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh
3	Nguyễn Thị Hằng	Mường	Bí thư Đoàn xã Yên Sơn, thị xã Tam Đeature
4	Đinh Huy Láng	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Kỳ Phú, Nho Quan
5	Bùi Xuân Cộng	Mường	Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Xuân Hòa, xã Thạch Bình, Nho Quan

TỈNH NINH THUẬN

1	Chamaléa Bốc	Ra-glai	Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Pi Năng Thị Thuỷ	Ra-glai	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bác Ái
3	Chamaléa Châu	Ra-glai	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, xã Phước Trung, Bác Ái
4	Pi Năng Nhật	Ra-glai	Phó Trưởng Công an huyện Bác Ái
5	Chamaléa Ưượng	Ra-glai	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Thuận Bắc
6	Cao Văn Đen	Ra-glai	Bí thư Chi bộ thôn Cầu Gãy, xã Vĩnh Hải, Ninh Hải
7	Pi Năng Thạnh	Ra-glai	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, xã Phước Trung, Bác Ái
8	Cao Phai	Ra-glai	Nguyên Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
9	Trương Ngọc Anh	Chăm	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
10	Quảng Tài	Chăm	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

11	Đặng Thị Mỹ Hương	Chăm	Đại biểu QH, Hiệu trưởng Trường phổ thông Dân tộc nội trú
12	Lưu Nào	Chăm	Phó Bí thư Huyện uỷ Ninh Phước
13	Quảng Đủ	Chăm	Phó Cả sú tộc Chăm Bàlamôn Ninh Phước
14	Thạch Ngọc Sinh	Chăm	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Thành Hải, Ninh Hải
15	Bá Bình Yên	Chăm	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Thuận Nam
16	Thuận Sa Pa	Chăm	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Bắc Sơn, Thuận Bắc
17	Trương Văn Thọ	Chăm	Phó Giám đốc Sở Y tế
18	Hán Văn Chấn	Chăm	Chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ
19	CillPam Mo Lam	Co-ho	Cán bộ trung tâm Văn hoá Thông tin tỉnh
20	Chamaléa Ha Dương	Co-ho	Trưởng thôn Gòn, xã Lâm Sơn, Ninh Sơn
21	K' Tân	Ra-glai	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Ái

TỈNH PHÚ THỌ

1	Đinh Ngọc Thanh	Mường	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ Yên Lập
2	Đinh Thị Hợi	Mường	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Yên Lập
3	Triệu Văn Tiên	Dao	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Thượng Long, Yên Lập
4	Nguyễn Thị Thủy	Mường	Nông dân sản xuất giỏi xã Xuân Thủy, Yên Lập
5	Phùng Văn Tiến	Mường	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ Thanh Sơn
6	Đinh Công Thực	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Sơn
7	Đinh Văn Minh	Mường	Giám đốc Công ty TNHH Khai thác đá Hương Cầm, Thanh Sơn
8	Đinh Thị Hường	Mường	Trưởng Ban Dân vận huyện Thanh Sơn
9	Đặng Đinh Điện	Dao	Bí thư Chi bộ, Trưởng Khu Hạ Thành, xã Tân Lập, Thanh Sơn
10	Bùi Đức Nhẫn	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tân Sơn
11	Nguyễn Xuân Thịnh	Mường	Bí thư Huyện uỷ Tân Sơn

12	Hà Thị Khóa	Mường	Hộ sản xuất kinh doanh giỏi xã Văn Luông, Tân Sơn
13	Bàn Xuân Lâm	Dao	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Xuân Sơn, Tân Sơn
14	Đinh Thanh Hùng	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Yến Mao, Thanh Thủy
15	Hà Văn Hải	Sán Chay	Bí thư Chi bộ xã Hùng Long, Đoan Hùng
16	Trần Xuân Vượng	Sán Chay	Thường trực Đảng uỷ xã Minh Phú, Đoan Hùng
17	Sầm Xuân Sinh	Sán Chay	Già làng xã Ngọc Quan, Đoan Hùng
18	Hà Đức Quảng	Mường	Phó Trưởng ban phụ trách Ban Dân tộc tỉnh
19	Nguyễn Thế Anh	Mường	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
20	Hà Thị Hương	Mường	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh

TỈNH PHÚ YÊN

1	Y Thông	Ê-đê	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Sông Hình
2	Lê Mô Tu	Ê-đê	Bí thư Đảng uỷ, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình
3	KPă H Bin	Ê-đê	Phó buôn Lê Diêm, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình
4	Lương Văn Lách	Chăm	Phó Chủ tịch UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện Sơn Hòa
5	Minh Thị Kim Thanh	Chăm	Phó Hiệu trưởng Trường PTDTNT tỉnh
6	Ma Việt	Chăm	Bí thư Đảng uỷ xã Phú Mõ, huyện Đồng Xuân
7	Bá Thanh Kia	Ba-na	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
8	La Văn Tỷ	Ba-na	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh

TỈNH QUẢNG BÌNH

1	Hồ Thị Thoi	Bru-Vân Kiều	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Trọng Hóa, Minh Hóa
2	Cao Văn Minh	Chứt	Trưởng bản Lương Năng, xã Hóa Sơn, Minh Hóa
3	Cao Tiến Thuỳnh	Chứt	Bí thư Chi bộ bản Mò O Ố Ồ, Thượng Hóa, Minh Hóa
4	Cao Chí Hùng	Chứt	Trưởng bản Cà Xen, Thanh Hóa, Tuyên Hóa

5	Đinh Hợp	Bru-Vân Kiều	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Thượng Trạch, Bố Trạch
6	Hồ Thị Con	Bru-Vân Kiều	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Sơn, Quảng Ninh
7	Hồ Văn Thảo	Bru-Vân Kiều	Bí thư Đảng uỷ xã Kim Thủy, Lệ Thủy

TỈNH QUẢNG NAM

1	Trần Thoại Anh	Hoa	Giáo viên Trung tâm ngoại ngữ - tin học Trường Đại học Quảng Nam
2	Hồ Thanh Bá	Xơ-đăng	Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Nam Trà My
3	Nguyễn Bằng	Cơ-tu	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đông Giang
4	A Viết Thị Bông	Cơ-tu	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Tà Bhing, Nam Giang
5	Châu Thị Minh Định	Co	Chánh án Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My
6	Bờ Nướch Thị Bích Hiền	Cơ-tu	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện đoàn Nam Giang
7	Tôn Thạnh Hiệp	Hoa	Hộ kinh doanh giỏi thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước
8	Nguyễn Thị Thu Hồng	Gié-Triêng	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phước Sơn
9	Nguyễn Thị Huệ	Xơ-đăng	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Trà Tập, Nam Trà My
10	Trần Văn Huệ	Co	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Trà, Núi Thành
11	Đinh Thị Kim	Cơ-tu	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Tây Giang
12	Y Kong	Cơ-tu	Cán bộ lão thành cách mạng huyện Đông Giang
13	Nguyễn Thị Minh Lành	Xơ-đăng	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Bắc Trà My
14	Bh'riu Liếc	Cơ-tu	Tỉnh uỷ viên, Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tây Giang
15	Phong Luôn	Cơ-tu	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Nam Giang
16	Đinh Mướk	Xơ-đăng	Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh uỷ, Đại biểu quốc hội khóa XII, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Trưởng ban tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

17	Chờ Rum Nhiên	Gié-Triêng	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang
18	Hồ Văn Ny	Xo-đăng	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My
19	Nguyễn Văn Phụng	Co	Tổ trưởng Tổ đoàn kết thôn Trà Sung, xã Tam Lãnh, Phú Ninh
20	Lê Thị Quyết	Cơ-tu	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đông Giang
21	Huỳnh Tấn Sâm	Co	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My
22	Arất Thọ	Cơ-tu	Uỷ viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng cơ quan Quân sự huyện Tây Giang
23	Lê Thị Thủy	Cơ-tu	Thường vụ Huyện uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Giang
24	Hiên Vôl	Gié-Triêng	Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Đắc Pring, Nam Giang
25	Tạ Tấn Vũ	Hoa	Uỷ viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hội An, đại biểu Hội đồng nhân dân phường Minh An, thành viên Ban trị sự Hội quán Phước Kiên, TP. Hội An
26	Đỗ Văn Xuân	Gié-Triêng	Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phước Sơn

TỈNH QUẢNG NGÃI

1	Đinh Hoài Bắc	Hrê	Phó Giám đốc Sở Công an
2	Đinh Thị Loan	Hrê	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Phạm Viết Nho	Hrê	Bí thư Huyện uỷ huyện Ba Tơ
4	Đinh Thị Biểu	Hrê	Bí thư Huyện uỷ huyện Minh Long
5	Đinh Văn Dép	Hrê	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà
6	Đinh Văn Siêng	Hrê	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Minh Long
7	Đinh Minh Hoái	Hrê	Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Phạm Thanh Nghìn	Hrê	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

9	Phạm Thị Biên	Hrê	Chủ tịch Cựu chiến binh xã Nghĩa Thọ, Tư Nghĩa
10	Đinh Banh	Hrê	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân xã Sơn Thành, Sơn Hà
11	Sang Lâm Biên	Hrê	Nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Sơn Hà
12	Phạm Văn Thọ	Hrê	Nguyên Bí thư Huyện uỷ Ba Tơ
13	Hồ Văn Thế	Co	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Trà Bồng
14	Hồ Minh Sơn	Co	Nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Trà Bồng
15	Lê Thị Hồng Hải	Co	Bí thư Huyện đoàn Trà Bồng
16	Hồ Quang Minh	Co	Nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Trà Bồng
17	Đinh Thị Hoa Sen	Co	Giáo viên Trường THPT Trà Bồng
18	Hồ Thanh Hùng	Co	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tây Trà
19	Hồ Ngọc Hùng	Co	Trưởng Ban Dân vận Huyện uỷ Tây Trà
20	Hồ Thị Hưng	Co	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Tây Trà
21	Đinh Như Tro	Xor-đăng	Bí thư Huyện uỷ huyện Sơn Tây
22	Lê Văn Đường	Xor-đăng	Nguyên Bí thư Huyện uỷ huyện Tây Trà
23	Đinh Kà Đề	Xor-đăng	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Sơn Hà
24	Đinh Thị Minh Hoa	Xor-đăng	Trưởng phòng Nội vụ huyện Sơn Tây
25	Đinh Thị Điểm Thoa	Xor-đăng	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Sơn Tây

TỈNH QUẢNG NINH

1	Triệu Đức Hương	Dao	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Hoành Bồ
2	Hoàng Mít	Tày	Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ba Chẽ
3	Lô Văn Chấn	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bình Liêu
4	Lý Thị Hoa	Tày	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Đầm Hà
5	Trương Thị Bích Hướng	Dao	Phó Phòng Nghiệp vụ Văn hóa - Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

6	Ân Thị Thìn	Sán Dìu	Phó Chánh Thanh tra - Ban Dân tộc tỉnh
7	Nền Quốc Sinh	Sán Chay	Bí thư Đảng uỷ xã Quảng Lâm, Đầm Hà
8	Ninh A Cun	Sán Chay	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đại Dực, Tiên Yên
9	Chíu Phúc Bảo	Dao	Trưởng bản Long Sông Nà Pò xã Hoành Mô, Bình Liêu
10	Tằng Phúc Sìn	Dao	Trưởng thôn Mốc 13 xã Quảng Đức, Hải Hà
11	Chíu Sìn Sắn	Dao	Bí thư Chi bộ thôn Quế Sơn, xã Đông Ngũ, Tiên Yên
12	Tử Văn Lâm	Sán Dìu	Giám đốc Xí nghiệp Đá Phú Cường, TX. Cẩm Phả
13	Liêu Quý Thuận	Sán Dìu	Già làng thôn Đầm Tròn, xã Bình Dân, Vân Đồn
14	Hà Ngọc Quỳnh	Hoa	Giám đốc Công ty TNHH Thuấn Quỳnh, huyện Hải Hà
15	Văn Tuyết Mai	Hoa	Cán bộ Trung tâm chính trị Huyện uỷ Ba Chẽ

TỈNH QUẢNG TRỊ

1	Hồ Văn Pờn	Pa-cô	Nguyên Bí thư Huyện uỷ huyện Hướng Hoá
2	Hồ Xuân Nhờ	Vân Kiều	Bí thư Huyện uỷ huyện Hướng Hoá
3	Hồ Văn Thành	Vân Kiều	Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hướng Việt, huyện Hướng Hoá
4	Hồ Mơ	Pa-cô	Ủy viên Hội Cựu chiến binh xã A Dơi, huyện Hướng Hoá
5	Hồ Thị Lý	Vân Kiều	Hưu trí xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá
6	Hồ Thanh Bân	Vân Kiều	Bí thư Huyện uỷ huyện Đakrông
7	Hồ Thị Kim Cúc	Pa-cô	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đakrông
8	Hồ Thị Tâm	Pa-cô	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã A Vao, Đakrông
9	Hồ Quang Chiến	Vân Kiều	Già làng thôn Hà Bạc, xã Hướng Hiệp, Đakrông
10	Hồ Văn Ngãi	Vân Kiều	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Linh Thượng, Gio Linh
11	Hồ Viết Tà	Vân Kiều	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Vĩnh Khê, Vĩnh Linh
12	Hồ Văn Núi	Vân Kiều	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh

TỈNH SÓC TRĂNG

1	Thạch Kim Sêng	Khmer	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Lâm Ren	Khmer	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
3	Lâm Phương	Khmer	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
4	Trà Phol	Khmer	Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
5	Lý Thị Sảm	Khmer	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
6	Danh Phương	Khmer	Chánh Văn phòng Ban Dân tộc tỉnh
7	Dương Nhơn	Khmer	Hoà thượng trụ trì chùa Cần Đước, xã Thạnh Phú, MỸ XUYÊN
8	Tăng Nô	Khmer	Hoà thượng trụ trì chùa Khleng, phường 6, TP. Sóc Trăng
9	Nghiêm Sang	Khmer	Gia đình hiếu học tiêu biểu xuất sắc, ấp Preychóp B, xã Lai Hòa, Vĩnh Châu
10	Lý Quang	Hoa	Chủ Doanh nghiệp tư nhân, huyện Vĩnh Châu
11	Thạch Thanh Hoa	Khmer	Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện Vĩnh Châu
12	Huỳnh Phến	Hoa	Chủ tịch Hội Tương tế người Hoa TP. Sóc Trăng
13	Sơn Nul	Khmer	Nông dân tiêu biểu phường 5, TP. Sóc Trăng
14	Ngô Huế Phương	Hoa	Chủ Doanh nghiệp tư nhân, TP. Sóc Trăng
15	Trần Thị Cúc	Khmer	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Sóc Trăng
16	Trần Cang	Hoa	Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Phú Tâm, Châu Thành
17	Lâm Văn Mẫn	Khmer	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Châu Thành
18	Trần Thị Ngọc Liêng	Khmer	Hiệu trưởng Trường tiểu học Phú Tân B, huyện Châu Thành
19	Lý Thuận	Khmer	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Kế Sách
20	Thạch Thuôl	Khmer	Gia đình hiếu học huyện Kế Sách
21	Thạch Sanh	Khmer	Nông dân tiêu biểu huyện Long Phú
22	Trần Liêu	Khmer	Trưởng Ban Quản trị Chùa Bưng Thniết, xã Liêu Tú, Long Phú

23	Lý Đông	Khmer	Nông dân tiêu biểu huyện Thạnh Trị
24	Sơn Thị Vành Đa	Khmer	Hiệu trưởng Trường Dân tộc nội trú huyện Mỹ Tú
25	Thạch Tạ	Khmer	Bí thư Đảng uỷ xã Phú Mỹ, Mỹ Tú
26	Trà Thị Suôl	Khmer	Chủ nhiệm Hợp tác xã làng nghề dệt chiếu huyện Mỹ Xuyên
27	Lý Sên	Khmer	Nông dân tiêu biểu huyện Mỹ Xuyên
28	Lư Tú Linh	Hoa	Nông dân tiêu biểu huyện Mỹ Xuyên
29	Huỳnh Trúc Vũ	Hoa	Nông dân tiêu biểu huyện Cù Lao Dung
30	Trần Minh Chánh	Hoa	Chuyên viên Ban điều hành Chương trình 135 huyện Ngã Năm

TỈNH SƠN LA

1	Thào Xuân Sùng	Mông	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí Thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
2	Hoàng Chí Thức	Thái	Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cầm Ngọc Minh	Thái	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Lò Thanh Hay	Thái	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Giám đốc Sở Công an
5	Thào A Giàng	Mông	Tỉnh uỷ viên, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
6	Thào Sênh Páo	Mông	Tỉnh uỷ viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
7	Cầm Chí Kiên	Thái	Tỉnh uỷ viên, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
8	Hà Duy Hom	Thái	Chính uỷ Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La - Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
9	Hoàng Sương	Kháng	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
10	Đinh Thị Tuân	Mường	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ Bắc Yên
11	Mùa Thị Máy	Mông	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Bắc Yên
12	Lò Văn Phong	Thái	Trưởng bản Cáo Đa I, xã Phiêng Ban, Bắc Yên

13	Mùa Thị Tháy	Mông	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Háng Đồng, Bắc Yên
14	Cầm Văn Thanh	Thái	Phó Bí thư Huyện uỷ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mai Sơn
15	Lò Thị Ươm	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Chiềng Mai, Mai Sơn
16	Cà Thị Păn	Thái	Công nhân Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung
17	Lò Văn Quý	Xinh-mun	Bí thư Chi bộ bản Nà Rờm, xã Chiềng Lương, Mai Sơn
18	Lò Văn Trường	Thái	Bí thư Chi bộ bản Cò Nòi, xã Cò Nòi, Mai Sơn
19	Mè Thị Sơ	Kho-mú	Bí thư Chi bộ bản Co Trai, xã Hát Lót, Mai Sơn
20	Lò Văn Mến	Thái	Bí thư Huyện uỷ Quỳnh Nhai
21	Lò Thị Phương	La Ha	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ bản Tốm, xã Nặm Ét, Quỳnh Nhai
22	Lò Thị Nổi	La Ha	Hội viên Hội Nông dân bản Bung, xã Mường Giàng, Quỳnh Nhai
23	Quàng Văn Hợp	Kháng	Bí thư Chi bộ bản Ngáy, xã Liệp Muội, Quỳnh Nhai
24	Mùa Thị Sinh	Mông	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Mường La
25	Quàng Văn Hay	Kháng	Người có uy tín bản Pá Pù, xã Nặm Dòn, Quỳnh Nhai
26	Lò Văn Sơn	La Ha	Trưởng bản Lọng Bong, xã Hua Trai, Mường La
27	Quàng Văn Phạo	La Ha	Bí thư Chi bộ bản Hin Hon, xã Mường Bú, huyện Mường La
28	Lò Quân Hiệp	Thái	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Sốp Cộp
29	Quàng Văn Chǎn	Thái	Bí thư Đảng uỷ xã Mường Lạng, Sốp Cộp
30	Hà Đức Thiện	Lào	Cán bộ quân y Đồn biên phòng 453
31	Vì Thị Phượng	Lào	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Sốp Cộp
32	Tòng Văn Pāng	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Chiềng Ang, TP. Sơn La
33	Lường An	Thái	Nguyên Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân
34	Mùi Thị Hiền	Mường	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
35	Lò Văn Sôn	Thái	Nguyên Ủy viên Ban thường vụ tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh

36	Cầm Thị Chiêu	Thái	Nguyên Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
37	Lường Thị Chum	Thái	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy huyện Thuận Châu
38	Lò Văn Lo	La Ha	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Noong Lay, Thuận Châu
39	Quàng Thị Chiến	Kháng	Chi Hội trưởng Phụ nữ Bản Kéo Sáo, Phỏng Lập, huyện Thuận Châu
40	Cầm Văn Lung	Thái	Giám đốc doanh nghiệp Nặm Muồi, huyện Thuận Châu
41	Thào Khua Chính	Mông	Nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến và Hành chính khu căn cứ cách mạng Long Hẹ, huyện Thuận Châu, Nguyên Đội trưởng đội du kích khu căn cứ Long Hẹ, huyện Thuận Châu
42	Quàng Văn Thích	La Ha	Bí thư Đảng uỷ xã Liệp Tè, Thuận Châu
43	Giàng Khánh Ly	Mông	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu
44	Hà Ngọc Quý	Thái	Bí thư Đảng uỷ xã Tân Lập, Mộc Châu
45	Vì Thị Sính	Xinh-mun	Nông dân bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, Mộc Châu
46	Lò Thị Lương	Thái	Bí thư Đảng uỷ xã Chiềng Khùa, Mộc Châu
47	Mùa A Giàng	Mông	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Chiềng Xuân, Mộc Châu
48	Hà Thị Kim Oanh	Thái	Phó Giám đốc Bưu điện huyện Mộc Châu
49	Cầm Thị Ngọc	Thái	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Sông Mã
50	Cút Văn Hôm	Khơ-mú	Giáo viên tiểu học xã Mường Hung, huyện Sông Mã
51	Lò Văn Kiết	Xinh-mun	Bí thư Chi đoàn bản Nậm Ún, xã Nà Nghịu, Sông Mã
52	Lò Văn Lan	Xinh-mun	Công an viên bản Đen, Chiềng Khương, Sông Mã
53	Lò Thị Yên	Xinh-mun	Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ xã Huổi Mật, Sông Mã
54	Lường Văn Hoàn	Thái	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Hội đồng nhân dân huyện Yên Châu
55	Vì Văn Khăm	Xinh-mun	Bí thư Đảng uỷ xã Lóng Phiêng, Yên Châu
56	Lò Văn Thân	Xinh-mun	Bí thư Chi bộ bản Huổi Cát, xã Chiềng Sơ, Sông Mã

57	Tráng Lao Lử	Mông	Nguyên Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu
58	Đinh Văn Trường	Mường	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ huyện Phù Yên
59	Lường Mạnh Cường	Thái	Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Tường Tiến, Phù Yên
60	Vàng Thị Sông	Mông	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Suối Tọ, Phù Yên
61	Nguyễn Thị Hiêng	Thái	Giáo viên Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Phù Yên
62	Thào A Sang	Mông	Trưởng bản Đá Đỏ, xã Kim Bon, Phù Yên

TỈNH TÂY NINH

1	Danh Ngất	Khmer	Trưởng ấp Kà Ốt, xã Tân Đông, Tân Châu
2	Đốc Sóc Kha	Khmer	Già làng xã Hòa Hiệp, Tân Biên
3	Chàm Sá	Chăm	Trưởng ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo tỉnh
4	Sa Ty Giá	Chăm	Phó Trưởng ấp Chăm, xã Suối Dây, Tân Châu
5	Lương Huệ Linh	Hoa	Ủy viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Tây Ninh
6	Lâm Thị Mỹ Hà	Xtiêng	Ban Đại diện dân tộc Xtiêng, xã Tân Thành, Tân Châu

TỈNH THÁI NGUYÊN

1	Hà Thị Xoan	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy
2	Phùng Đình Thiệu	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
3	Ma Thị Nguyệt	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Tỉnh
4	Nguyễn Thế Đề	Tày	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy
5	Vi Thị Chung	Nùng	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh
6	Nguyễn Thành Trung	Sán Dìu	Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên

7	Triệu Minh Thái	Nùng	Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Nguyễn Văn Lai	Tày	Trưởng Ban Dân tộc Uỷ ban nhân dân tỉnh
9	Lầu Văn Chinh	Mông	Phó Đội trưởng Phòng Bảo vệ Chính trị 4, Công an tỉnh
10	Ma Thúc Huỳnh	Sán Chay	Trợ lí tác huấn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
11	Hoàng Thị Đặng	Sán Chay	Giáo viên Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc
12	Mã Minh Huệ	Tày	Ca sĩ Nhà hát Ca múa Dân gian Việt Bắc
13	Trương Thị Huệ	Sán Dìu	Bí thư Huyện uỷ huyện Đại Từ
14	Trương Mạnh Kiểm	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ
15	Tạc Thị Nam	Sán Chay	Nông dân xóm 7, xã Hà Thượng, Đại Từ
16	Lương Văn Lành	Tày	Bí thư Huyện uỷ huyện Định Hóa
17	Viên Thị Hoa	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Định Hóa
18	Triệu Văn Hà	Dao	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ Định Hóa
19	Lường Văn Lợi	Sán Chay	Bí thư Đảng uỷ xã Phú Định, Định Hóa
20	Lý Thị Khang	Nùng	Hội viên Hội Nông dân xã Hồng Tiến, Phổ Yên
21	Hoàng Mạnh Quân	Sán Dìu	Bí thư Đảng uỷ xã Minh Đức, Phổ Yên
22	Nguyễn Văn Tiệu	Tày	Bí thư Huyện uỷ huyện Võ Nhai
23	Nông Xuân Bắc	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Võ Nhai
24	Nịnh Văn Hào	Sán Chay	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Võ Nhai
25	Nguyễn Thị Mai	Dao	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Phú Lương
26	Lương Phương Nho	Sán Chay	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Yên Lạc, Phú Lương
27	Lý Bá Hồ	Ngái	Nông dân xóm Cây Thị, xã Ôn Lương, Phú Lương
28	Nguyễn Văn Thành	Sán Dìu	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Cao Ngạn, TP. Thái Nguyên
29	Lê Anh Thái	Sán Dìu	Bí thư Huyện uỷ huyện Đồng Hỷ

30	Đặng Đăng Lý	Dao	Nguyên Trạm trưởng Trạm Y tế xã Hợp Tiến, Đồng Hỷ
31	Thẩm Dịch Thọ	Ngái	Nông dân xóm Tam Thái, xã Hóa Thượng, Đồng Hỷ
32	Hoàng Thanh Giao	Nùng	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Phú Bình
33	Lăng Phi Long	Ngái	Giáo viên Trường Trung học Phổ thông Phú Bình

TỈNH THANH HÓA

1	Lô Thị Luân	Thái	Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
2	Phạm Quốc Án	Mường	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Lò Đức Minh	Thái	Đội trưởng Đội An ninh miền núi, Công an tỉnh
4	Bùi Hồng Tài	Mường	Phó Chỉ huy trưởng Biên phòng tỉnh
5	Hà Văn Thương	Thái	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
6	Lê Quang Tích	Mường	Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Trương Trọng Tuấn	Mường	Chuyên viên Sở Tài chính
8	Lê Chí Thi	Mường	Phó Giám đốc Sở Tư pháp
9	Trịnh Thị Giới	Mường	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
10	Hà Thị Phương	Mường	Phó Bí thư Tỉnh đoàn
11	Hà Thị Lan Hương	Mường	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
12	Cao Thị Xuân	Mường	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
13	Hà Văn Long	Thái	Đại biểu tiêu biểu xã Phú Thanh, Quan Hóa
14	Phạm Văn Phượng	Mường	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
15	Phạm Văn Thư	Thái	Phó Ban Dân tộc tỉnh
16	Phạm Thị Hà	Mường	Hiệu trưởng Trường Trung học Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh
17	Hà Văn Duyệt	Thái	Bí thư Huyện uỷ Mường Lát
18	Sung Thị Xia	Mông	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Nhị Sơn, Mường Lát

19	Phan Thị Phẩy	Dao	Nông dân bản Quǎn Dao, xã Quang Chiểu, Mường Lát
20	Cút Văn Thu	Kho-mú	Bí thư Chi bộ bản Đoàn Kết, xã Tén Tần, Mường Lát
21	Hà Mạnh Hùng	Thái	Bí thư Huyện uỷ huyện Quan Hóa
22	Hà Thị Hiền	Thái	Nông dân tiêu biểu thị trấn Quan Hóa
23	Mùa A Lo	Mông	Bí thư Chi bộ bản Suối Tôn, Phú Sơn, Quan Hóa
24	Lò Đinh Múi	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Quan Sơn
25	Lương Văn Huân	Thái	Nông dân xã Na Mèo, Quan Sơn
26	Thao Văn Chứ	Mông	Trưởng bản Mùa Xuân, Sơn Thủy, Quan Sơn
27	Bùi Văn Huy	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bá Thước
28	Lục Văn Tĩnh	Thái	Bí thư Đảng uỷ xã Cổ Lũng, Bá Thước
29	Bùi Thị Phú	Mường	Nông dân xã Điền Trung, Bá Thước
30	Hà Chí Phấn	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Lang Chánh
31	Hà Thị Tím	Thái	Trưởng bản Cháo, xã Lâm Phú, Lang Chánh
32	Lương Văn Đội	Thái	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Quang Hiến, Lang Chánh
33	Bùi Trung Anh	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Lặc
34	Bàn Văn Quý	Dao	Trưởng bản Tân Thành, xã Thành Lập, Ngọc Lặc
35	Phạm Thị Châu	Mường	Bí thư Chi bộ thôn Giang Sơn, xã Thúy Sơn, Ngọc Lặc
36	Bùi Thị Riên	Mường	Bí thư Huyện uỷ huyện Cẩm Thủy
37	Cao Hồng Quân	Mường	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Giang, Cẩm Thủy
38	Bàn Thị Hiền	Dao	Nông dân xã Cẩm Bình, Cẩm Thủy
39	Bùi Trọng Liên	Mường	Bí thư Huyện uỷ huyện Thạch Thành
40	Nguyễn Thị Lợi	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Thạch Quảng, Thạch Thành
41	Cầm Bá Xuân	Thái	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Thường Xuân
42	Lương Thanh Tuyền	Thái	Trưởng bản Na Nghịu, xã Yên Nhân, Thường Xuân

43	Cầm Thị Tuyết	Thái	Giáo viên Trường Mầm non Xuân Chinh, Thường Xuân
44	Lê Nhân Đồng	Thổ	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Như Xuân
45	Lê Hà Tĩnh	Thổ	Bí thư Đảng uỷ xã Xuân Quỳ, Như Xuân
46	Lê Thị Nhi	Thổ	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Cát Tân, Như Xuân
47	Lê Ánh Hồng	Thổ	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Như Thanh
48	Bùi Thị Hồng	Mường	Chi hội Nông dân xã Yên Lạc, Như Thanh
49	Vi Văn Minh	Thái	Nông dân xã Xuân Thái, Như Thanh
50	Lê Văn Xứng	Mường	Bí thư Đảng uỷ xã Xuân Phú, Thọ Xuân
51	Cầm Thị Sâm	Thái	Nông dân xã Triệu Thành, Triệu Sơn

TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

1	Hồ On	Pa-cô	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
2	Trần Xuân Bình	Cơ-tu	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ Nam Đông
3	Hồ Túi	Cơ-tu	Cán bộ ưu trí thôn Dỗi, xã Thượng Lộ, Nam Đông
4	Hồ Trọng Kýnh	Cơ-tu	Cán bộ ưu trí thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông
5	Lê Văn Trù	Tà-ôi	Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ huyện A Lưới
6	Hồ Đức Vai	Pa-cô	Cán bộ ưu trí, Anh hùng Lực lượng vũ trang, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới
7	Kǎn Lịch	Pa-cô	Cán bộ ưu trí, Anh hùng Lực lượng vũ trang, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới
8	Hồ Văn Đoan	Tà-ôi	Cán bộ ưu trí xã A Ngo, A Lưới
9	Hồ Chí Thời	Pa-cô	Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện A Lưới
10	Hồ Thị Thanh Xuân	Pa-cô	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện A Lưới
11	Hồ Thị Liên	Cơ-tu	Chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Nguyễn Văn Giờ	Pa Hy	Chủ tịch Hội Nông dân xã Hồng Tiến
13	Lê Thị Na	Pa Hy	Bí thư đoàn xã Phong Mỹ, Phong Điền
14	Hồ Văn Phai	Vân Kiều	Nông dân bản Phúc Lộc, xã Xuân Lộc, Phú Lộc

TỈNH TRÀ VINH

1	Thạch Hel	Khmer	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
2	Sơn Minh Thắng	Khmer	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Sơn Thị Ánh Hồng	Khmer	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh
4	Thạch Dư	Khmer	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
5	Kiên Thành	Khmer	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
6	Thái Văn Thìn	Khmer	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
7	Kim Hồng Danh	Khmer	Phó Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
8	Thạch Sôk Xane	Khmer	Trưởng ban Trị sự giáo hội Phật giáo Việt Nam
9	Diệp Tươi	Khmer	Hội trưởng Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh
10	Thạch On	Khmer	MeKone tỉnh Trà Vinh
11	Huỳnh Thu Hoa	Hoa	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
12	Lâm Phú	Khmer	Cán bộ ưu trí phường 8, thị xã Trà Vinh
13	Thạch Minh Mẫn	Khmer	Cán bộ ưu trí phường 3, thị xã Trà Vinh
14	Dương Văn Chép	Khmer	Cán bộ ưu trí ấp Thanh Trì A, xã Đa Lộc
15	Kim Thành Thái	Khmer	Phó Bí thư Huyện uỷ huyện Trà Cú
16	Kim Song Ven	Khmer	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Cầu Ngang
17	Thạch Phân	Khmer	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Cầu Kè
18	Thạch Mây	Khmer	Cán bộ ưu trí xã Hùng Hòa, Tiểu Cần
19	Thạch Oai	Khmer	Hội trưởng Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước, thị xã Trà Vinh
20	Hồng Phùng Quang	Hoa	Hội trưởng Hội Tương tế người Hoa, thị xã Trà Vinh
21	Trịnh Thanh Võ	Hoa	Thương mại dịch vụ Khóm 2
22	Thạch Ven	Khmer	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Long Khánh
23	Kiên Ngọc Bên	Khmer	Nông dân sản xuất giỏi huyện Càng Long

TỈNH TUYÊN QUANG

1	Nguyễn Văn Chuyền	Tày	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Na Hang
2	Hoàng Thị Dấu	Dao	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Sinh Long, Na Hang
3	Nông Thị Thí	Tày	Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở xã Thượng Giáp, Na Hang
4	Tô Thị Nhân	Tày	Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Chiêm Hóa
5	Hoàng Văn Hòa	Tày	Trưởng Trạm Y tế xã Bình Phú, Chiêm Hóa
6	Triệu Thị May	Pà Thẻn	Nông dân thôn Khuổi H López, xã Linh Phú, Chiêm Hóa
7	Lý Đức Quân	Nùng	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Trung Hòa, Chiêm Hóa
8	Nông Văn Tuấn	Tày	Nông dân thôn Kéo Cam, xã Bình Nhân, Chiêm Hóa
9	Bàn Văn Tiến	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, Trưởng thôn Đồng Lường, xã Bình Xá, Hàm Yên
10	Nguyễn Thị Hiển	Dao	Nông dân thôn Ba Trääng, xã Tân Yên, Hàm Yên
11	Vương Thị Duyên	Sán Chay	Trưởng ban Mặt trận thôn Khuân Then, xã Hùng Đức
12	Hứa Văn Tiến	Tày	Trưởng ban Dân vận Huyện uỷ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Hàm Yên
13	Triệu Thị Lún	Dao	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Huyện uỷ huyện Yên Sơn
14	Bế Thị Linh	Tày	Ủy viên Ban thường vụ Huyện uỷ, Trưởng Ban Dân vận huyện Yên Sơn
15	Linh Văn Trung	Nùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Yên Sơn
16	Hoàng Thị Hội	Tày	Nông dân thôn Làng Quài, xã Lực Hành, Yên Sơn
17	Bàn Thị Hưng	Dao	Nông dân thôn Bản Pình, xã Trung Minh, Yên Sơn
18	Vương Xuân Kỳ	Sán Chay	Đội trưởng Đội công an phụ trách xã, Công an huyện Yên Sơn
19	Đặng Văn Liên	Pà Thẻn	Trưởng thôn Tân Minh, xã Kiến Thiết, Yên Sơn

20	Phan Thị Thành	Sán Chay	Chi Hội trưởng Hội Phụ nữ thôn Khe Cua, xã Đội Cấn thị xã Tuyên Quang
21	Hoàng Văn Nhiên	Tày	Nông dân thôn Tân Lập, xã Tân Trào, Sơn Dương
22	Huyên Kỳ Hoa	Sán Dìu	Giám đốc Xí nghiệp Vonfram Thiện Kế, Sơn Dương
23	Mã Phúc Mai	Nùng	Đội phó Đội An ninh, Công an huyện, Sơn Dương
24	Sầm Văn Dùn	Sán Chay	Bí thư Chi bộ thôn Tân Phú, xã Đại Phú, Sơn Dương
25	Đỗ Văn Chiến	Sán Dìu	Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
26	Nguyễn Hồng Thắng	Tày	Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
27	Hứa Kiến Thiết	Tày	Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Công an
28	Hà Hữu Chính	Tày	Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng Ban Dân tộc
29	Âu Văn Hành	Sán Chay	Phó Trưởng Ban Dân tộc
30	Tiêu Xuân Hồng	Sán Chay	Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
31	Bàn Xuân Triều	Dao	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
32	Triệu Kim Long	Dao	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
33	Hoàng Thị Thắm	Tày	Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
34	Phan Thị Mỹ Bình	Sán Chay	Đại biểu Quốc hội khóa XII, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Thị ủy thị xã Tuyên Quang

TỈNH VĨNH LONG

1	Sơn Ry Ta	Khmer	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
2	Thạch Thị Va Ni	Khmer	Giáo viên Trường Mẫu giáo Hướng Dương, xã Loan Mý, Tam Bình
3	Thạch Thị Phỉ	Khmer	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Tân Mý, Trà Ôn
4	Trương Thạch Sanh	Hoa	Chủ tịch Hội Đông y TP. Vĩnh Long
5	Vương Tấn Lợi	Hoa	Lương y khóm 1, thị trấn Cái Vồn, Bình Minh

TỈNH VĨNH PHÚC

1	Trần Văn Sơn	Sán Dìu	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Trần Thị Kim Hoa	Cao Lan (Sán Chay)	Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Hoàng Minh Ái	Sán Dìu	Trưởng phòng Chính sách, Ban Dân tộc tỉnh
4	Dương Văn Sáu	Sán Dìu	Trưởng phòng PX 16, Sở Công an
5	Lưu Đức Long	Sán Dìu	Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Tam Đảo
6	Diệp Văn Tư	Sán Dìu	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên
7	Lục Thị Vòng	Sán Dìu	Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện Sông Lô
8	Chu Văn Sáu	Sán Dìu	Chủ tịch Hội Nông dân huyện Tam Đảo
9	Dương Trung Thắng	Dao	Phó Tham mưu trưởng, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lập Thạch
10	Sầm Viết Lan	Cao Lan (Sán Chay)	Già làng thôn Đồng Dạ, xã Quang Yên, Sông Lô
11	Dương Quỳnh Hương	Dao	Bí thư Chi bộ thôn Thành Công, xã Lãng Công, Sông Lô
12	Dương Văn Trần	Sán Dìu	Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Duy Thông, xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên
13	Trần Thị Loan	Cao Lan (Sán Chay)	Cán bộ phụ trách Thương binh - Xã hội và Dân tộc, Uỷ ban nhân dân xã Quang Sơn, Lập Thạch
14	Đàm Thị Sinh	Sán Dìu	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Đạo Trù, Tam Đảo

TỈNH YÊN BÁI

1	Hoàng Thương Lượng	Tày	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
2	Hoàng Thị Hạnh	Tày	Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
3	Sùng A Vàng	Mông	Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
4	Trần Quang Vinh	Cao Lan (Sán Chay)	Giám đốc Sở Tư pháp

5	Hoàng Trung Năng	Tày	Trưởng Ban Dân tộc tỉnh
6	Triệu Tiến Thịnh	Dao	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ
7	Vương Thị Thoan	Nùng	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
8	Nông Hồng Lai	Tày	Chỉ huy phó - Tham mưu Trưởng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
9	Hoàng Văn Hoàn	Tày	Phó Giám đốc Sở Công an
10	Hà Thị Hải	Mường	Phó Trưởng Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh
11	Vàng A Sàng	Mông	Phó Giám đốc Bệnh viện tỉnh
12	Hoàng Văn Ính	Mường	Chánh Văn phòng Thị uỷ Nghĩa Lộ
13	Hoàng Thị Chanh	Tày	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn
14	Hoàng Hữu Cường	Tày	Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Tân Thịnh, Văn Chấn
15	Hà Ngoan	Mường	Nguyên Bí thư Huyện uỷ Văn Chấn
16	Triệu Đức Trình	Dao	Nông dân sản xuất giỏi xã Minh An, Văn Chấn
17	Hà Thị Hạnh	Tày	Nông dân sản xuất giỏi xã Thượng Bằng La, Văn Chấn
18	Hảng Thị Đông	Mông	Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Bản Công, Trạm Tấu
19	Sùng Tráng Thảo	Mông	Già làng trưởng bản xã Pá Hu, Trạm Tấu
20	Thảo A Sàng	Mông	Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải
21	Sùng A Giàng	Mông	Nông dân sản xuất giỏi xã Khao Mang, Mù Cang Chải
22	Bàn Hữu Quyên	Dao	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Văn Yên
23	Đặng Văn Lả	Phù Lá	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Xã Châu Quế Thượng, Văn Yên
24	Hoàng Thị Tuyến	Tày	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Mậu ĐÔNG, Văn Yên
25	Giàng Thị Muôn	Phù Lá	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đạt Thành, Văn Yên
26	Tăng Thị Nguyên	Nùng	Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Liễu Đô, Lục Yên
27	Triệu Thị Nhạy	Dao	Nông dân sản xuất giỏi xã Phúc Lợi, Lục Yên

28	Hoàng Thị Thế	Tày	Phó Bí thư Đảng uỷ xã Lâm Thượng, Lục Yên
29	Nông Văn Lịnh	Tày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên
30	Vy Thị Nguyệt	Nùng	Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên
31	Hoàng Thị Hạ	Nùng	Thượng úy - Bộ Chỉ huy Quân sự huyện Lục Yên
32	Nguyễn Thành Công	Tày	Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Trấn Yên
33	Hoàng Thị Nhàn	Mường	Chi Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Quy Mông, Trấn Yên
34	Trần Thị Hồng	Cao Lan (Sán Chay)	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ huyện Yên Bình
35	La Thị Hoa	Nùng	Nông dân sản xuất giỏi xã Bảo Ái, Yên Bình
36	Đặng Văn Nam	Dao	Trưởng thôn Ngòi Kè, xã Bảo Ái, Yên Bình

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
THƯ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI ĐẠI HỘI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NAM TẠI PLÂYCU NGÀY 19/4/1946	6
VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	7
HIẾN PHÁP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ NĂM 1946.....	8
HIẾN PHÁP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ NĂM 1959.....	8
HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 1992	9
NGHỊ QUYẾT SỐ 22-NQ/TW NGÀY 27-11-1989 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH LỚN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI.....	10
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM BÌNH ĐẲNG, ĐOÀN KẾT, TÔN TRỌNG, GIÚP NHAU CÙNG PHÁT TRIỂN.....	11
NGƯỜI BA-NA	20
NGƯỜI BỐ Y	23
NGƯỜI BRÂU	26
NGƯỜI BRU - VÂN KIỀU.....	29
NGƯỜI CHĂM	33
NGƯỜI CHU-RU.....	36
NGƯỜI CHƠ-RO	39
NGƯỜI CHÚT.....	42
NGƯỜI CO	46
NGƯỜI CỐNG.....	49
NGƯỜI CƠ-HO.....	52
NGƯỜI CƠ LAO.....	55
NGƯỜI CƠ-TU.....	57
NGƯỜI DAO	60
NGƯỜI É-ĐÊ.....	64
NGƯỜI GIÁY	68
NGƯỜI GIA-RAI	71
NGƯỜI GIÉ - TRIÊNG	75
NGƯỜI HÀ NHÌ	78
NGƯỜI HOA.....	81
NGƯỜI HRÊ	84
NGƯỜI KHÁNG.....	87
NGƯỜI KHMER.....	89
NGƯỜI KHƠ-MÚ	92
NGƯỜI LA CHÍ.....	95
NGƯỜI LA HA.....	99
NGƯỜI LA HỦ.....	102
NGƯỜI LÀO	105
NGƯỜI LÔ LÔ	108
NGƯỜI LỰ	111
NGƯỜI MẠ	114
NGƯỜI MẢNG	117
NGƯỜI MÔNG	119
NGƯỜI MNÔNG	123
NGƯỜI MUÔNG	127
NGƯỜI NGÁI	131
NGƯỜI NÙNG	133
NGƯỜI O ĐU	136
NGƯỜI PÀ THẺN	139
NGƯỜI PHÙ LÁ	141

NGƯỜI PU PÉO	145	NGƯỜI TÀ-ÔI	166
NGƯỜI RA-GLAI	148	NGƯỜI THÁI	170
NGƯỜI RƠ MĂM	151	NGƯỜI THỔ	175
NGƯỜI SÁN CHAY	154	NGƯỜI VIỆT	178
NGƯỜI SÁN DÌU	157	NGƯỜI XINH-MUN	183
NGƯỜI SI LA	160	NGƯỜI XƠ-ĐĂNG	185
NGƯỜI TÀY	162	NGƯỜI XTIÊNG	188
 CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THU	 194		
QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	196		
KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	198		
DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	202		
DANH SÁCH BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	204		
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC TIỂU BAN CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	205		
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG	210		
DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	221		
DANH SÁCH CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐỊA PHƯƠNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ VIỆT NAM	244		



Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên tập nội dung và sửa bản in :

LÊ THỊ THU THỦY - LÝ TUYẾT NHUNG

Biên tập mĩ thuật :

TÀO THANH HUYỀN

Thiết kế sách và trình bày bìa :

PHÒNG THIẾT KẾ - CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG - NXBGDVN

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Mã số : 81750T0 - CDT

In 2 500 bản, (QĐ : 18), khổ 19 x 26,5cm,

In tại Công ty In và Văn hoá phẩm, 83 Hàng Nam, Đống Đa, Hà Nội

Số ĐKKH xuất bản : 285 - 2010/CXB/12 - 375/GD

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2010.